

CHỦ ĐỀ 1: NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

2. Năng lực

- *Năng lực chung:*

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hoạt động kinh tế.

- *Năng lực riêng:*

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các hoạt động kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các hoạt động kinh tế trong xã hội.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.
- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.

- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về các hoạt động trong nền kinh tế.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS vận dụng kiến thức thực tế, hiểu biết của bản thân và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về tên và vai trò một số hoạt động kinh tế đang diễn ra trong đời sống hằng ngày.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên một số hoạt động kinh tế đang diễn ra trong đời sống hằng ngày và chia sẻ vai trò của hoạt động này đối với xã hội.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp: *Một số hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động đó trong đời sống hằng ngày:*

+ *Hoạt động sản xuất: sản xuất ra các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của con người.*

+ *Hoạt động phân phối – trao đổi: thuận tiện cho người mua, góp phần cho sản phẩm lưu thông thông suốt, sản phẩm sẽ dễ dàng nhanh chóng đến với người mua. Doanh nghiệp sẽ bán được nhiều sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và góp phần chiếm lĩnh thị trường cho sản phẩm.*

+ *Hoạt động tiêu dùng: tăng trưởng kinh tế, giúp tăng thu nhập hộ gia đình.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Chúng ta thường biết đến những vấn đề như mua bán, giá cả, lãi suất, thu nhập,...nhưng không phải ai cũng quan tâm tìm hiểu xem các hoạt động kinh tế đang diễn ra như thế nào*

trong đời sống xã hội. Bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các hoạt động kinh tế cơ bản và vai trò của chúng trong đời sống xã hội để chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động kinh tế, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, gia đình và đóng góp cho sự phồn vinh của đất nước. Chúng ta cùng vào **Bài 1 – Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội

- a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.
- b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1, 2 để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.
- c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở khái niệm và vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: + <i>Hoạt động kinh tế với tư cách là hoạt động sử dụng nguồn lực của xã hội nhằm tạo ra các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khác nhau của con người. □ Là hoạt động chủ yếu, đóng vai trò nền tảng trong xã hội loài người.</i> + <i>Nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất các hoạt động kinh tế cơ bản (sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng). Mỗi hoạt động kinh tế có vai trò khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết, qua lại với nhau, đảm bảo cho nền kinh tế không ngừng vận động, phát triển.</i> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1, 2 SGK tr.7 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy mô tả nội dung hoạt động sản xuất trong các hình dưới đây và cho biết hoạt</i>	1. Tìm hiểu về vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội - Nội dung hoạt động sản xuất: + Hình 1: thể hiện hoạt động người công nhân sử dụng tư liệu lao động sản xuất ô tô (trong lĩnh vực công nghiệp). □ Góp phần tạo ra những chiếc ô tô cho con người sử dụng, tạo thu nhập cho người lao động trong nhà máy đó, đóng góp thuế phát triển kinh tế đất nước. + Hình 2: thể hiện hoạt động người nông dân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất lúa gạo (trong lĩnh vực nông nghiệp). □ Góp phần tạo ra lương thực cho con người, tạo thu nhập cho người nông dân, đóng góp thuế phát triển kinh tế đất nước. □ <i>Hai hoạt động ở Hình 1, 2 đều tạo việc làm cho những chủ thể trung gian.</i>

động đó có đóng góp gì cho đời sống xã hội.



- GV hướng dẫn HS đọc nội dung phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

+ Hoạt động sản xuất là gì?

+ Hoạt động sản xuất có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát Hình 1, 2, đọc phần Ghi nhớ, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1.

- GV mời đại diện HS trình bày khái niệm và vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

- Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

- Hoạt động sản xuất có vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò của hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS đọc trường hợp 1, 2 SGK đưa ra, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận về vai trò của hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm, vai trò của hoạt động phân phối và hoạt động trao đổi trong đời sống xã hội.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, đọc thông tin trường hợp 1 SGK tr.7 và trả lời câu hỏi: ❶ Công ty X sản xuất đa dạng các sản phẩm may mặc. Năm qua, do kì được hợp đồng có giá trị lớn về sản phẩm áo sơ mi nam với đối tác nước ngoài nên Ban Giám đốc đã quyết định thu hẹp sản xuất một số sản phẩm có mức tiêu thụ chậm, tập trung nguồn lực như máy móc, nguyên liệu, nhân công,... để thực hiện đơn hàng này. Kinh doanh thành công, doanh thu và lợi nhuận tăng lên rõ rệt nên công ty có điều kiện tăng thêm thu nhập cho cán bộ và nhân viên. Công ty còn quy định mức thưởng xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân nên ai cũng phấn khởi, có thêm động lực để lao động sản xuất. + Ban Giám đốc công ty X đã có những quyết định phân bổ nguồn lực sản xuất và phân chia kết quả sản xuất như thế nào? Những quyết định này mang lại kết quả gì cho doanh nghiệp và người lao động? + Theo em, hoạt động phân phối là gì? Hoạt động này có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội? - GV tiếp tục yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin trường hợp 2 SGK tr.7, 8 và trả lời câu hỏi: + Trong thông tin trên, người dân xã Cán Cấu đến chợ để làm gì? Việc duy trì hoạt động ở chợ Cán Cấu có vai trò gì đối với đời sống của người dân nơi đây?	2. Tìm hiểu về vai trò của hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội * Hoạt động phân phối - Quyết định phân bổ nguồn lực sản xuất và phân chia kết quả của Ban Giám đốc công ty X: + Phân bổ các nguồn lực máy móc, nguyên vật liệu và nhân công vào sản xuất áo sơ mi nam để xuất khẩu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty. + Quyết định phân chia thu nhập theo hướng tăng lương, thưởng cho người lao động, khuyến khích người có đóng góp nhiều cho công ty giúp mọi người phấn khởi, thi đua lao động sản xuất. □ Như vậy: - Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng). - Phân phối có vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp. * Hoạt động trao đổi - Bà con xã Cán Cấu thường đến chợ để trao đổi hàng hóa, mua sắm vật dụng cho sinh hoạt và sản xuất. □ Việc duy trì chợ phiên là một nét đẹp văn hóa, nơi giao thương mua bán của người dân nơi đây (người sản xuất bán được sản phẩm làm ra, người tiêu dùng mua được những thứ mình cần). □ Như vậy:

② Cứ mỗi sáng thứ Bảy, ở xã Cán Cấu (huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai) lại có chợ phiên. Từ mờ sáng, người và xe tập nập đổ về chợ. Chính giữa chợ là hàng chục sạp tập hoá, với quần áo, giày dép, đồ gia dụng, vật liệu sản xuất... Phía cuối chợ là khu



bán lúa, gạo, ngô, lạc, khoai, sắn, rau, quả, lợn, gà,... Đây là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán đưa hàng hoá đến tay người tiêu dùng. Người dân nơi đây ai cũng mong đến phiên chợ để bán được những sản phẩm mình có và mua được những thứ cần thiết cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Theo em, hoạt động trao đổi là gì? Hoạt động này có vai trò gì trong đời sống xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc trường hợp 1, 2 SGK đưa ra, thảo luận theo cặp đôi để trả lời câu hỏi; đọc phần Ghi nhớ hoạt động để rút ra kết luận.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 2; trình bày khái niệm, vai trò của hoạt động phân phối và hoạt động trao đổi trong đời sống xã hội.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

- Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).

- Trao đổi đóng vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS quan sát tranh, đọc thông tin mục 3, làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi và rút ra kết luận; làm việc nhóm để vẽ sơ đồ tư duy, chốt lại những nội dung chính của bài học.

c. Sản phẩm học tập:

- HS nêu và ghi được vào vở khái niệm và vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội.

- HS hoàn thành sơ đồ tư duy, chốt lại nội dung bài học.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh 1, 2 và đọc thông tin SGK tr.8 và trả lời câu hỏi:

- + Các nhân vật trong hai bức tranh trên đang sử dụng sản phẩm gạo với mục đích gì?



Cuối năm 2019, dịch bệnh COVID – 19 bùng phát đã tác động nặng nề tới nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Các biện pháp giãn cách, phong tỏa mà chính quyền đã áp dụng làm hạn chế và thay đổi nhu cầu, thói quen tiêu dùng của người dân. Nhu cầu về các mặt hàng thiết yếu để chăm sóc sức khỏe, chăm sóc cá nhân, ăn uống, vui chơi tại nhà.... tăng cao, tạo cơ hội phát triển cho một số ngành sản xuất như: sản xuất khẩu trang, dung dịch sát khuẩn, máy trợ thở, vắc xin phòng dịch, mì ăn liền, thực phẩm đông lạnh, vận chuyển giao nhận hàng hóa tại nhà.... Những thay đổi trong hoạt động tiêu dùng nêu trên đã tác động đến toàn bộ nền kinh tế: một số doanh nghiệp sản xuất không bán được hàng hóa, nhiều cửa hàng dịch vụ ăn uống phải đóng cửa, các công ty du lịch phải tạm dừng hoạt động vì không có khách....

- + Dịch bệnh COVID-19 khiến hoạt động tiêu dùng thay đổi như thế nào? Những thay đổi của hoạt động tiêu dùng có tác động gì đến đời sống xã hội

- GV yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

- + Tiêu dùng là gì?
- + Tiêu dùng có vai trò và tác động như thế nào đến sản xuất.

- GV chia HS thành 4 nhóm, hướng dẫn các nhóm nhắc lại kiến thức cơ bản vừa khám phá, thảo luận theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung chính của bài học.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát tranh, đọc thông tin mục 3, làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi và rút ra kết luận.

-HS làm việc nhóm để vẽ sơ đồ tư duy, chốt lại những nội dung chính của bài học.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày khái niệm và vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội.

3. Tìm hiểu về vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội

- Mục đích sử dụng gạo của các nhân vật:

- + Tranh 1: con người tiêu dùng trực tiếp. + Tranh 2: làm đầu vào của một hoạt động kinh tế khác (kinh doanh quán cơm bình dân).

- Dịch bệnh COVID-19 khiến hoạt động tiêu dùng bị gián đoạn và chậm lại.

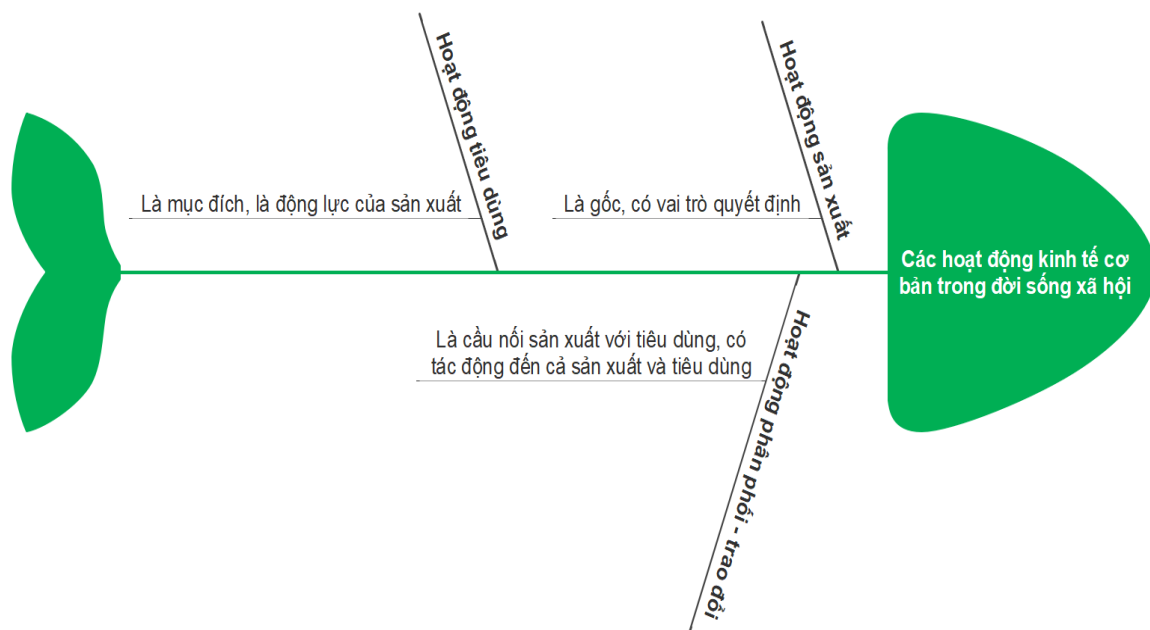
- Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

- Tiêu dùng được coi là mục đích của sản xuất, giữa vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm.

- Tiêu dùng tác động mạnh mẽ đối với sản xuất theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng sản xuất nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, sản xuất sẽ suy giảm khi sản phẩm không tiêu thụ được.

- GV mời đại diện các nhóm HS chốt lại nội dung kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận nội dung bài học: <i>Trong đời sống xã hội, các hoạt động: sản xuất, phân phối – trao đổi, tiêu dùng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mỗi quan hệ đó, sản xuất là gốc, có vai trò quyết định; tiêu dùng là mục đích, là động lực của sản xuất, còn phân phối và trao đổi là cầu nối sản xuất với tiêu dùng, có tác động đến cả sản xuất và tiêu dùng.</i>	
---	--

SƠ ĐỒ TƯ DUY THỂ HIỆN NỘI DUNG BÀI HỌC



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố tri thức vừa khám phá, rèn luyện kỹ năng xử lý tình

huống có liên quan đến các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1, 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.9, 10; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế, liên hệ bản thân và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS trả lời được các câu hỏi tình huống.
- HS đưa ra được lời khuyên cho các nhân vật.
- HS tham gia đóng vai thể hiện vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các trường hợp SGK đưa ra và hoàn thành bài tập 1 SGK tr.9, 10.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận trước lớp:

Câu 1.

- Trường hợp a:

+ Sản xuất xanh là việc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: sử dụng nguyên vật liệu, phương tiện tiêu thụ ít điện năng, điện mặt trời, không gây ô nhiễm môi trường,...

+ Việc thực hiện sản xuất mang lại lợi ích cho doanh nghiệp như: tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, có cơ hội bước chân vào thị trường khó tính đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và phát thải khí nhà kính hướng tới phát triển bền vững cho nền kinh tế. Thực hiện sản xuất xanh thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế, góp phần bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt bảo vệ người tiêu dùng.

- Trường hợp b: Giải pháp điều chỉnh hoạt động phân phối thu nhập của doanh nghiệp Y giúp doanh nghiệp tiếp tục duy trì được hoạt động sản xuất, giữ chân người lao động. Người lao động sẽ tiếp tục có việc làm, có thu nhập tuy thấp nhưng vẫn duy trì được cuộc sống, giữ được việc làm ổn định.

- Trường hợp c:

+ Bán hàng trực tuyến là loại hoạt động trao đổi. Hoạt động này có nhiều ưu điểm: không tốn chi phí thuê mặt bằng, nguồn nhân lực, có nhiều tiện lợi cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, cũng có những hạn chế như: mất thời gian chờ đợi để nhận được hàng hóa, sản phẩm nhận được nhiều khi không đúng với quảng cáo,...

+ Để hạn chế những tiêu cực của hoạt động này, Nhà nước cần tăng cường hoạt động quản lý các trang thương mại điện tử, tăng cường chế tài xử phạt các vụ việc xấu ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng. Người tiêu dùng cũng cần tìm những nơi bán hàng có uy tín để mua sản phẩm.

- Trường hợp d:

+ Hoạt động tiêu dùng các sản phẩm làm từ nhựa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội.

+ Biện pháp giảm bớt việc sử dụng này như: thay đổi thói quen dùng sản phẩm nhựa bằng sử dụng các vật dụng làm từ chất liệu dễ phân hủy như gỗ, giấy,...

- GV mời đại diện cặp khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang bài tập mới.

Nhiệm vụ 2: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những tình huống sau

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong tình huống bài tập 2 SGK tr.10.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, thảo luận theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp:

Câu 2.

a. Việc làm giả một số sản phẩm thương hiệu nổi tiếng là vi phạm pháp luật về cạnh tranh nên chị H không nên làm như vậy.

b. Nếu là N, em sẽ nói với bố mẹ rằng các bạn HS rất ham chơi trò chơi điện tử, bố mẹ kinh doanh vì muốn thu được nhiều tiền từ HS trốn học, bỏ tiết để chơi điện tử là không nên.

- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang bài tập mới.

Bài tập 3: Em hãy cùng bạn đóng vai “Táo quân” theo các gợi ý

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV hướng dẫn HS trò chơi sắm vai: Táo quân.

- GV hướng dẫn HS:

+ *Mỗi nhóm xây dựng kịch bản với bối cảnh các Táo Sản xuất, Táo Phân phối - Trao đổi và Táo Tiêu dùng lên báo cáo tình hình hoạt động của nền kinh tế với Ngọc Hoàng. Từng vai Táo khẳng định lĩnh vực mình phụ trách có những đóng góp quan trọng trong đời sống xã hội.*

+ *HS các nhóm phân công cụ thể vai diễn và thực hiện vở diễn trước lớp.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế, phân công cụ thể vai diễn, kịch bản.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm thực hiện vở diễn trước lớp.
- GV mời các nhóm nhận xét, đặt câu hỏi.
- GV khuyến khích, động viên tinh thần tham gia của HS.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học về vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.10; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Ý tưởng kinh doanh trực tuyến một mặt hàng.
- Tranh cổ động cho hoạt động “Tiêu dùng xanh”, nội dung và ý nghĩa của bức tranh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV yêu cầu HS: *Trả lời câu hỏi 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.10.*

- GV hướng dẫn HS:

+ Bài tập 1: *HS sử dụng mạng xã hội với những thông tin sẵn có từ bạn bè người thân, tập rao bán một vài loại sản phẩm nào đó nhân dịp ngày lễ tết như: bán quà lưu niệm nhân ngày 20/11, dịp Tết trung thu, ngày 8/3,...*

+ Bài tập 2: *HS có thể vẽ tranh chiếc xe đạp với khẩu hiệu Giải pháp xanh,...*



- GV trình chiếu cho HS tham khảo một số hình ảnh về

“Tiêu dùng xanh”:



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập



- HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học theo sự hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết thúc tiết học.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Làm bài tập *Bài 1* – Sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức *Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế*.

BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia nền kinh tế với vai trò chủ thể kinh tế cụ thể, Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi thực hiện vai trò chủ thể kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi thực hiện vai trò của chủ thể kinh tế cụ thể.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.

- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về các chủ thể tham gia nền kinh tế.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Các chủ thể của nền kinh tế*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các chủ thể của nền kinh tế, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b. Nội dung: GV cho HS lắng nghe bài hát “*Bài ca xây dựng*” (sáng tác: Hoàng Vân); HS lắng nghe bài hát và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS hoạt động kinh tế của những người tham gia lao động trong bài hát “*Bài ca xây dựng*”.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS lắng nghe bài hát “*Bài ca xây dựng*” (sáng tác: Hoàng Vân).

https://www.youtube.com/watch?v=SOtQUC-fm_Q

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Nội dung bài hát ca ngợi những người lao động đang tham gia hoạt động kinh tế nào?*

+ *Họ có đóng góp gì cho nền kinh tế?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, hát theo giai điệu của bài hát và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp: *Những người lao động trong bài hát “Bài ca xây dựng” là những người thợ xây - họ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và là chủ thể của nền kinh tế.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mỗi chúng ta đều tham gia vào nền kinh tế với những vai trò khác nhau nhưng ít khi tìm hiểu vấn đề nền kinh tế đang hoạt động bởi những chủ thể nào và vai trò của họ trong sự phát triển của đời sống xã hội. Bài học này sẽ giúp các em nhận biết được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của họ khi tham gia các hoạt động kinh tế để từ đó xác định được vai trò, trách nhiệm công dân của*

bản thân và gia đình với tư cách là một chủ thể trong nền kinh tế. Chúng ta cùng vào **Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế**.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về chủ thể sản xuất

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được chủ thể sản xuất trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể sản xuất khi tham gia nền kinh tế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh, đọc các trường hợp SGK tr.11, 12 đưa ra và trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận khái niệm và vai trò của chủ thể sản xuất.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm và vai trò của chủ thể sản xuất.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Chủ thể kinh tế là những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế, bao gồm: chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng, chủ thể trung gian và Nhà nước. Các chủ thể của nền kinh tế không chỉ thực hiện tốt vai trò trong lĩnh vực kinh tế mình tham gia mà còn đóng góp cho sự ổn định, phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, quan sát hình ảnh minh họa, đọc trường hợp SGK tr.11, 12 đưa ra và trả lời câu hỏi: <i>Các nhân vật trong tranh và anh Q tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì? Họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?</i>	1. Tìm hiểu về chủ thể sản xuất - Các nhân vật trong tranh, anh Q là các nhà đầu tư, người lao động sản xuất, họ là chủ thể sản xuất, trực tiếp làm ra của cải vật chất phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội. □ Anh Q đã: + Cung cấp nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp phục vụ khách hàng, thường xuyên nghiên cứu, cải tiến kĩ thuật để làm ra hàng hoá có chất lượng cao, giá thành hạ. + Tạo việc làm cho người lao động, đóng thuế cho ngân sách nhà nước và tham gia hoạt động từ thiện.



Anh Q là chủ một doanh nghiệp chuyên sản xuất đồ nội thất, luôn quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng. Anh dày công nghiên cứu, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường được người tiêu dùng trong và ngoài nước ưa chuộng. Bên cạnh đó, anh cũng luôn quan tâm đến việc nâng cao hiệu quả kinh doanh, cải tiến kĩ thuật, phương thức quản lí, thực hiện kinh doanh có đạo đức và trách nhiệm xã hội. Doanh nghiệp của anh góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho nhiều lao động ở địa phương, đóng thuế cho ngân sách nhà nước và tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện,...

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

+ Theo em, chủ thể sản xuất là ai?

+ Chủ thể sản xuất có vai trò gì trong đời sống xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh, đọc các trường hợp SGK tr.11, 12 đưa ra và trả lời câu hỏi; đọc phần Ghi nhớ hoạt động để rút ra kết luận.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1.

- GV mời đại diện HS trình bày khái niệm và vai trò của chủ thể sản xuất.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

- Chủ thể sản xuất là những người sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Chủ thể sản xuất có vai trò:

+ Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận, thoả mãn nhu cầu hiện tại của xã hội hiện tạo, tương lai trong điều kiện nguồn lực có hạn.

□ Chủ thể sản xuất luôn phải quan tâm đến việc lựa chọn sản xuất hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào để đạt hiệu quả.

+ Có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khoẻ và lợi ích của con người trong xã hội.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về chủ thể tiêu dùng

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được chủ thể tiêu dùng trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể tiêu dùng khi tham gia nền kinh tế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh minh họa 1.2, đọc thông tin SGK đưa ra tr.12, 13 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận chủ thể tiêu dùng là ai và vai trò của chủ thể tiêu dùng.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở chủ thể tiêu dùng là ai và vai trò của chủ thể tiêu dùng.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS thành 4 nhóm (2 nhóm thảo luận 1 trường hợp). - GV yêu cầu các nhóm thảo luận, quan sát tranh minh họa 1, 2, đọc thông tin 1, 2 SGK tr.12, 13 đưa ra và trả lời câu hỏi: + <i>Các nhân vật trong các bức tranh tham gia nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?</i> + <i>Người tiêu dùng có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội? Vì sao người tiêu dùng phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội?</i> Nền kinh tế có nhiều khởi sắc khiến tiêu dùng của người dân có xu hướng tăng. Nhờ vậy, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nhanh hơn, kích thích sản xuất, kinh doanh phát triển. Nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng là động lực quan trọng, định hướng cho sản xuất phát triển. Trong nền kinh tế thị trường, người tiêu dùng còn thể hiện trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội như: lựa chọn tiêu dùng những hàng hoá thân thiện với môi trường, không sử dụng sản phẩm của những doanh nghiệp gây ô nhiễm, tàn phá môi trường, gây độc hại đến sức khoẻ con người,... - GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết: + <i>Chủ thể tiêu dùng là ai?</i> + <i>Chủ thể tiêu dùng có vai trò gì?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Tìm hiểu về chủ thể tiêu dùng - Các nhân vật trong các tranh đóng vai trò là chủ thể tiêu dùng. - Người tiêu dùng phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội vì: + Người tiêu dùng là lực lượng chiếm đại đa số trong xã hội. + Mỗi lựa chọn của người tiêu dùng đều có sự ảnh hưởng nhất định đối với đời sống xã hội. ☐ Người tiêu dùng nên thể hiện trách nhiệm của mình bằng cách lựa chọn tiêu dùng những hàng hóa thân thiện với môi trường, không sử dụng những sản phẩm chế biến từ động vật hoang dã, sản phẩm của những doanh nghiệp gây ô nhiễm, tàn phá môi trường, gây độc hại đến sức khỏe con người. - <i>Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,...</i> - <i>Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.</i>

- HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh minh họa 1.2, đọc thông tin SGK đưa ra tr.12, 13 đưa ra để trả lời câu hỏi: + Quan sát tranh và nêu vai trò của các nhân vật trong tranh. + Đọc thông tin và nêu vai trò và trách nhiệm của người tiêu dùng đối với sự phát triển xã hội. - HS đọc phần Ghi nhớ trong hoạt động để rút ra kết luận. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 2. - GV mời đại diện HS trình bày khái niệm và vai trò của chủ thể tiêu dùng. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu về chủ thể trung gian

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được chủ thể trung gian trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể trung gian khi tham gia nền kinh tế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh minh họa, đọc thông tin SGK tr.13, 14 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận chủ thể trung gian là ai và vai trò của chủ thể trung gian.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở chủ thể trung gian là ai và vai trò của chủ thể trung gian.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm (2 nhóm thảo luận 1 trường hợp).	3. Tìm hiểu về chủ thể trung gian - Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong bức tranh trên là chủ thể trung gian: + Nhà phân phối hàng hóa: Giúp việc lưu thông hàng hoá tập trung về đầu mối và phân phối đi

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, quan sát tranh minh họa 1, 2, đọc các thông tin 1, 2 SGK tr.13 và thực hiện nhiệm vụ:

+ *Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong mỗi bức tranh trên là ai?*

+ *Hoạt động của họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?*



- ❶ Nhà phân phối hàng hoá là người mua, trữ hàng và bán lại cho các đại lí hay nhà bán lẻ, giúp việc lưu thông hàng hoá tập trung về đầu mối và phân phối đi các nơi nhanh gọn, hiệu quả.
- ❷ Môi giới việc làm là trung gian giữa người có nhu cầu kiếm việc làm và người có nhu cầu thuê mướn lao động thông qua việc cung cấp các thông tin về việc làm và người lao động để được hưởng phí môi giới, giúp cho việc tìm kiếm việc làm và người lao động thuận lợi, nhanh chóng hơn.

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

+ *Chủ thể trung gian là ai?*

+ *Chủ thể trung gian có vai trò gì trong hoạt động kinh tế ?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh minh họa, đọc thông tin SGK tr.13, 14 đưa ra để trả lời câu hỏi:

+ Quan sát tranh và chỉ ra chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong tranh.

+ Đọc các thông tin và chỉ ra những đóng góp của các nhân vật trong tranh đối với đời sống xã hội.

- HS đọc phần Ghi nhớ trong hoạt động để rút ra kết luận.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 3.

các nơi nhanh gọn, hiệu quả, + Môi giới việc làm: Cung cấp thông tin về việc làm và người lao động để được hưởng phí môi giới □ Việc tìm kiếm việc làm và người lao động thuận lợi, nhanh chóng hơn.

- *Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường:*

+ *Các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá.*

+ *Nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,....*

- *Vai trò của chủ thể trung gian:*

+ *Là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua – bán.*

+ *Giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.*

- GV mời đại diện HS trình bày chủ thể trung gian là ai và vai trò của chủ thể trung gian. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu về chủ thể nhà nước

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được chủ thể nhà nước trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể Nhà nước khi tham gia nền kinh tế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh minh họa 1-2, đọc thông tin 1-2 SGK tr.14 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận chủ thể nhà nước trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể Nhà nước khi tham gia nền kinh tế và thể hiện bằng sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở chủ thể nhà nước trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể Nhà nước khi tham gia nền kinh tế bằng sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn: <i>Bất kì Nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội. Ở Việt Nam, Nhà nước có vai trò kinh tế là tổ chức, quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân thông qua (thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế).</i> - GV chia HS thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau: + Nhóm 1: <i>Nội dung các hình ảnh dưới đây thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế</i>	4. Tìm hiểu về chủ thể nhà nước - Vai trò của Nhà nước trong các hình ảnh: + Ban hành luật, tạo ra khung pháp lý để các chủ thể kinh tế tự do sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. + Thường xuyên tổ chức các hội nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, giúp các chủ thể kinh tế phát triển thuận lợi. - Trước những khó khăn của nền kinh tế, Nhà nước đã nhanh chóng ban hành những cơ chế, chính sách như giãn nợ, miễn giảm thuế; giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

thuận

lợi?



+ Nhóm 2: Đọc nội đoạn thông tin 1 và cho biết: *Nhà nước đã làm gì trước những khó khăn của nền kinh tế do tác động của đại dịch COVID – 19?*

- ① Đại dịch COVID – 19 gây tác động lớn đến mọi mặt đời sống kinh tế – xã hội. Chính phủ đã nhanh chóng ban hành những cơ chế, chính sách như giãn nợ, miễn giảm thuế,... nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch bệnh.

+ Nhóm 3: Đọc nội dung đoạn thông tin 2 và cho biết: *Nhà nước đã làm gì để giải quyết vấn đề đói nghèo trong xã hội, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa?*

- ② Đảng và Nhà nước luôn đặt vấn đề giải quyết đói nghèo trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội bền vững của cả nước và từng địa phương. Nhà nước đã triển khai các chương trình xoá đói giảm nghèo đến các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Điều đó đã tạo chuyển biến tích cực về sản xuất, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, giảm khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và các vùng miền trong nước.

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ hoạt động, rút ra kết luận và thực hiện nhiệm: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh minh họa 1-2, đọc thông tin 1-2 SGK tr.14 đưa ra để trả lời câu hỏi:

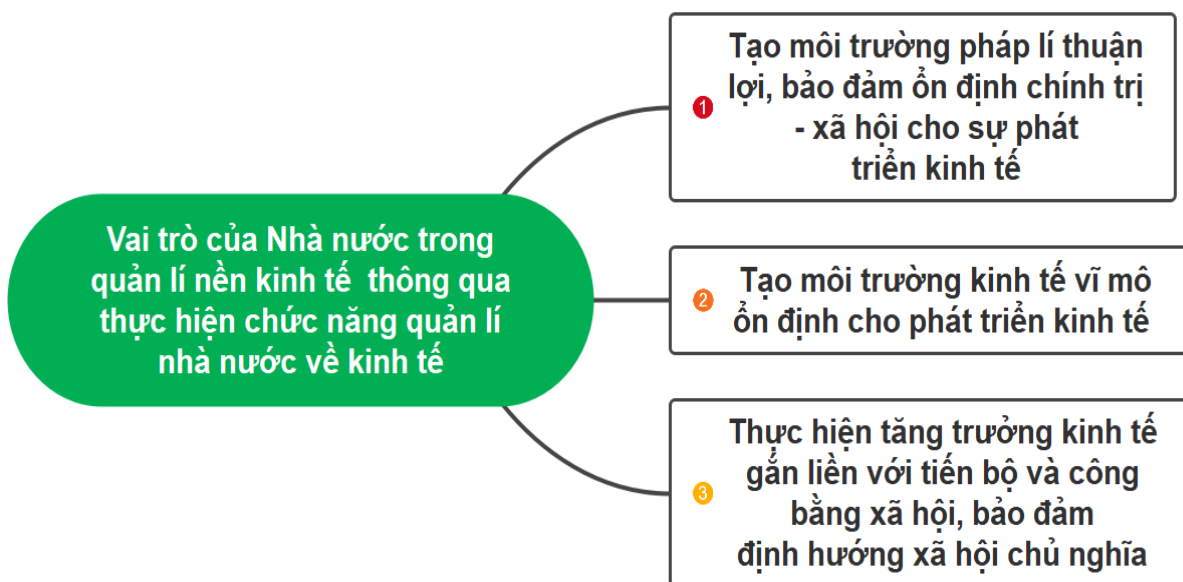
- + Quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi.
- + Đọc các thông tin để nêu lên những việc Nhà nước đã làm trước những khó khăn, thách thức mà đất nước gặp phải.

- Nhà nước đã triển khai các chương trình xoá đói giảm nghèo đến các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, tạo chuyển biến tích cực về sản xuất, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở những nơi khó khăn.

- HS đọc phần Ghi nhớ trong hoạt động để rút ra kết luận. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 4. - GV mời đại diện HS trình bày chủ thể nhà nước trong nền kinh tế và vai trò của chủ thể Nhà nước khi tham gia nền kinh tế bằng sơ đồ tư duy. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	
--	--

**Sơ đồ tư duy thể hiện vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế
thông qua thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế**

C.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá về các chủ thể của nền kinh tế; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống.

b. Nội dung:

- GV cho HS trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm về các chủ thể của nền kinh tế.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.15, 16; HS vận dụng kiến thức đã học và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm.

- HS nhận xét việc thực hiện trách nhiệm công dân của các chủ thể kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế trong các trường hợp.

- HS xử lý tình huống SGK đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV cho HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm: *Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng*

Câu 1. Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể sản xuất?

- A. Là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng.
- B. Là cầu nối giữa tiêu dùng và phân phối.
- C. Tạo môi trường cho sự phát triển kinh tế.
- D. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Giúp nền kinh tế linh hoạt hơn.
- B. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
- C. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- D. Tiết kiệm năng lượng.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể trung gian?

- A. Là cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường.
- B. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ, công bằng xã hội.
- C. Khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như lạm phát, thất nghiệp.
- D. Dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây là vai trò chủ thể kinh tế của Nhà nước?

- A. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.
- B. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- C. Thoả mãn nhu cầu của người sản xuất.
- D. Quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trình bày đáp án:

Câu 1. *Đáp án D*

Câu 2. *Đáp án B*

Câu 3. *Đáp án A*

Câu 4. *Đáp án D.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.15, 16

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV chia HS thành 4 nhóm (2 nhóm đảm nhận 1 bài tập):

+ Nhóm 1: *Nhận xét việc thực hiện trách nhiệm công dân của các chủ thể kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế trong những trường hợp (Bài tập 2 SGK tr.15, 16)*

+ Nhóm 2: *Xử lý các tình huống (Bài tập 3 SGK tr.16).*

- GV hướng dẫn HS nhóm 2: *HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống, thể hiện kịch bản của nhóm mình.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế và thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp:

Nhóm 1:

+ *Trường hợp a: Anh V thể hiện trách nhiệm công dân qua việc chủ động tìm kiếm việc làm để đảm bảo cuộc sống; tìm tòi, học hỏi, lựa chọn được mô hình kinh doanh phù hợp phát triển kinh tế gia đình, tạo việc làm cho người lao động và còn hỗ trợ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.*

+ *Trường hợp b: Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam, có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế đất nước.*

Nhóm 2:

a. Do gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nên bà con nông dân không bán được hàng. Trong trường hợp này, người tiêu dùng nên hỗ trợ, mua sản phẩm nhiều hơn để cân đối cung cầu, giúp người sản xuất khỏi bị thua lỗ, tiếp tục tái sản xuất để cung cấp sản phẩm cho xã hội.

b. Hiện nay, một số công ty môi giới trên mạng xã hội có hành vi lừa đảo cung cấp thông tin giả để thu tiền phí dịch vụ nên K cần nhắc chị P phải cẩn thận, xác định rõ thông tin của công ty môi giới trước khi sử dụng dịch vụ của họ.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chủ thể của nền kinh tế vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.16; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Chia sẻ của bản thân hoặc gia đình em đã tham gia nền kinh tế với tư cách một chủ thể kinh tế và đã thể hiện vai trò của chủ thể đó.

- Sản phẩm truyền thông (viết khẩu hiệu, vẽ tranh) thể hiện thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Trả lời câu hỏi bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.16.*

- GV hướng dẫn HS:

+ *Với bài tập 1, HS có thể chọn với tư cách là chủ thể tiêu dùng hay sản xuất kinh doanh hoặc chủ thể trung gian (với bản thân HS có thể là chủ thể tiêu dùng) để viết bài chia sẻ.*

+ *Với bài tập 2, HS khai thác những biểu hiện sản xuất, tiêu dùng xanh gắn với bảo vệ môi trường, đồng thời quy định về hình thức sản phẩm và thời gian nộp sản phẩm. Khuyến khích các nhóm xây dựng sản phẩm dưới dạng bộ sưu tập hoặc trang trí dưới hình thức báo tường.... sau đó tổ chức trưng bày ở lớp hoặc sân trường.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.
- Trả lời câu hỏi bài tập 1 phần Luyện tập SGK tr.15.
- Làm bài tập *Bài 2* - Sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức *Bài 3: Thị trường*.

CHỦ ĐỀ 2: THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

BÀI 3: THỊ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm thị trường.
- Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thị trường.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về thị trường.
 - Giải quyết vấn đề sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thị trường.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* có những hành vi đúng khi tham gia thị trường. Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia thị trường.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội:* tìm hiểu, tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia thị trường.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, Giáo án.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về thị trường.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Thị trường*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động những kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng của HS về những vấn đề có liên quan đến thị trường; tạo hứng thú học tập cho HS, dẫn dắt HS vào bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS sắm vai và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS sắm vai, trả lời câu hỏi câu trả lời hỏi về đối tượng mua bán ở cửa hàng và chủ thể tham gia vào các hoạt động của cửa hàng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ cho HS: *Em cùng các bạn sắm vai người mua và người bán trong một cửa hàng bán đồ dùng học tập, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:*

a. Đối tượng mua bán ở cửa hàng này là gì?

b. Chủ thể tham gia vào các hoạt động ở cửa hàng này là ai?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sắm vai, thực hiện tình huống và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS sắm vai và thực hiện nhiệm vụ:

a. Đối tượng mua bán ở cửa hàng này là học sinh, sinh viên, trí thức,...

b. Chủ thể tham gia vào các hoạt động ở cửa hàng: chủ thể tiêu dùng và chủ thể trao đổi – phân phối đồ dùng học tập.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Chúng ta vừa xem đóng vai cảnh mua bán trong cửa hàng bán đồ dùng học tập. Đó là một thị trường hàng tiêu dùng. Thị trường ra đời gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, là sợi dây liên kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu dùng. Ngày nay, sự phát triển của kinh tế thị trường đã dẫn tới những biến đổi sâu sắc của hệ thống thị trường trên toàn thế giới. Đất nước ta cũng đang trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Vì vậy, khi tham gia thị trường với những vai trò khác nhau, mỗi chúng ta cần hiểu rõ bản chất, chức năng của thị trường và các vấn đề có liên quan. Để tìm hiểu rõ những vấn đề này, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay – **Bài 3: Thị trường.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm thị trường.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK tr.17, 18 và trả lời câu hỏi về thị trường.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở khái niệm thị trường.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK tr.17, 18 và trả lời câu hỏi: + <i>Sự thay đổi trên quê hương S diễn ra như thế nào?</i> + <i>Khi tham gia hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ bà con phải giải quyết những mối quan hệ kinh tế nào?</i> - GV dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết: <i>Theo em, thị trường là gì?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SGK tr.17, 18 và trả lời câu hỏi về thị trường. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1. - GV mời đại diện HS rút ra kết luận thị trường là gì. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	1. Tìm hiểu khái niệm thị trường - Trả lời câu hỏi trong đoạn thông tin: + Quê hương S có sự thay đổi trong hoạt động mua bán: • Ở đó diễn ra những hoạt động mua bán được liệu từ hoa cát cánh, váy áo, khăn, túi thổ cẩm và dịch vụ du lịch. • Ngoài ra, còn diễn ra hoạt động mua bán trên mạng. + Bà con phải giải quyết các mối quan hệ cung – cầu, cạnh tranh, xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ cung ứng,...trong hoạt động trao đổi, mua bán. - <i>Thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển của nền sản xuất.</i> + Ở cấp độ cụ thể: thị trường là chợ, cửa hàng, phòng giao dịch,... + Ở cấp độ trừu tượng: thị trường là các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán (cung- cầu, quan hệ hàng – tiền, quan hệ trong – ngoài nước,...).

Hoạt động 2: Tìm hiểu các loại thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS phân loại thị trường dựa trên những tiêu chí khác nhau.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin, quan sát Hình 1, 2 SGK tr.18 và trả lời câu hỏi, chơi trò chơi “Tiếp sức”

c. Sản phẩm học tập:

- HS trả lời và ghi được vào vở các loại thị trường theo những tiêu chí khác nhau.
- HS chơi trò chơi “Tiếp sức” - Kể tên các loại thị trường có ở địa phương em.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin, quan sát Hình 1, 2 SGK tr.18 và trả lời câu hỏi: + Em hãy xác định các loại thị trường trong thông tin và hình ảnh. + Theo em, ngoài ra còn có những loại thị trường nào khác? Trong thời kì đổi mới, các loại thị trường ở Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng. Thị trường tư liệu tiêu dùng về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và ngày càng đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường thế giới như: giày dép, quần áo, gạo, cà phê, thủy – hải sản,.... Thị trường tiền tệ, lao động, khoa học và công nghệ cũng từng bước được phát triển.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i>: Kể tên các loại thị trường có ở địa phương em. + GV chia lớp thành hai nhóm và chia bảng làm 2 phần. + Lần lượt mỗi thành viên trong từng nhóm sẽ ghi một loại thị trường có ở địa phương mình. Nhóm nào ghi được nhiều hơn, đúng hơn, nhóm đó sẽ chiến thắng. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin, quan sát Hình 1, 2 SGK tr.18 và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 2.	2. Tìm hiểu các loại thị trường - Các loại thị trường trong thông tin và hình ảnh: thị trường tư liệu sản xuất và thị trường chứng khoán. - Các loại thị trường khác: + Theo đối tượng giao dịch, mua bán: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản.... + Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch: thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ.... + Theo phạm vi của quan hệ mua bán: giao dịch, có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,...

- GV mời đại diện HS trình bày hiểu biết về các loại thị trường theo những tiêu chí khác nhau. - GV mời HS tham gia chơi trò chơi “<i>Tiếp sức</i>” - Kể tên các loại thị trường có ở địa phương em. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu các chức năng cơ bản của thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS liệt kê được các chức năng cơ bản của thị trường.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.19 để trả lời câu hỏi, đọc nội dung phần Ghi nhớ để rút ra kết luận chức năng của thị trường.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở các chức năng cơ bản của thị trường.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin 1, 2 SGK tr.19 và trả lời câu hỏi: + <i>Ở thông tin 1, sản phẩm áo sơ mi kẻ ô vuông, chất liệu cotton được thị trường thừa nhận như thế nào? Thị trường đã cung cấp thông tin gì khiến Ban Giám đốc công ty may A phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất.</i> + <i>Thông tin 2 cho thấy thị trường kích thích, hạn chế việc sản xuất và tiêu dùng thịt lợn như thế nào?</i> - GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết: + <i>Theo em, thị trường có những chức năng gì?</i>	3. Tìm hiểu các chức năng cơ bản của thị trường - Trả lời câu hỏi: + Sản xuất áo sơ mi nam dài tay, kẻ ô vuông, chất liệu cotton được nhiều khách hàng ưa chuộng. Thông tin này khiến Ban Giám đốc công ty may A điều chỉnh kế hoạch sản xuất: gia tăng may áo sơ mi chất liệu cotton, giảm sản xuất áo chất liệu kate. + Việc nguồn cung thịt lợn giảm, giá thịt lợn tăng đã khiến người chăn nuôi hướng tới các nguồn cung khác hoặc tái đàn (khi dịch tạm lắng), người tiêu dùng cũng giảm nhu cầu tiêu thụ thịt lợn, chuyển sang tiêu thụ các loại thực phẩm khác. Khi nguồn cung thịt lợn trên thị trường tăng lên, sẽ có xu hướng ngược lại. - Các chức năng của thị trường và ví dụ chứng minh cho các chức năng của thị trường: + Chức năng thừa nhận: thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để sản xuất

+ <i>Nêu thêm ví dụ để chứng minh cho các chức năng đó.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.19 để trả lời câu hỏi. - HS đọc nội dung phần Ghi nhớ để rút ra kết luận chức năng của thị trường. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 3. - GV mời đại diện HS trình bày các chức năng cơ bản của thị trường. - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào. □ Ví dụ: Khi người sản xuất làm ra mặt hàng quần áo có mẫu mã đẹp, vải tốt, giá cả phải chăng, phù hợp với nhu cầu người mua, người mua mua nhiều. Như vậy, chi phí làm ra mặt hàng quần áo được xã hội chấp nhận, giá trị của mặt hàng đó được thực hiện. + Chức năng thông tin: cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung cầu về các loại hàng hóa. □ Ví dụ: Ở những siêu thị lớn sẽ có bảng quảng cáo các mặt hàng với đầy đủ các thông tin như: giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua bán của các mặt hàng, đặc biệt là thông tin về khuyến mại sản phẩm, giúp người mua nhanh chóng mua được những sản phẩm phù hợp. + Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế. □ Ví dụ: Để kích thích nhu cầu mua sắm bánh kẹo Tết của khách hàng, hãng sản xuất bánh kẹo X đã thiết lập chiến lược giảm giá bán để thu hút khách hàng mới và kiếm được những khách hàng thường xuyên, thoát khỏi việc tồn hàng.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố được những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống,... về những vấn đề liên quan tới thị trường

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1, 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.19, 20; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS đưa ra quan điểm đồng tình hay không đồng tình với ý kiến và lí giải.
- HS nhận xét việc làm của các chủ thể trong các tình huống SGK đưa ra.
- HS xử lí các tình huống SGK đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

Bài tập 1: *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?*

- Thị trường bao giờ cũng gắn với một địa điểm cụ thể như chợ, cửa hàng, siêu thị....*
- Thị trường là nơi diễn ra hoạt động sản xuất hàng hoá để đáp ứng nhu cầu của xã hội.*
- Chỉ có người sản xuất hàng hoá mới cần đến thị trường.*
- Chức năng của thị trường là cung cấp hàng hoá, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.*
- Những thông tin trên thị trường giúp người sản xuất điều chỉnh kế hoạch sản xuất hàng hóa.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc các tình huống SGK đưa ra, vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trình bày trước lớp:

- Không đồng tình: đó là cách hiểu truyền thống, chưa đúng. Ngày nay, thị trường thương mại điện tử diễn ra trên không gian mạng nên có thể không cần địa điểm cụ thể.*
- Không đồng tình: đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sản xuất hàng hóa.*
- Không đồng tình: ai cũng cần đến thị trường trong nền kinh tế thị trường.*
- Không đồng tình: đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sản xuất hàng hóa.*
- Đồng tình: đó là chức năng thứ hai của thị trường.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Bài tập 2: *Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể trong trường hợp sau*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể trong những trường hợp sau?*

a. Một công ty cử hai nhân viên đi khảo sát thị trường tiêu thụ hoa quả Việt Nam ở nước ngoài. Người thứ nhất ghi trong báo cáo: "Địa điểm X là thị trường không có tiềm năng. Người dân ở đó hầu như không biết đến hoa quả Việt Nam". Người thứ hai báo cáo: "Địa điểm X là thị trường rất có tiềm năng. Người dân ở đó hầu như chưa được biết đến hoa quả Việt Nam.

b. Để tạo nên thương hiệu cho sản phẩm của công ty, lãnh đạo và các nhân viên của Công ty Y đã dành rất nhiều thời gian khảo sát thị trường, tiếp xúc trực tiếp với khách hàng để xin ý kiến về mong muốn của họ đối với sản phẩm của công ty. Nhờ đó, Công ty Y đã tạo ra những sản phẩm độc đáo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc các tình huống SGK đưa ra, thảo luận theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày trước lớp:

a. Ý kiến của cả 2 nhân viên đều phản ánh đúng thực trạng thị trường tiêu thụ hoa quả Việt Nam ở nước ngoài, sống nhân viên thứ hai đã nhìn thấy được tiềm năng của thị trường. Từ đây, có thể rút ra bài học kinh doanh: Nếu biết đón đầu, nắm bắt tiềm năng của thị trường thì việc kinh doanh sẽ có kết quả tốt hơn.

b. Công ty Y đã khai thác chức năng thông tin của thị trường để tạo nên thành công trong kinh doanh.

- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, xây dựng kịch bản, đóng vai xử lý các tình huống sau:

a. Gia đình K có cửa hàng kinh doanh những mặt hàng thời trang cao cấp. K muốn giúp mẹ chụp ảnh các mặt hàng, quảng cáo lên mạng xã hội để bán được nhiều hơn nhưng mẹ không đồng ý vì cho rằng những sản phẩm đang được bán trên mạng phần lớn là hàng có chất lượng không cao, nên những mặt hàng cao cấp của nhà mình không nên trao bán ở trên mạng.

Nếu là K, em sẽ nói với mẹ thế nào?

b. Quê hương H là một vùng trù phú trái cây nhưng chủ yếu chỉ bán ở thị trường trong nước, có loại trái cây được mùa nhưng không tiêu thụ được. Trong giờ học, cô giáo yêu cầu của nhóm của H thảo luận và đề xuất cách để những trái cây của quê hương tiếp cận được thị trường thế giới.

Nếu là thành viên trong nhóm H, em sẽ đề xuất những biện pháp gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm, xây dựng kịch bản, đóng vai xử lý các tình huống.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm đóng vai xử lý các tình huống:

a. Nếu là K, em sẽ nói với mẹ: Trong thời đại ngày nay, thương mại điện tử đã trở thành một xu hướng phổ biến. Phần lớn người tiêu dùng đều tiếp cận với Internet, ngày càng có nhiều người có thói quen mua sắm qua mạng. Thực tế, không phải mặt hàng nào trên mạng cũng có chất lượng không cao. Do vậy, để tăng lượng khách hàng bán được nhiều, bên cạnh việc quảng cáo cho sản phẩm, bên cạnh việc quảng bá cho sản phẩm, tích cực tương tác với khách hàng, cần bán hàng đúng mẫu mã, chất lượng như quảng cáo, giữ uy tín, tạo thương hiệu cho hàng hóa.

b. Nếu là thành viên trong nhóm H, em sẽ đề xuất những biện pháp:

- + *Tìm hiểu nhu cầu tiêu thụ trái cây của quê hương mình trên thị trường thế giới qua internet và người Việt Nam ở nước ngoài.*
- + *Tư vấn cho nông dân liên hệ với các công ty xuất khẩu trái cây ở Việt Nam.*
- + *Nâng cao chất lượng trái cây, đáp ứng chuẩn quốc tế.*

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét về kịch bản xử lý tình huống của nhóm bạn, chia sẻ cách xử lý tình huống của nhóm mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã được học để giải quyết vấn đề, nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến thị trường.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr20; HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế, tìm kiếm tư liệu, thông tin để thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập:

- Bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường.
- Khảo sát và nhận xét về một loại thị trường ở địa phương HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bài tập 1: Tìm hiểu và viết bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau tiết học: *Em hãy tìm hiểu, viết bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường.*
- GV trình chiếu cho HS tham khảo bài phân tích:

Gợi ý:

Thông tin thị trường là một loại hàng hoá đặc biệt với đầy đủ các yếu tố của một thị trường như: Có quan hệ giữa người mua và người bán, quan hệ cung - cầu, quy luật về giá cả, có cạnh tranh... Bên cạnh chức năng phục vụ cho việc ra quyết định sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin thị trường còn có chức năng quan trọng khác là nâng cao nhận thức xã hội về các quan hệ thị trường, về hội nhập kinh tế quốc tế. Như vậy việc tạo ra cơ sở hạ tầng đủ mạnh cùng với việc sử dụng công nghệ hiện đại, tương thích giữa cơ quan cung cấp dịch vụ và các doanh nghiệp (DN) là hết sức quan trọng, đòi hỏi nguồn đầu tư lớn. Nếu không đáp ứng được yêu cầu này thì việc cung cấp và sử dụng dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin thị trường cho các DN không thể hiện được tốt. Như vậy, mỗi cơ quan, mỗi lĩnh vực trong cả hệ thống cung cấp và sử dụng dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin thị trường cần có những giải pháp và đổi mới một cách toàn diện để có thể thích ứng với tình hình.

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, có 3 xu thế đang tác động sâu sắc và làm biến đổi cả về nội dung, hình thức, cường độ của hoạt động tư vấn và cung cấp thông tin thị trường có thể kể tới, bao gồm :

- Xu thế hội nhập kinh tế trong điều kiện khu vực hóa và toàn cầu hoá
- Thế giới đang dịch chuyển mạnh từ nền kinh tế công nghiệp sang kinh tế dịch vụ
- Xã hội loài người đang phát triển để trở thành một xã hội thông tin

Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tham gia vào khu vực mậu dịch tự do AFTA/CEPT, AC-FTA, các diễn đàn APEC, ASEM... thực thi các hiệp định th-uơng mại tự do (FTA) song ph-ương và đa ph-ương, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, cùng với việc đẩy nhanh tiến trình cải cách, mở cửa, hội nhập đã góp phần làm phong phú, sống động thương mại và thị trư-ờng nước ta.

Các FTA đã đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có độ mở lớn và có quan hệ thương mại với trên 200 thị trường, trong đó có FTA với 60 nền kinh tế, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các DN của Việt Nam mở rộng tiếp cận thị trường toàn cầu, là cơ hội để Việt Nam kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Với các FTA thế hệ mới ,chúng ta sẽ có điều kiện tăng tốc mở cửa với thế giới, tạo lập một nền kinh tế thị trường theo đúng nghĩa của nó - cơ sở để xây dựng một nền kinh tế có sức cạnh tranh. Khung khổ pháp lý của các hiệp định sẽ là khuôn mẫu cho việc vận hành các nền kinh tế trong thế kỷ XXI, với những quy phạm, quy định cao hơn, toàn diện hơn. Việt Nam sẽ được chơi trên một sân chơi đẳng cấp - sân chơi của các “đại gia”. Đây là một cơ hội thực sự vì chưa bao giờ Việt Nam có được một vị thế tốt như hiện nay. Tác động tổng thể đối với nền kinh tế Việt Nam là rất tích

cực, sống không có nghĩa đúng với mọi ngành, mọi DN. Cơ hội có khi lại trở thành thách thức nếu thiếu các chính sách vĩ mô thích hợp và những cải cách bên trong cần thiết.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS về nhà tìm hiểu và viết bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả thực hiện vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang bài tập mới.

Bài tập 2: Khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS thành các nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý sau:*
- *Đối tượng khảo sát: Cửa hàng văn phòng phẩm/đồ dùng học tập/đồ ăn /vật liệu xây dựng....*
- *Nội dung khảo sát:*
 - + *Giá cả, chất lượng. mẫu mã....*
 - + *Thái độ, cách bán hàng.*
- *Phương pháp khảo sát: quan sát, phỏng vấn, điều tra,...*
- *Sản phẩm: Báo cáo khảo sát thị trường (chú ý rút ra bài học từ kết quả khảo sát).*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chia làm các nhóm, thực hiện nhiệm vụ sau giờ học, báo cáo kết quả vào tiết học sau.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Các nhóm báo cáo kết quả thực hiện vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.
- Làm bài tập *Bài 3 - Sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.*
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức *Bài 4: Cơ chế thị trường.*

BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm, ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.
- Nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Đồng tình, ủng hộ những hành vi tuân thủ cơ chế thị trường; Phê phán những hành vi không đúng, vi phạm cơ chế thị trường khi tham gia thị trường.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, biết vận dụng cơ chế thị trường phù hợp với lứa tuổi.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động trong nền kinh tế thị trường.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, Giáo án.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về cơ chế thị trường.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Cơ chế thị trường*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, kĩ năng từ bài học trước với bài học mới. Tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài học mới.

b. Nội dung: GV cho HS xem video về bản tin thị trường; HS xem video, thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS nhận xét về sự biến động của giá cả một loại hàng hóa trên thị trường.
- Câu trả lời của HS về những yếu tố trên thị trường tác động đến sự biến động giá cả của hàng hóa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát video về bản tin thị trường:

https://www.youtube.com/watch?v=TUjOBn_x5X0

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

- + *Em có nhận xét gì về sự biến động của giá cả một loại hàng hóa trên thị trường?*
- + *Theo em, những yếu tố nào trên thị trường tác động đến sự biến động giá cả của hàng hóa đó?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát video, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp:
 - + *Giá cả của một loại mặt hàng trên thị trường lên xuống không ổn định.*
 - + *Tác động của nhu cầu người tiêu dùng, của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hàng hoá.*
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Tác động của nhu cầu người tiêu dùng, của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hàng hoá. Nhìn bề ngoài, dường như các chủ thể tham gia thị trường hoàn toàn tự do hoạt động theo ý muốn của mình, song thực tế không phải như vậy. Hoạt động của họ chịu sự chi phối vô hình của các quy luật kinh tế trong cơ chế thị trường. Vậy cơ chế thị trường là gì? Bài học này sẽ làm rõ bản chất, ưu - nhược điểm của cơ chế thị trường, giá cả thị trường để có những ứng xử đúng đắn khi tham gia thị trường. Chúng ta cùng vào Bài 4 – Cơ chế thị trường.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm cơ chế thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm cơ chế thị trường.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp mục 1a SGK tr.21 để trả lời câu hỏi; HS làm việc cặp đôi, HS rút ra được khái niệm cơ chế thị trường.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở khái niệm cơ chế thị trường.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt HS: <i>Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu nội dung đầu tiên của bài học, cơ chế thị trường là?</i> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp mục 1a SGK tr.21 và trả lời câu hỏi: + <i>Để đứng vững trên thị trường, doanh nghiệp của anh M phải giải quyết những mối quan hệ nào?</i> + <i>Theo em, để kinh doanh thành công, cần phải tuân theo những yêu cầu nào của cơ chế thị trường?</i> - GV kết luận và dẫn dắt: <i>Như vậy, hoạt động của công ty X tuân theo cơ chế thị trường.</i> - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, đọc phần Ghi nhớ và cho biết: <i>Cơ chế thị trường là gì?</i> - GV mở rộng kiến thức cho HS về bàn tay vô hình (tiếng Anh: <i>invisible hand</i>): <i>Trong nền kinh tế thị trường, các cá nhân tham gia muốn tối đa hóa lợi nhuận cho mình. Ai cũng muốn như vậy nên vô hình chung đã thúc đẩy sự phát triển và củng cố lợi ích cho cả cộng đồng. Theo Adam Smith, chính quyền mỗi quốc gia không cần can thiệp vào cá nhân và doanh nghiệp, cứ để nó tự do hoạt động kinh doanh; ông kết luận: "Sự giàu có của mỗi quốc gia đạt được không phải do những quy định chặt chẽ của nhà nước, mà do bởi tự do kinh doanh" - Tư tưởng này đã chế ngự trong suốt thế kỉ XIX.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp mục 1a SGK tr.21 để trả lời câu hỏi: + Đọc trường hợp và chỉ ra những mối quan hệ mà doanh nghiệp anh M cần giải quyết.	1. Tìm hiểu khái niệm cơ chế thị trường - Doanh nghiệp của anh M phải giải quyết mối quan hệ với người tiêu dùng và các đối thủ cạnh tranh. - Các yêu cầu cần phải tuân thủ để kinh doanh thành công: + Chấp nhận, tôn trọng đối thủ cạnh tranh, cạnh tranh lành mạnh. + Xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng, tính toán giảm chi phí sản xuất thấp hơn giá bán hàng hoá trên thị trường. - <i>Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,...</i> ☐ <i>Chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.</i>

+ Nêu những yêu cầu cơ chế thị trường cần tuân theo. - HS làm việc cặp đôi, đọc phần Ghi nhớ hoạt động để rút ra kết luận. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1. - GV mời đại diện HS rút ra kết luận khái niệm cơ chế thị trường. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu ưu điểm của cơ chế thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được ưu điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 1b SGK tr.22 để trả lời câu hỏi; HS làm việc cá nhân, HS rút ra được kết luận về ưu điểm của cơ chế thị trường.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở ưu điểm của cơ chế thị trường.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt HS: <i>Cơ chế thị trường có những ưu điểm và tác dụng mà không có cơ chế nào hoàn toàn thay thế được. Vậy ưu điểm đó là gì, chúng ta cùng đi tìm hiểu trong thông tin dưới đây.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (4 HS), đọc thông tin mục 1b SGK tr.22 và trả lời câu hỏi: + <i>Ngành Dệt may Việt Nam đã chịu tác động gì từ cơ chế thị trường?</i> + <i>Điều gì giúp cho ngành Dệt may Việt Nam ngày càng trụ vững và phát triển?</i>	2. Tìm hiểu ưu điểm của cơ chế thị trường - Tác động từ sự cạnh tranh quyết liệt với những doanh nghiệp mạnh trên thị trường quốc tế; nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế. - Tác động của cơ chế thị trường đã thúc đẩy ngành Dệt may cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phong phú, đa dạng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng.

- GV sử dụng kỹ thuật tia chớp, nêu câu hỏi: Từ việc phân tích những trường hợp trên, hãy nêu những ưu điểm của cơ chế thị trường. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 1b SGK tr.24 để trả lời câu hỏi: + Đọc thông tin và chỉ ra những tác động của cơ chế thị trường đối với ngành Dệt may Việt Nam. + Nêu lí do ngành Dệt may Việt Nam ngày càng phát triển. - HS làm việc cá nhân, đọc phần Ghi nhớ hoạt động để rút ra kết luận. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 2. - GV mời đại diện HS rút ra kết luận ưu điểm của cơ chế thị trường. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- Cơ chế thị trường có một số ưu điểm cơ bản: + Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế. + Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế. + Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.
--	---

Hoạt động 3: Tìm hiểu nhược điểm của cơ chế thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được nhược điểm của cơ chế thị trường.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 1c SGK tr.23 để trả lời câu hỏi; HS làm việc cá nhân, HS rút ra được nhược điểm của cơ chế thị trường.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở nhược điểm của cơ chế thị trường.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: Bên cạnh những ưu điểm thì cơ chế thị trường cũng có những điểm hạn chế.	3. Tìm hiểu nhược điểm của cơ chế thị trường - Nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên là: + Mất cân đối cung - cầu, khủng hoảng, suy thoái.

- GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin mục 1c SGK tr.23, thảo luận và trả lời câu hỏi: + <i>Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên.</i> + <i>Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác?</i> Giám đốc Công ty X chia sẻ: Ngoài những ưu điểm, cơ chế thị trường cũng tiềm ẩn những rủi ro đến từ những biến động bất ngờ, sản phẩm đang bán chạy bỗng không còn mấy người mua do tác động của cạnh tranh hay biến động của cung – cầu, khiến sụt giảm doanh thu, có khi dẫn đến phá sản. Mở rộng ra nền kinh tế cũng vậy, do chạy theo lợi nhuận, các doanh nghiệp đua nhau mở rộng sản xuất, trong khi nhu cầu tiêu dùng xã hội tăng không tương ứng dẫn tới mất cân đối cung – cầu, các doanh nghiệp không bán được hàng sẽ bị thua lỗ, thậm chí có thể bị phá sản. Nền kinh tế sẽ bị suy thoái, nghiêm trọng hơn có thể dẫn đến khủng hoảng. Trên thị trường, một số cơ sở kinh doanh dùng biện pháp cạnh tranh không lành mạnh, làm giả thương hiệu để lừa dối người tiêu dùng. Hành vi này khiến người tiêu dùng hiểu lầm, quay lưng lại với những doanh nghiệp có sản phẩm bị làm giả dẫn đến tình trạng ế ẩm, suy giảm doanh thu có khi bị thua lỗ, doanh nghiệp phá sản. Hậu quả khó lường hơn là nguy cơ có thể gây ra thiệt hại về sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng. Dưới tác động của cơ chế thị trường, những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, trình độ cao, trang bị kĩ thuật tốt, thường giàu có nhanh chóng. Ngược lại, những người không có điều kiện thuận lợi, kinh doanh kém hoặc gặp rủi ro trong kinh doanh dễ bị thua lỗ, dẫn đến phá sản, trở thành người nghèo. - GV kết luận: <i>Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế để khắc phục, hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 1c SGK tr.23 để trả lời câu hỏi - HS làm việc cá nhân, đọc phần Ghi nhớ hoạt động để rút ra kết luận. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 3. - GV mời đại diện HS rút ra kết luận nhược điểm của cơ chế thị trường. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	+ <i>Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.</i> + <i>Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.</i> - Ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường, còn một số nhược điểm vốn có sau: + Một số doanh nghiệp lạm dụng tài nguyên xã hội gây ô nhiễm môi trường sống của con người, do đó hiệu quả kinh tế - xã hội không được đảm bảo. + Cơ chế thị trường chỉ thể hiện đầy đủ khi có sự kiểm soát của cạnh tranh hoàn hảo, khi xuất hiện cạnh tranh không hoàn hảo, thì hiệu lực của cơ chế thị trường bị giảm. + Phân phối thu nhập không công bằng, có những mục tiêu xã hội chủ nghĩa dù cơ chế thị trường có hoạt động trôi chảy thì cũng không đạt được. + Sự tác động của cơ chế thị trường sẽ dẫn tới sự phân hoá giàu nghèo, phân cực về của cải, tác động của cơ chế thị trường sẽ đưa lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng nó không tự động mang lại những giá trị mà xã hội muốn vươn tới. + Một nền kinh tế do cơ chế thị trường thuần tuý điều tiết khó tránh khỏi những thăng trầm, khủng hoảng kinh tế có tính chu kỳ và thất nghiệp.
--	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu khái niệm giá cả thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm giá cả thị trường.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cặp đôi, sắm vai thể tình huống SGK tr.23, 24 và trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận khái niệm giá cả hàng hóa, giá cả thị trường.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở khái niệm giá cả hàng hóa, giá cả thị trường.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời đại diện 2 HS sắm vai nhân viên bán hàng, khách hàng, thể hiện tình huống trong SGK tr.23, 24. Nhân viên bán hàng: <i>Tôi có thể giúp gì cho chị?</i> Khách hàng: <i>Mặt hàng này có giá bao nhiêu vậy chị?</i> Nhân viên bán hàng: <i>500 000 đồng một sản phẩm, thưa chị!</i> Khách hàng: <i>Sao đắt thế chị? Cửa hàng có thể giảm giá nếu tôi mua với số lượng lớn không?</i> Nhân viên bán hàng: <i>Giá hơi cao do chi phí sản xuất và vận chuyển lớn. Nhưng đây là mặt hàng mới, chất lượng tốt, mẫu đẹp, khách hàng rất ưng ý nên mua nhiều, nguồn hàng còn khan hiếm. Cửa hàng chỉ có thể giảm 5% nếu chị mua từ 50 sản phẩm trở lên.</i> Khách hàng: <i>Vâng, chị đóng gói cho tôi 50 sản phẩm.</i> Nhân viên bán hàng: <i>Cảm ơn chị! Chị cho chúng tôi xin địa chỉ để giao hàng. Có thể chị sẽ phải đợi từ 3 đến 5 ngày vì nguồn hàng chưa đủ.</i> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: + <i>Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về điều gì?</i> + <i>Kết quả của sự thoả thuận đó là gì?</i> - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin phần Ghi nhớ trong hoạt động và trả lời câu hỏi: + <i>Giá cả hàng hoá là gì? Nêu ví dụ minh họa.</i>	4. Tìm hiểu khái niệm giá cả thị trường - Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về giá cả hàng hoá. Kết quả của sự thoả thuận đó là hai bên đã thống nhất được giá của hàng hoá, thời gian và địa điểm giao hàng.

+ <i>Giá cả thị trường là gì? Nêu ví dụ minh họa.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cặp đôi, sắm vai thể tình huống SGK tr.23, 24 và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận khái niệm giá cả hàng hóa, giá cả thị trường. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 4. - GV mời đại diện HS rút ra kết luận giá cả hàng hóa, giá cả thị trường (lấy ví dụ minh họa). - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- <i>Giá cả hàng hóa là số tiền phải trả để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa đó.</i> □ <i>Ví dụ: Giá cả của thịt heo hơi ngày 4/6/2022 trong khoảng 55.000 – 159.000 đồng/kg. Đây là số tiền phải trả để bù đắp chi phí nuôi ăn, uống, vệ sinh chuồng trại, bảo vệ môi trường, xuất bán heo.</i> - <i>Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường</i> □ <i>giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.</i> □ <i>Ví dụ: Mua hàng với số lượng lớn, mua hàng vào ngày sinh nhật, vào ngày khuyến mại,... khách hàng sẽ được giảm giá.</i>
---	---

Hoạt động 5: Tìm hiểu chức năng của giá cả thị trường

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được các chức năng của giá cả thị trường.

b. Nội dung:

- GV trình bày vấn đề; HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 2b SGK tr.24 và trả lời câu hỏi; HS làm việc cặp đôi để rút ra kết luận về các chức năng của giá cả thị trường.
- HS xem lại nội dung kiến thức bài học và vẽ sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập:

- HS trả lời và ghi được vào vở chức năng của giá cả thị trường.
- HS trình bày nội dung kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy.

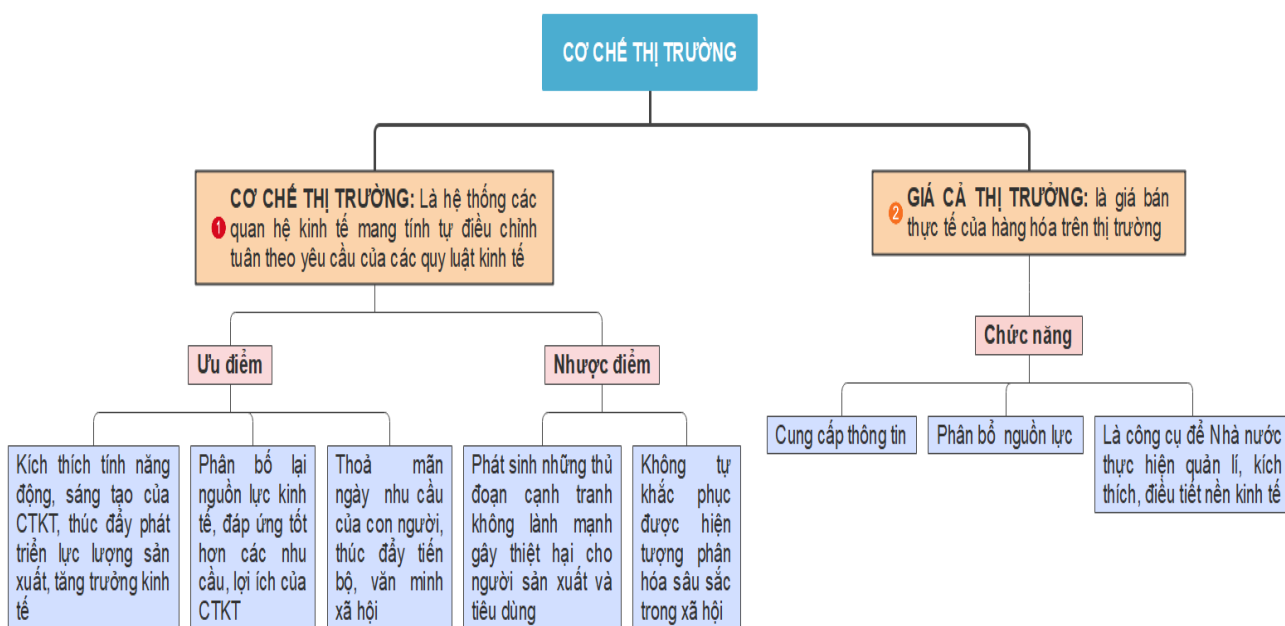
d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	5. Tìm hiểu chức năng của giá cả thị trường

- GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, đọc thông tin mục 2b SGK tr.24 và trả lời câu hỏi: + Theo em, ở thông tin trên, giá cả thị trường đã thể hiện chức năng thông tin và chức năng phân bổ nguồn lực như thế nào? + Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như thế nào? Tại sao giá cả thị trường là một công cụ để Nhà nước quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế? Sữa là sản phẩm được người tiêu dùng ở mọi lứa tuổi sử dụng, trong đó đặc biệt quan trọng đối với trẻ em dưới 6 tuổi. Tuy nhiên, giá cả thị trường mặt hàng này cũng có những biến động tác động đến đời sống xã hội. Có thời điểm, sữa bột loại tốt dành cho trẻ sơ sinh có giá thị trường tăng nhanh, mang lại lợi nhuận cao hơn cho người bán khiến các nhà cung ứng nhanh chóng tìm biện pháp tăng thêm sản phẩm này ra thị trường. Người tiêu dùng có xu hướng giảm bớt nhu cầu, chuyển sang dùng sản phẩm khác phù hợp hơn. Nhận thấy sữa là mặt hàng thiết yếu, đảm bảo sức khỏe cho mọi người, nhất là đối với trẻ em, không thể để giá cả mặt hàng này biến động làm ảnh hưởng đến đời sống xã hội, Nhà nước đã thực hiện một số biện pháp để bình ổn giá mặt hàng sữa trên thị trường như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các cửa hàng đại lí bán lẻ sữa phải đăng kí với cơ quan quản lí giá ở địa phương, công khai mức giá bán. - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, kết hợp đọc phần Ghi nhớ trong hoạt động SGK tr.25 và trả lời câu hỏi: Giá cả thị trường có những chức năng gì? Nêu ví dụ minh họa cho từng chức năng. + GV hướng dẫn HS: HS có thể được sử dụng điện thoại thông minh, máy tính để tìm những ví dụ minh họa cho từng chức năng của giá cả thị trường. - GV chia HS thành 4 nhóm, yêu cầu HS xem lại nội dung kiến thức bài học và thực hiện nhiệm vụ: <i>Vẽ sơ đồ tư duy nội dung kiến thức của bài học và trình bày trước lớp.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, đọc thông tin mục 2b SGK tr.24 và trả lời câu hỏi. - HS làm việc cặp đôi để rút ra kết luận về các chức năng của giá cả thị trường.	- Qua thông tin về giá cả của sản phẩm sữa trên thị trường, người tiêu dùng điều chỉnh, giảm bớt nhu cầu, chuyển sang dùng mặt hàng khác phù hợp hơn với khả năng thanh toán của mình; người cung ứng nhanh chóng tìm biện pháp tăng thêm sản phẩm này trên thị trường để thu nhiều lợi nhuận hơn. Để tăng thêm sản phẩm sữa trên thị trường, nguồn lực về vốn, sức lao động cũng được điều chuyển, phân bổ cho ngành sản xuất, kinh doanh sữa nhiều hơn. - Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp, đại lí sữa phải đăng kí với cơ quan quản lí giá ở địa phương, công khai mức giá bán. - <i>Chức năng của giá cả thị trường:</i> + <i>Cung cấp thông tin:</i> để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng. + <i>Phân bổ nguồn lực:</i> góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu. + Là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.
--	---

- HS xem lại nội dung kiến thức bài học và vẽ sơ đồ tư duy. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 5. - GV mời đại diện HS rút ra kết luận chức năng giá cả của thị trường. - GV mời đại diện HS trình bày nội dung kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	
--	--

SƠ ĐỒ TƯ DUY NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố được những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,... về những vấn đề liên quan tới thị trường

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh một số câu hỏi có liên quan đến bài học *Cơ chế thị trường*.

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 2 phần Luyện tập SGK tr.25; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm.

- HS nhận xét được hành vi của các chủ thể trong các trường hợp SGK đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ cho HS: *Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:*

Câu 1. Thị trường là:

A. Tổng hoà những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán.

B. Nơi diễn ra các hoạt động kinh tế: sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng.

C. Toàn bộ hoạt động mua bán, tiêu dùng hàng hoá.

D. Nơi diễn ra hoạt động quản lí kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

Câu 2. Việc phân chia thị trường thành thị trường tư liệu sản xuất - thị trường tư liệu tiêu dùng dựa trên cơ sở nào?

A. Đối tượng mua bán, trao đổi.

B. Vai trò của các đối tượng mua bán, trao đổi.

C. Phạm vi các quan hệ mua bán, trao đổi.

D. Tính chất của các mối quan hệ mua bán, trao đổi.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

A. Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.

B. Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó.

C. Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.

D. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trình bày đáp án:

Câu 1. *Đáp án A*

Câu 2. Đáp án C

Câu 3. Đáp án D.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SGK tr.25

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV chia HS thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận: *Em có nhận xét gì về hành vi của các chủ thể sau?*

a. *Giá dưa hấu trên thị trường tăng cao, mang lại thu nhập cao gấp rưỡi so với trồng lúa, nhiều người dân ở thôn S quyết định chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng dưa.*

b. *Nắm bắt nhu cầu tiêu thụ hải sản ở Hà Nội, ông Y đã mở cửa hàng thu mua hải sản, mang về bán ở các chợ đầu mối.*

c. *Để thu được nhiều lợi nhuận, siêu thị X đã nhập một số hàng hoá không rõ nguồn gốc rồi dán nhãn mác giả vào.*

d. *Khi giá thịt gia cầm tăng quá cao, người tiêu dùng đã giảm nhu cầu tiêu thụ thịt gia cầm, lựa chọn các loại thực phẩm khác có giá rẻ hơn.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận:

a. *Người dân thôn S cần cân nhắc trước khi chuyển đổi sản xuất vì có thể nhu cầu dưa trên thị trường là tự phát, không bền vững,...đồng thời Nhà nước cũng cần tăng cường vai trò quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế.*

b. *Ông Y đã nắm bắt được nhu cầu của thị trường và hành động theo sự chi phối của quy luật cung - cầu trên thị trường.*

c. *Hành vi của siêu thị X vi phạm pháp luật, cần có hình phạt thích đáng.*

d. *Hành vi của người tiêu dùng hợp lý, dưới sự tác động của giá cả thị trường.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.25; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Đoạn văn của HS chia sẻ quan điểm của bản thân về nhận định “Thị trường luôn luôn đúng”.
- Báo cáo của HS về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hóa ở địa phương em.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ngoài giờ học:
 - + *Em hãy viết và chia sẻ quan điểm của bản thân về nhận định: “Thị trường luôn luôn đúng”.*
 - + *Em hãy cùng các bạn trong nhóm khảo sát và viết báo cáo về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hoá ở địa phương em. Sản phẩm: Báo cáo khảo sát giá cả thị trường, video (nếu có); chú ý rút ra nhận xét từ kết quả khảo sát.*
- GV hướng dẫn HS: *Báo cáo tình hình giá cả hàng hoá X: Mặt hàng X, giá cả ở các điểm bán hàng khác nhau, chất lượng hàng hóa, phong cách phục vụ, phương thức bán hàng....*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.
- Trả lời câu hỏi bài tập 1, 3 phần Luyện tập SGK tr.25.
- Làm bài tập *Bài 4* - Sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức *Bài 5: Ngân sách nhà nước*.

CHỦ ĐỀ 3: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

BÀI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm thị trường.
- Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về ngân sách nhà nước.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến ngân sách nhà nước.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, Giáo án.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về ngân sách nhà nước.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Ngân sách nhà nước*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của HS về những vấn đề có liên quan đến thị trường; tạo hứng thú học tập cho HS, dẫn dắt HS vào bài học mới.

b. Nội dung:

- GV cho HS xem một video ngắn về suy nghĩ của các bạn trẻ ngày nay về ngân sách nhà nước.
- GV hướng dẫn HS đọc đoạn thông tin phần Mở đầu SGK tr.26; HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của HS về ngân sách nhà nước cho sự phát triển các tỉnh miền núi (trong đoạn thông tin SGK).
- HS trình bày một vài hiểu biết về ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu cho HS xem video clip suy nghĩ của các bạn trẻ hiện nay về ngân sách nhà nước:

<https://www.youtube.com/watch?v=oOVOGdSMwyw>

- GV hướng dẫn HS đọc đoạn thông tin phần Mở đầu SGK tr.26; HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu

Các tỉnh miền núi biên giới có điều kiện địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, trình độ dân trí chưa cao. Nhận được nguồn ngân sách ưu đãi từ Nhà nước, các địa phương này đã sử dụng vào việc mở rộng, nâng cấp các tuyến đường giao thông; kéo điện lưới quốc gia về các bản vùng sâu; xây dựng, tu bổ, nâng cấp trường học, cơ sở y tế; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi; phát triển mô hình rừng trang trại, vườn rừng,... Nhờ đó, các tỉnh miền núi đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định đời sống, phát triển kinh tế – xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

hỏi:

- + Ngân sách nhà nước góp phần cho sự phát triển của các tỉnh miền núi như thế nào?
- + Hãy chia sẻ hiểu biết của em về ngân sách nhà nước.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát video clip, đọc đoạn thông tin SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:

+ *Ngân sách nhà nước góp phần cho sự phát triển của các tỉnh miền núi: mở rộng, nâng cấp các tuyến đường giao thông; kéo điện lưới điện quốc gia về các bản vùng sâu; xây dựng, tu bổ, nâng cấp trường học, cơ sở y tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi; phát triển mô hình rừng trang trại, vườn rừng.*

+ *Ngân sách nhà nước là :*

- *Quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của nhà nước, ra đời từ rất sớm cùng với sự hình thành của nhà nước.*
- *Nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước vừa là công cụ hữu ích để nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Ngân sách nhà nước hình thành và phát triển gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của Nhà nước. Đó là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của một quốc gia, vừa là nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước vừa là công cụ hữu ích để Nhà nước quản lí, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội. Ngân sách nhà nước có phần đóng góp rất lớn của người dân và được sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân. Mỗi người dân đều có nghĩa vụ đóng góp, đồng thời được hưởng quyền lợi từ ngân sách qua việc sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước cùng những quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. Chúng ta cùng vào **Bài 5 – Ngân sách nhà nước**.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm ngân sách nhà nước

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.

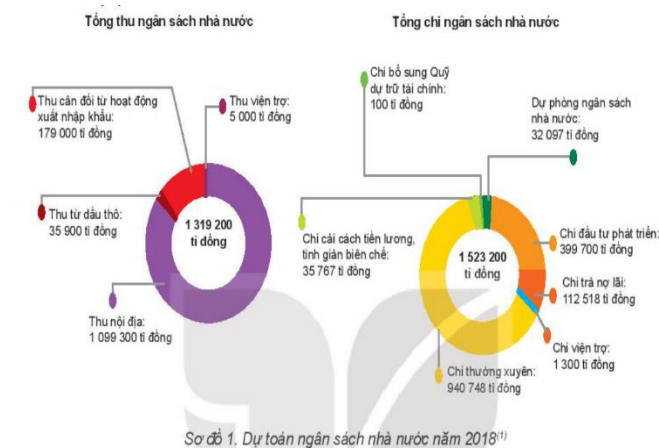
b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ 1 SGK tr.27 và thực hiện nhiệm vụ; HS rút ra kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở khái niệm ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS - GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ mục 1a SGK tr.27, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: + <i>Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu, chi gì?</i>	1. Tìm hiểu khái niệm ngân sách nhà nước - Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu, chi: + Các khoản thu: Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ, thu từ dầu thô và thu nội địa. + Các khoản chi: Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách nhà nước, chi cải cách tiền lương, tính giãn biên chế, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi thường xuyên. - Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.

+ Ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?



- GV hướng dẫn HS đọc phần chốt kiến thức hoạt động và rút ra kết luận: *Ngân sách nhà nước là gì?*

- GV mở rộng kiến thức cho HS:

+ *Ngân sách nhà nước, ngân sách chính phủ, hay ngân sách quốc gia là một phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử; là một thành phần trong hệ thống tài chính.*

+ *Sự hình thành và phát triển của ngân sách nhà nước gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của kinh tế hàng hóa - tiền tệ trong các phương thức sản xuất của cộng đồng và nhà nước của từng cộng đồng. Nói cách khác, sự ra đời của nhà nước, sự tồn tại của kinh tế hàng hóa - tiền tệ là những tiền đề cho sự phát sinh, tồn tại và phát triển của ngân sách nhà nước.*

+ *Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách trung ương là ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân.*

+ *Thực chất, ngân sách nhà nước phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối, sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia*

□ *Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước (khoản 14 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015).*

<i>nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước trên cơ sở luật định.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS làm việc cá nhân, quan sát sơ đồ 1 SGK tr.27 và thực hiện nhiệm vụ. - HS rút ra kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK). - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1. - GV mời đại diện HS trình bày về khái niệm ngân sách nhà nước. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm của ngân sách nhà nước

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được các đặc điểm của ngân sách nhà nước.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 1, 2, 3, 4 SGK tr.27, 28 và trả lời câu hỏi; HS làm việc nhóm để làm rõ các đặc điểm của ngân sách nhà nước.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở đặc điểm của ngân sách nhà nước.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Ngân sách nhà nước là bộ phận chủ yếu của hệ thống tài chính quốc gia. Nó bao gồm những quan hệ tài chính nhất định trong tổng thể các quan hệ tài chính quốc gia, cụ thể:</i> + <i>Quan hệ tài chính giữa nhà nước và công dân;</i> + <i>Quan hệ tài chính giữa nhà nước với doanh nghiệp;</i> + <i>Quan hệ tài chính giữa nhà nước với tổ chức xã hội;</i> + <i>Quan hệ tài chính giữa nhà nước với quốc tế.</i>	2. Tìm hiểu đặc điểm của ngân sách nhà nước - Mục đích của việc thu, chi NSNN: giải quyết các lợi ích chung trong xã hội. - Một số quỹ trong NSNN: quỹ dự trữ tài chính, quỹ an sinh xã hội, quỹ bảo vệ môi trường... - Công dân đóng góp trực tiếp vào ngân sách nhà nước qua thuế, phí, lệ phí nhưng không nhận lợi ích trực tiếp từ sự đóng góp đó. Tuy nhiên có sự hoàn trả gián tiếp thông qua việc

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin 1, 2, 3, 4 mục 1b SGK tr.27, 28 và trả lời câu hỏi: + Mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì? + Kể tên một số quỹ trong ngân sách nhà nước và chia sẻ hiểu biết của em về quỹ đó. + Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không? Vì sao? - GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, hướng dẫn HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi: + Ngân sách nhà nước có những đặc điểm gì? + Nêu ví dụ để chứng minh cho một số đặc điểm đó. - GV mở rộng kiến thức cho HS, trình chiếu và giới thiệu về Luật Ngân sách nhà nước: + Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua và ban hành ngày 25/6/2015, thay thế Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 (sau đây gọi tắt là Luật NSNN năm 2002). Luật NSNN năm 2015 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017, bao gồm 7 Chương, với 77 Điều, + Luật Ngân sách Nhà nước giúp củng cố và nâng cao vị trí, vai trò của công tác tài chính - ngân sách nhà nước, góp phần ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết tốt hơn các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xử lý kịp	Nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho các nhu cầu chung của xã hội. - Đặc điểm của ngân sách nhà nước: + Mang tính pháp lý cao. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước. + Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước. + Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội. + Được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chỉ dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch. □ Ví dụ: Theo Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2019: Tổng số dư nguồn của 22 quỹ đầu năm là 555,14 tỷ đồng (bao gồm số tồn dư tại quỹ, số dư nợ vay chưa thu hồi), trong đó chủ yếu là số dư của một số quỹ lớn, như: Quỹ cứu trợ 16,44 tỷ đồng (chiếm 2,96%); Quỹ hỗ trợ nông dân 13 tỷ đồng (chiếm 2,34%); Quỹ bảo vệ môi trường 31,40 tỷ đồng (chiếm 5,66%); Quỹ phát triển đất 117,33
--	--

<i>thời những vấn đề phát sinh cấp bách như thiên tai, dịch bệnh.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 1, 2, 3, 4 SGK tr.27, 28 và trả lời câu hỏi. - HS làm việc nhóm để làm rõ các đặc điểm của ngân sách nhà nước. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày về đặc điểm của ngân sách nhà nước. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	<i>tỷ đồng (chiếm 21,13%), Quỹ bảo vệ phát triển rừng 262,86 tỷ đồng (chiếm 47,35%); Quỹ giải quyết việc làm 81,11 tỷ đồng (chiếm 14,6%); các quỹ còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể (khoảng 5,96%).</i> <i>+ Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.</i>
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của ngân sách nhà nước

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được các vai trò của ngân sách nhà nước

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và quan sát sơ đồ SGK tr.29 để thực hiện nhiệm vụ; HS rút ra vai trò của ngân sách nhà nước.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời và ghi được vào vở vai trò của ngân sách nhà nước.

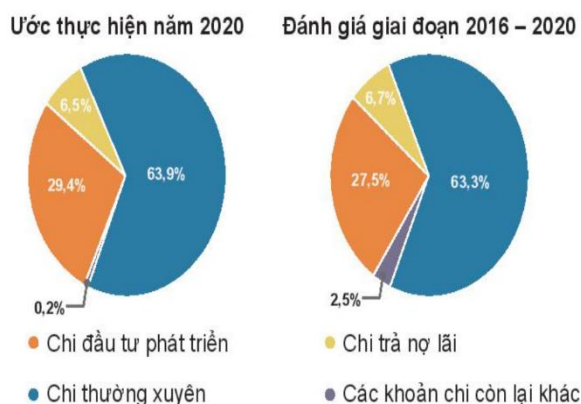
d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Ngân sách nhà nước có ý nghĩa (vai trò) vô cùng quan trọng trong nền kinh tế cũng như đời sống xã hội.</i> - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (theo kỹ thuật mảnh ghép), yêu cầu các nhóm đọc thông tin và quan sát sơ đồ SGK tr.29, trả lời câu hỏi: + <i>Trong sơ đồ 2, khoản chi nào dành cho hoạt động của bộ máy nhà nước?</i>	3. Tìm hiểu vai trò của ngân sách nhà nước - Trả lời câu hỏi : + Trong sơ đồ 2, khoản chi thường xuyên dành cho hoạt động của bộ máy nhà nước. + Thông tin 1 cho biết ngân sách nhà nước đã góp phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thực hiện chính sách ưu đãi để chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý.

+ Thông tin 1 cho biết ngân sách nhà nước đã góp phần định hướng phát triển sản xuất để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý như thế nào?

+ Thông tin 2 cho biết ngân sách nhà nước góp phần điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát như thế nào?

+ Thông tin 3 cho biết gia đình anh T đã được hỗ trợ từ quỹ phúc lợi của ngân sách nhà nước như thế nào?



Sơ đồ 2. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước⁽¹⁾

- GV sử dụng kỹ thuật tia chớp, yêu cầu HS đọc nội dung thông tin SGK và trả lời nhanh câu hỏi: Hãy nêu các vai trò chủ yếu của ngân sách nhà nước.

- GV phân tích cho HS:

+ Ngân sách nhà nước là công cụ huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

- Nhà nước sử dụng quỹ ngân sách để đảm bảo phát triển kinh tế.
- Đảm bảo an ninh, quốc phòng.

+ Ngân sách nhà nước là công cụ kích thích nền kinh tế phát triển.

- Ngân sách nhà nước cung ứng vốn cho nền kinh tế.

+ Thông tin 2 cho biết ngân sách nhà nước cung ứng đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm cho những người gặp khó khăn trong dịch COVID - 19.

+ Các con anh T được hỗ trợ kinh phí để đi học, mọi người trong gia đình được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, được hỗ trợ kinh phí chuyển đổi mô hình sản xuất để thoát nghèo.

- Ngân sách nhà nước có vai trò:

+ Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

+ Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý.

+ Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.

+ Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.

+ Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.... và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết.

+ Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

● <i>Ngân sách nhà nước là công cụ mà Nhà nước sử dụng để điều tiết giá cả thị trường và chống lạm phát.</i> ● <i>Thông qua trợ giá, thành lập các quỹ cho vay ưu đãi.</i> ● <i>Ngân sách nhà nước đảm bảo tái đầu tư cho nền kinh tế.</i> + <i>Ngân sách nhà nước đảm bảo các chính sách về mặt xã hội cho người dân.</i> ● <i>Nhà nước sử dụng tiền từ quỹ ngân sách để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.</i> ● <i>Đảm bảo các chính sách về mặt xã hội cho những đối tượng chính sách.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm theo KT mảnh ghép, đọc thông tin và quan sát sơ đồ SGK tr.29 để thực hiện nhiệm vụ. - HS rút ra vai trò của ngân sách nhà nước theo kĩ thuật tia chớp. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày về vai trò của ngân sách nhà nước. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được các vai trò của ngân sách nhà nước

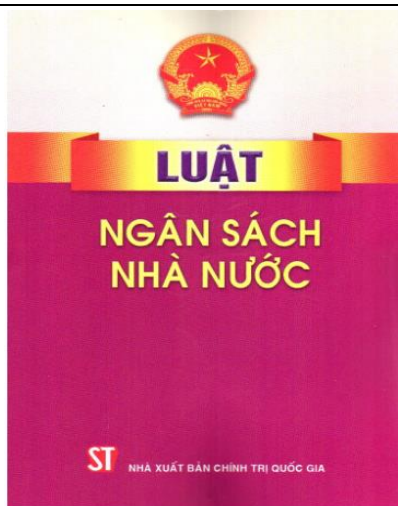
b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc thông tin 1, 2, 3 SGK tr.30 và trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận; HS chơi trò chơi “Tôi có quyền gì”; làm việc nhóm và vẽ sơ đồ tư duy chốt lại nội dung bài.

c. Sản phẩm học tập:

- HS trả lời và ghi được vào vở một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.
- Sơ đồ tư duy chốt lại nội dung bài học

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Người dân đang đóng góp vào ngân sách nhà nước (thông qua các loại thuế, phí, lệ phí) vì vậy việc biết và hiểu về việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước là vô cùng quan trọng.</i> - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin 1, 2, 3 SGK tr.30 và trả lời câu hỏi: + <i>Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã đảm bảo quyền gì của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước?</i> + <i>Ngư dân xã Q được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước?</i> - GV hướng dẫn HS đọc thông tin SGK, rút ra kết luận và cho biết: <i>Hãy nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.</i> - GV cho HS sử dụng phương tiện tìm kiếm thông tin để tìm hiểu về Luật Ngân sách nhà nước (2015).	4. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước - Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã đảm bảo quyền được cung cấp thông tin, giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước của công dân. - Ngư dân xã Q được hưởng quyền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; nghĩa vụ sử dụng khoản tiền vay đúng mục đích, trả nợ đúng thời hạn và đóng thuế đầy đủ. - Công dân có quyền: + <i>Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</i> + <i>Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.</i> - Công dân có nghĩa vụ: + <i>Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.</i> + <i>Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</i>



- GV chia HS thành 4 nhóm, tổ chức nhanh cho HS chơi trò chơi *Tôi có quyền gì?*.

- GV chia HS thành 4 nhóm. Lần lượt các nhóm thảo luận để thực hiện nhiệm vụ, rút ra được công dân có quyền và nghĩa vụ gì. Nhóm nào thực hiện trò chơi chính xác và nhanh nhất, nhóm đó là người chiến thắng.

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1: *Tôi có quyền được biết những thông tin gì về ngân sách nhà nước?*

☐ *Gợi ý trả lời: Điều 15 Luật NSNN 2015 quy định phải công khai:*

- *Dự thảo dự toán NSNN (dự toán trước khi được phê duyệt chính thức).*
- *Dự toán NSNN đã được phê duyệt.*
- *Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách, quyết toán ngân sách đã được phê chuẩn.*
- *Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước.*

+ Nhóm 2: *Tôi có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về ngân sách nhà nước không?*

☐ *Gợi ý trả lời:*

- *Người dân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về ngân sách nhà nước.*
- *Thông tin về ngân sách nhà nước thuộc nhóm thông tin phải được công khai theo quy định của Luật NSNN 2015. Công dân được tiếp cận thông tin qua việc tự do tiếp cận những thông tin được cơ quan nhà nước công khai, hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin (điều 10).*
- *Người dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin bằng cách trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác đến cơ quan nhà nước yêu cầu, hoặc gửi đề nghị qua mạng điện tử, fax, hoặc bưu điện đến cơ quan cung cấp thông tin (điều 24). Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin dưới hình thức trực tiếp tại trụ sở, hoặc gửi qua mạng điện tử, fax, hoặc bưu điện cho người đề nghị (điều 25).*

+ Nhóm 3: Tôi có quyền thắc mắc, kiến nghị về ngân sách nhà nước không?

☐ *Gợi ý trả lời: Người dân có thể gửi thắc mắc, kiến nghị tới MTTQ (Mặt trận tổ quốc) và HĐND thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri, các cuộc sinh hoạt cơ sở của các tổ chức thành viên MTTQ (Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh...), hoặc trực tiếp qua hoạt động tiếp công dân hay gửi văn bản đến UBND (Ủy ban nhân dân) các cấp và đơn vị sử dụng ngân sách, hoặc có thể gửi thắc mắc kiến nghị qua MTTQ và HĐND các cấp*

+ Nhóm 4: Tôi có quyền giám sát sử dụng ngân sách nhà nước không?

☐ *Gợi ý trả lời : Điều 16 Luật NSNN 2015 quy định: Ngân sách nhà nước được giám sát bởi cộng đồng.*

MTTQ các cấp chủ trì việc giám sát NSNN của cộng đồng. Nội dung giám sát bao gồm việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng NSNN; tình hình thực hiện dự toán NSNN; và việc thực hiện công khai NSNN. Công dân có quyền giám sát sử dụng NSNN bằng cách theo dõi việc sử dụng ngân sách và phản ánh trực tiếp tới các cơ quan có liên quan hoặc phản ánh gián tiếp qua HĐND – cơ quan đại diện của dân và MTTQ – cơ quan chủ trì giám sát của cộng đồng. Với những trường hợp vi phạm, công dân cũng có thể sử dụng quy trình khiếu nại tố cáo để phản ánh ý kiến.

- GV tiếp tục yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức của bài học.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, đọc thông tin 1, 2, 3 SGK tr.30 và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận.

- HS chơi trò chơi “Tôi có quyền gì”, mở rộng kiến thức.

- HS làm việc nhóm và vẽ sơ đồ tư duy chốt lại nội dung bài.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

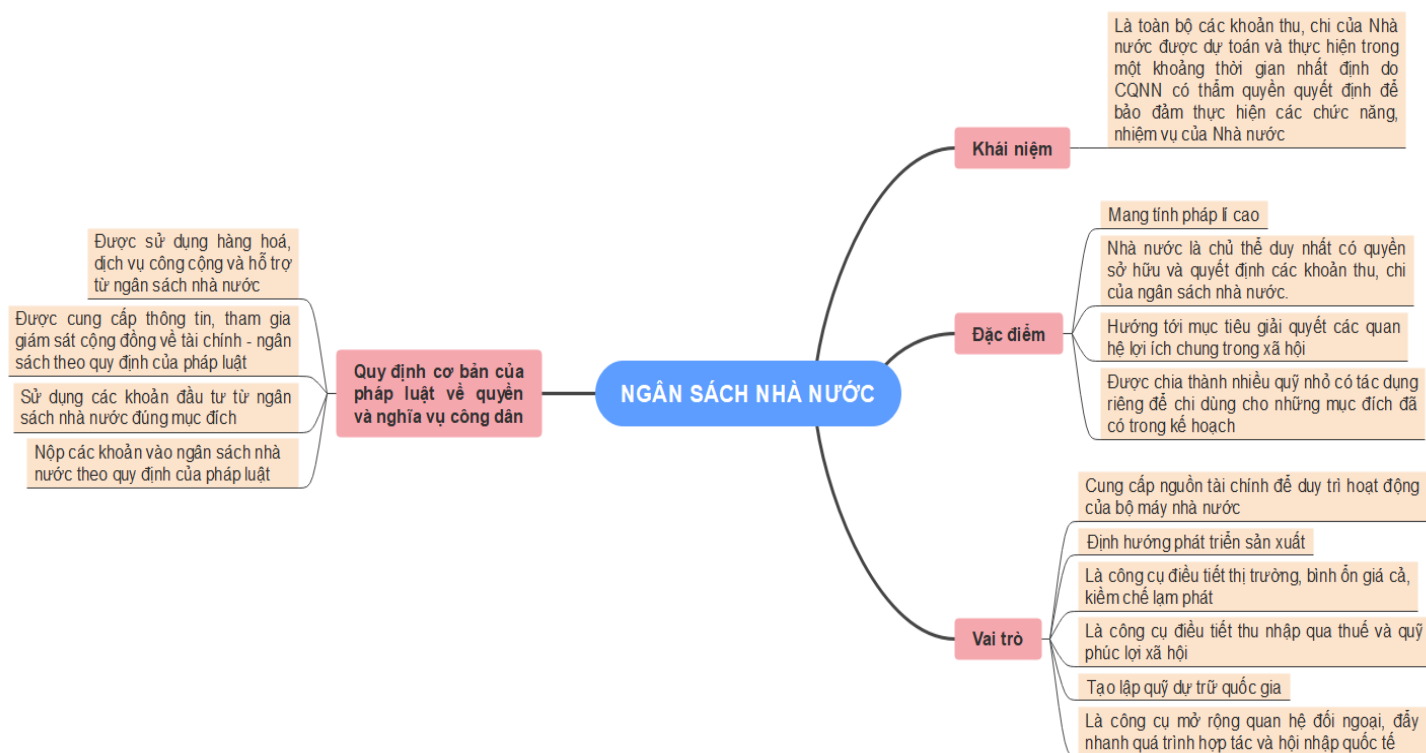
- GV mời đại diện HS trình bày về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

SƠ ĐỒ TƯ DUY NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố được những kiến thức vừa khám phá về khái niệm, đặc điểm, vai trò của ngân sách nhà nước; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật NSNN.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1, 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.31, 32; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS chọn được ý kiến đúng, ý kiến sai và giải thích tại sao.
- HS chọn được nhân vật tình huống thực hiện đúng, vi phạm pháp luật về NSNN và giải thích tại sao.
- HS giải đáp thắc mắc với các tình huống SGK đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

- GV chia HS thành 3 nhóm và nêu nhiệm vụ cho HS :

+ Nhóm 1: *Thực hiện bài tập 1 – Em hãy cho biết ý nào là đúng, ý kiến nào là sai? Vì sao?*

+ Nhóm 2: *Theo em, trong các tình huống sau, ai thực hiện đúng, ai vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước? Vì sao?*

- + Nhóm 3: *Giải đáp thắc mắc giúp các bạn trong tình huống.*
- GV hướng dẫn HS: *Với nhóm 2, HS xây dựng kịch bản, đóng vai và nhận xét hành vi.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ Nhóm 1 (Bài tập 1):

- a. *Đúng: Mặc dù định nghĩa về ngân sách nhà nước viết là “... toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định” song trên thực tế ngân sách nhà nước thường được tính trong một năm.*
- b. *Không đúng: Có những khoản thu của người dân không phải nộp vào ngân sách nhà nước; mặt khác, ngân sách nhà nước còn có những khoản thu khác ngoài những khoản thu của người dân.*
- c. *Đúng, đây là vai trò thứ nhất của ngân sách nhà nước.*
- d. *Không đúng: Ngân sách nhà nước do nhân dân đóng góp nên nhân dân được quyền và có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc Nhà nước sử dụng ngân sách như thế nào.*

+ Nhóm 2 (Bài tập 2):

- a. *Ông M sai khi lợi dụng chức vụ để đưa người thân có điều kiện tốt hơn nhiều người khác vào danh sách hộ nghèo để được nhận hỗ trợ của Chính phủ. Ông N đúng, có lòng tự trọng và nhân văn khi tự nguyện xin không nhận sự hỗ trợ, nhường cho người khác có hoàn cảnh khó khăn hơn.*
- b. *Cán bộ xã sai khi:*
 - 1/ *Bắt người dân phải nộp nhiều khoản không đúng theo quy định của pháp luật;*
 - 2/ *Vi phạm quy chế dân chủ và quyền lợi của người dân khi không giải trình công khai các khoản thu chi. Người dân đứng khi quan tâm tới vấn đề thu chi ngân sách nhà nước, có ý thức bảo vệ quyền lợi của mình khi yêu cầu cán bộ xã phải giải trình công khai các khoản thu chi.*
- c. *Các cơ quan nhà nước trong tỉnh A đã có các việc làm đúng góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.*

+ Nhóm 3 (Bài tập 3):

- a. *Nguồn để trợ cấp cho người cao tuổi từ ngân sách nhà nước.*
- b. *Nhà nước đã dùng ngân sách để làm đường, xây cầu. Vì vậy, nộp phí khi đi trên đường cao tốc để bù đắp khoản chi đó từ ngân sách nhà nước.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- b. **Nội dung:** GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.25; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh, liên hệ bản thân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Bài viết về công trình sử dụng NSNN ở địa phương em và ý nghĩa của công trình đó.
- Những nghĩa vụ gia đình em đã thực hiện và được hưởng quyền lợi từ NSNN.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ngoài giờ học:

+ Bài tập 1. *Viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương em và ý nghĩa của công trình đó.*

+ Bài tập 2: *Gia đình em đã thực hiện nghĩa vụ gì và được hưởng những quyền lợi gì từ ngân sách nhà nước? Hãy thống kê theo mẫu sau:*

Nghĩa vụ	1. Nộp thuế.... 2.....
Quyền lợi	1. Sử dụng dịch vụ công 2.....

- GV hướng dẫn HS:

+ Với bài tập 1, HS viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương mình và ý nghĩa của công trình đó:

- Tên công trình, được xây dựng khi nào và như thế nào?
- Nguồn vốn từ đâu?
- Người dân đã sử dụng công trình đó như thế nào?
- Công trình đó có ý nghĩa như thế nào đối với địa phương em đang sinh sống?

+ Với bài tập 2, HS tham khảo ý kiến của người thân trong gia đình để hoàn thành bảng thống kê.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học theo hướng dẫn của GV, báo cáo kết quả vào tiết học sau.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả thực hiện vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.
- Làm bài tập Bài 5 - Sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức Bài 6: Thuế.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế.
- Kể được tên một số loại thuế phổ biến.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thuế.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến thuế.

3. Phẩm chất

- Trung thực, có trách nhiệm công dân trong việc tham gia một số hoạt động liên quan tới thuế.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về thuế
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Thuế*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến thuế, tạo hứng thú, tâm thế học tập để dẫn vào bài mới.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*”; HS tham gia trò chơi – kể tên các loại thuế có ở Việt Nam.

c. Sản phẩm học tập: HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*” – kể tên các loại thuế có ở Việt Nam và trình bày một vài hiểu biết về các loại thuế đã kể trong trò chơi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*”.

- GV chọn 2 đội chơi. Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội viết lên bảng một loại thuế. Trong cùng một khoảng thời gian (3 - 5 phút), đội nào viết được nhiều loại thuế hơn sẽ thắng.

- Sau khi chơi, HS trả lời câu hỏi: *Em biết gì về các loại thuế trên?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân để chơi trò chơi “*Tiếp sức*” và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 2 đội chơi trò chơi và trả lời câu hỏi:

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp: là thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến thu nhập của đối tượng nộp thuế.*

+ *Thuế giá trị gia tăng: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.*

+ *Thuế thu nhập cá nhân: là khoản tiền mà người có thu nhập phải trích nộp trong một phần tiền lương, hoặc từ các nguồn thu khác vào ngân sách nhà nước sau khi đã được giảm trừ.*

+ *Thuế xuất nhập khẩu: là thuế gián thu, thu vào các loại hàng hóa được phép xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam, độc lập trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam và các nước trên thế giới.*

+ *Thuế tài nguyên: là loại thuế gián thu, đây là số tiền mà tổ chức, cá nhân phải nộp cho nhà nước khi khai thác tài nguyên thiên nhiên.*

+ *Thuế bảo vệ môi trường: là khoản thu của ngân sách nhà nước. Nhằm điều tiết các hoạt động có ảnh hưởng tới môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt: là thuế gián thu đánh vào một số hàng hóa đặc biệt do các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ tại.*

+ *Thuế môn bài: là mức thuế doanh nghiệp phải đóng hàng năm dựa vào vốn điều lệ được ghi trên giấy phép kinh doanh.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Thuế là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Mỗi loại thuế mà Nhà nước ban hành đều nhằm mục đích tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thuế gắn liền với tăng trưởng kinh tế, công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Bài học này sẽ giúp các em hiểu bản chất, vai trò của thuế, nhận diện được một số loại thuế cơ bản, hiểu được việc nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Chúng ta cùng vào **Bài 6: Thuế**.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

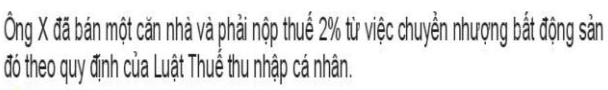
Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm thuế

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm thuế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc phần trường hợp SGK tr.20 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận về khái niệm thuế.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm thuế.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: + <i>Thuế là gì? Cho đến nay vẫn chưa có một khái niệm nào trên thế giới thống nhất về thuế. Đứng ở các góc độ khác nhau của các nhà kinh tế khác nhau lại có một khái niệm khác nhau về thuế.</i> + <i>Thuế được áp dụng lần đầu tiên ở Ai Cập cổ đại vào khoảng năm 3000-2900 TCN, nếu không trả tiền hoặc trốn thuế chống lại việc nộp thuế sẽ bị phạt theo quy định của Pháp luật.</i> - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp SGK tr.33 và trả lời câu hỏi:  Ông X đã bán một căn nhà và phải nộp thuế 2% từ việc chuyển nhượng bất động sản đó theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân. + <i>Vì sao ông X phải nộp thuế?</i> + <i>Ông X nộp thuế cho ai?</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và cho biết: Thuế là gì?	1. Tìm hiểu khái niệm thuế - Ông X phải nộp thuế theo quy định tại Điều 14 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2015 vì có thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản. - Ông X phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước. ☐ Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế (khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019).

- GV mở rộng kiến thức: + Ngoài ra còn có khái niệm khác “Thuế là một khoản phí tài chính bắt buộc hoặc một số loại thuế khác áp dụng cho người nộp thuế (một cá nhân hoặc pháp nhân) phải trả cho một tổ chức chính phủ để tài trợ cho các khoản chi tiêu công khác nhau”. + Khi xã hội loài người được hình thành cần có một tổ chức lãnh đạo được lập ra và hoạt động nhằm đem đến lợi ích cho tất cả mọi người. Điều này đặt ra phải có một quỹ chung để thực hiện và chi cho các công việc cần thiết thuế được hình thành. Hiện nay, thuế đã trở thành một công cụ không thể thiếu dù ở bất cứ xã hội nào. Nhà nước đặt ra chế độ thuế khóa do dân cư đóng góp để có tiền chi tiêu cho sự tồn tại và hoạt động của mình. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, đọc phần trường hợp SGK tr.20 đưa ra để trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về khái niệm thuế. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1. - GV mời đại diện HS trình bày khái niệm về thuế. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của thuế

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò cơ bản của thuế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1, 2, 3 và quan sát sơ đồ SGK tr.34, 35 để trả lời câu hỏi; HS rút ra được vai trò của thuế.

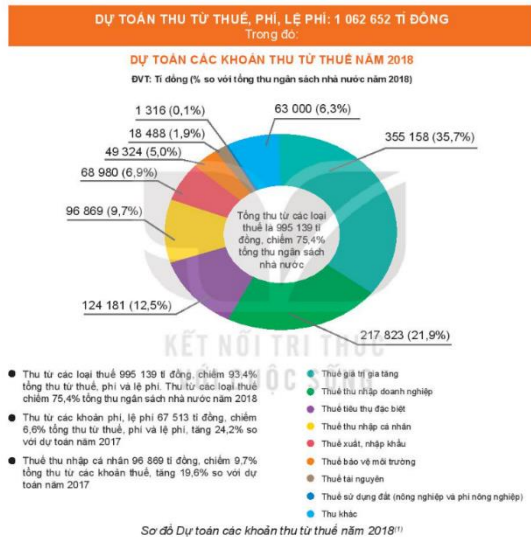
c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở vai trò của thuế.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
----------------------	------------------

- GV dẫn dắt: *Thuế giữ vai trò quan trọng trong xã hội hiện tại nếu không có thuế nhà nước sẽ không thể hoạt động vững mạnh.*

- GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin 1, 2, 3, quan sát sơ đồ SGK tr.34, 35 và trả lời câu hỏi: *Vì sao nhà nước phải thu thuế?*



- GV

mở rộng kiến thức:

+ *Thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định lâu dài và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng.*

+ *Thuế góp phần thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, quản lý hướng dẫn và khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kinh tế theo hướng phát triển của kế hoạch nhà nước, góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mặt mắt cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1, 2, 3 và quan sát sơ đồ SGK tr.34, 35 để trả lời câu hỏi.

- HS rút ra được vai trò của thuế.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 2.

2. Tìm hiểu vai trò của thuế

- Nhà nước phải thu thuế vì:

+ Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.

+ Thuế là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, Nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.

+ Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

- GV mời đại diện HS trình bày về vai trò của thuế. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số loại thuế phổ biến

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số loại thuế phổ biến.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp SGK tr.35, 36 đưa ra; HS rút ra được một số loại thuế phổ biến.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở một số loại thuế phổ biến.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt HS: <i>Căn cứ vào nhiều tiêu thức khác nhau mà người ta phân thuế ra thành nhiều loại để có thể dễ dàng quản lý.</i> - HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp SGK tr.35, 36 đưa ra và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp thuế nào khác? Chia sẻ hiểu biết của em về loại thuế đó?</i> - GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận: <i>Nêu một số loại thuế phổ biến.</i>	3. Tìm hiểu một số loại thuế phổ biến - Ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp: + Thuế thu nhập cá nhân (được thu từ những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp). + Thuế giá trị gia tăng (được tính trên giá trị tăng thêm của ô tô phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, thường được tính cho người tiêu dùng) + Thuế nhập khẩu (do doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu linh kiện để lắp ráp ô tô) + Thuế tiêu thụ đặc biệt (được thu nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hóa). + Thuế bảo vệ môi trường (xe ô tô gây ô nhiễm môi trường nên doanh nghiệp X có nghĩa vụ nộp thuế),... - Một số loại thuế phổ biến:

- GV giải thích cho HS: <i>Thuế trực thu và thuế gián thu được phân loại theo hình thức thu.</i> - GV mở rộng kiến thức: <i>Ngoài ra, thuế còn được phân loại theo:</i> + <i>Tính chất hành chính gồm:</i> • <i>Thuế nhà nước (quốc gia): nộp vào ngân sách trung ương</i> • <i>Thuế địa phương: nộp vào ngân sách chính quyền địa phương.</i> □ <i>Cách phân loại này thường được sử dụng trong kế toán quốc gia, dựa vào cách tổ chức quản lý thu và cấp ngân sách thụ hưởng chúng.</i> + <i>Tính chất kinh tế:</i> • <i>Dựa theo yếu tố kinh tế bị đánh thuế: Thuế được chia thành thuế đánh vào thu nhập, thuế đánh vào tài sản tiêu dùng, thuế đánh vào tài sản, thuế đánh vào doanh nghiệp</i> • <i>Dựa theo yếu tố và tác nhân kinh tế chịu thuế: Thuế có các loại gồm thuế đánh vào doanh nghiệp như: Thuế môn bài, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, phí, lệ phí khác, tiền thuế đất, thuế đánh vào hộ gia đình, thuế đánh vào sản phẩm.</i>	+ <i>Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế.</i> <i>Thuế trực thu có:</i> • <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i> • <i>Thuế thu nhập cá nhân</i> • <i>...</i> + <i>Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ. Thuế gián thu có:</i> • <i>Thuế giá trị gia tăng</i> • <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i> • <i>Thuế xuất khẩu, nhập khẩu</i> • <i>Thuế bảo vệ môi trường</i> • <i>...</i>
---	---

- Dựa theo lĩnh vực, thuế được phân chia theo các lĩnh vực kinh tế bị đánh thuế: Ví dụ thuế đánh vào bảo hiểm, thuế đánh vào tiết kiệm, thuế đánh vào bất động sản... Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp SGK tr.35, 36 đưa ra. - HS rút ra được một số loại thuế phổ biến. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 3. - GV mời đại diện HS trình bày về một số loại thuế phổ biến. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin 1, 2 SGK tr.36, 37 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận về các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế; HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy nội dung kiến thức bài học.

c. Sản phẩm học tập:

- HS nêu và ghi được vào vở một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

- Sơ đồ tư duy nội dung kiến thức bài học.

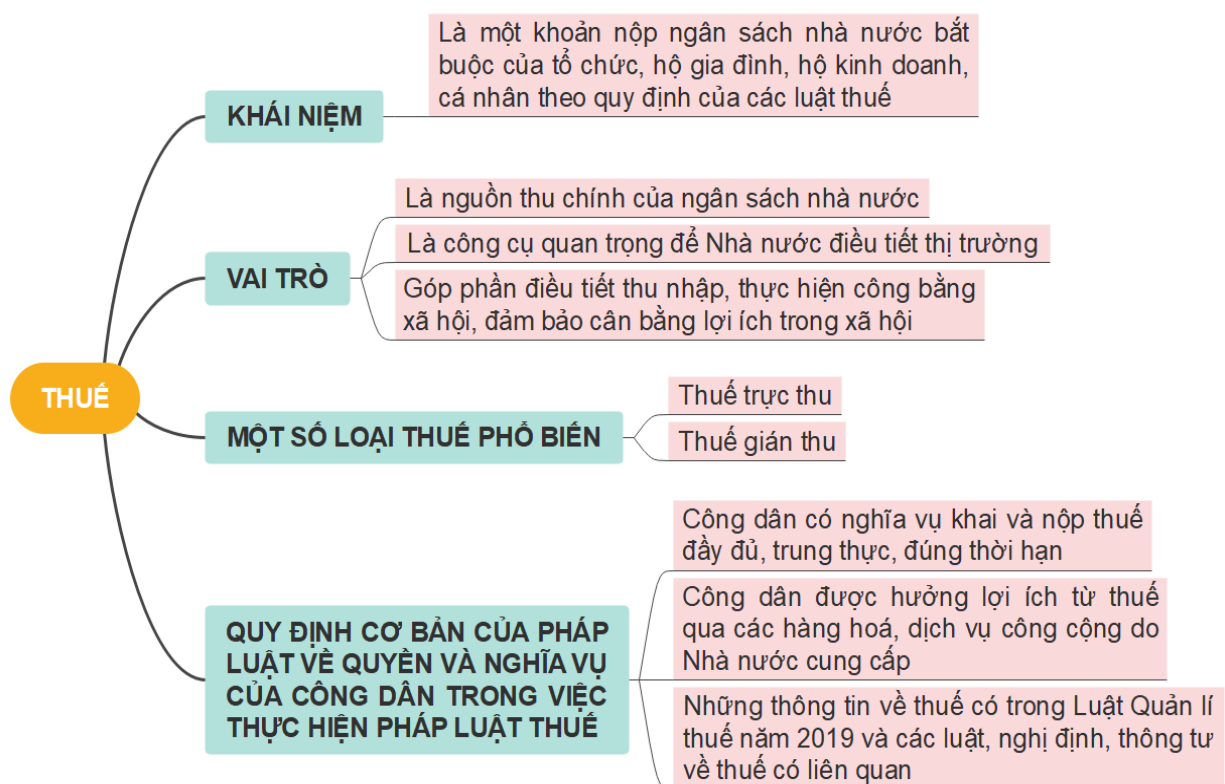
d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin 1, 2 SGK tr.36, 37 và trả lời câu hỏi:	4. Tìm hiểu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế

+ Vì sao nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân? + Hãy nêu ví dụ về một số quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế. - GV trình chiếu và giới thiệu cho HS về Luật Quản lý thuế 2019. - GV rút ra + Công dân vụ khai và đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn. + Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hoá, dịch vụ công cộng do Nhà nước cung cấp. + Những thông tin về thuế có trong Luật Quản lý thuế năm 2019 và các luật, nghị định, thông tư về thuế có liên quan. - GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu và tóm tắt lại nội dung bài học và thực hiện nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức của bài học. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin 1, 2 SGK tr.36, 37 đưa ra để trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế. - HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy nội dung kiến thức bài học. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	- Nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân vì: + Một trong số các khoản thu chính của ngân sách nhà nước là thuế. + Thuế để ổn định ngân sách nhà nước, giúp nhà nước tồn tại và duy trì hoạt động. □ Đóng thuế là nghĩa vụ của công dân. Các khoản thu từ thuế sẽ được sử dụng với mục đích phục vụ nhân dân, các công trình công cộng. Công dân phải nộp thuế để được hưởng lợi ích từ ngân sách nhà nước. - Quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế: + Quyền: • Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế, cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế. • Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số tiền không được hoàn. + Nghĩa vụ: • Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ thuế. • Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.
--	--

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 4. - GV mời đại diện HS trình bày : + Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế. + Trình bày nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy nội dung kiến thức bài học. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

SƠ ĐỒ TƯ DUY NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố những tri thức đã khám phá về các loại thuế ; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

b. Nội dung:

- GV cho HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm nhanh có liên quan đến bài học; HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để chọn được đáp án đúng.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2, 4 phần Luyện tập SGK tr.37, 38; HS làm việc nhóm, vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.
- HS gọi được tên loại thuế mà chủ thể phải đóng và vai trò của thuế trong các trường hợp cụ thể.
- HS giải đáp thắc mắc cho các nhân vật trong tình huống.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nêu yêu cầu: *Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng*

Câu 1. Thuế là gì?

- A. Thuế là một khoản tiền mà các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh tự nguyện nộp cho Nhà nước.
- B. Thuế là một khoản tiền mà các cơ sở sản xuất kinh doanh thu lãi từ người mua hàng.
- C. Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế.
- D. Thuế là một khoản tiền mà người dân phải trả khi sử dụng các dịch vụ công cộng theo quy định của các luật thuế.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của thuế?

- A. Thuế là công cụ để kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- C. Thuế là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường.
- D. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

Câu 3. Thuế trực thu là gì?

- A. Thuế tính trên giá trị của hàng hoá trên thị trường.
- B. Thuế gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ.
- C. Thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế.
- D. Thuế điều tiết trực tiếp vào giá cả của hàng hoá trên thị trường.

Câu 4. Thuế gián thu là gì?

- A. Thuế thu được từ người có thu nhập cao.
- B. Thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ.
- C. Thuế đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.
- D. Thuế thu được từ khoản tiền mà người mua phải trả cho người bán.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1-2 HS đọc đáp án trước lớp:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	A	C	B

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi 2, 4 phần Luyện tập SGK tr.37, 38

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm (2 nhóm thực hiện 1 bài tập) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Nhóm 1, 2: Thực hiện bài tập 2 SGK tr.37

Em hãy gọi tên các loại thuế mà các chủ thể phải đóng và cho biết vai trò của các chủ thể đó trong trường hợp sau.

+ Nhóm 3, 4: Thực hiện bài tập 4 SGK tr.38

Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn sau đây.

- GV hướng dẫn HS: Đối với nhóm 3, 4, HS có thể xây dựng và biểu diễn tác phẩm về các tình huống.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 4 nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ Bài tập 2:

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp. Vai trò: Chiếm tỉ trọng lớn trong các loại thuế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước, phân phối thu nhập, thúc đẩy đầu tư ở Việt Nam.

b. Thuế thu nhập cá nhân. Vai trò: Góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.

c. Thuế tiêu thụ đặc biệt. Vai trò: Góp phần điều tiết sản xuất và tiêu dùng xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

d. Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Vai trò: Góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

+ Bài tập 4:

a. Người nộp thuế phải bỏ tiền ra nộp nhưng nộp thuế vẫn là quyền lợi của công dân vì thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước. Nhà nước sử dụng ngân sách để quản lý và xây dựng đất nước, đem lại lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, nhiều người vẫn trốn thuế là vì họ chỉ lo vun vén cho lợi ích trước mắt của bản thân.

b. Thuế thu nhập cá nhân giúp Nhà nước có thêm khoản thu để có thể đảm bảo thực hiện các chế độ phúc lợi theo quy định cũng như đầu tư xây dựng các công trình công cộng phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống của nhân dân; góp phần điều tiết thu nhập, giảm khoảng cách giàu nghèo, thực hiện công bằng xã hội; góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

c. Biển là tài nguyên của đất nước, nhân dân. Người khai thác cá từ biển thì phải nộp thuế. Mặt khác, người khai thác cá nộp thuế để Nhà nước có ngân sách quản lý đất nước, trong đó có biển.

d. Ca sĩ khi biểu diễn đã sử dụng công trình công cộng được xây dựng từ ngân sách nhà nước. Mặt khác, lí do người thu nhập cao phải nộp thuế thu nhập cá nhân đã được giải thích ở bài tập 4.b.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. **Nội dung:** GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2 SGK tr.38 phần Vận dụng; HS liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân và sưu tầm tư liệu để thực nhiệm vụ học tập.

c. Sản phẩm học tập:

- Bài tuyên truyền về nghĩa vụ nộp thuế của công dân.
- Tự đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của những người thân trong gia đình em.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học:
 - + Bài tập 1: Hãy viết một bài tuyên truyền về nghĩa vụ nộp thuế của công dân.
 - + Bài tập 2: Em hãy tìm hiểu và tự đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của những người thân trong gia đình em.
- GV hướng dẫn HS:
 - + Tìm hiểu, sưu tầm thông tin, tư liệu trên sách, báo, internet để viết bài tuyên truyền.
 - + Hỏi người thân trong gia đình về nghĩa vụ nộp thuế.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân và sưu tầm tư liệu để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Trả lời câu hỏi 1, 3 phần Luyện tập.
- Làm bài tập Bài 6 – Sách bài tập Giáo dục kinh tế & pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.*

CHỦ ĐỀ 4: SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ SẢN XUẤT CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH
BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.
- Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong xã hội.
 - *Năng lực phát triển bản thân:* Có ý tưởng trong việc lựa chọn mô hình hoạt động kinh tế trong tương lai đối với bản thân.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi trong việc lựa chọn mô hình và tham gia sản xuất kinh doanh.

3. Phẩm chất

- Trung thực, có trách nhiệm công khi tham gia các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về mô hình sản xuất kinh doanh.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về vai trò của sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh; tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS kể tên một số hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình hoặc những cơ sở sản xuất kinh doanh nơi em sinh sống và cho biết các hoạt động đó có đóng góp gì cho xã hội; HS vận dụng hiểu biết thực tế để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Tên một số hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình hoặc những cơ sở sản xuất kinh doanh nơi em sinh sống và đóng góp của các hoạt động đó cho xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu cho HS thảo luận:
 - + *Kể tên một số hoạt động sản xuất kinh doanh của gia đình hoặc những cơ sở sản xuất kinh doanh nơi em sinh sống.*
 - + *Cho biết các hoạt động đó có đóng góp gì cho xã hội?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân, liên hệ thực tế tại địa phương, gia đình để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện HS trả lời trước lớp:

Ví dụ:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: Quán ăn phục vụ buổi sáng

+ Hoạt động này đã tạo ra dịch vụ, hàng hóa (phục vụ các món ăn sáng) để đáp ứng nhu cầu ăn uống của xã hội, giảm tình trạng thất nghiệp và mang đến thu nhập cho người lao động.

□ Đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nhiều người trong chúng ta đã và đang tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không phải ai cũng nhận thức được đầy đủ vai trò của sản xuất kinh doanh cũng như biết lựa chọn cho mình một mô hình phù hợp để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, thành công. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn vai trò của sản xuất kinh doanh, biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh để có thể lựa chọn cho bản thân và gia đình trong hiện tại và tương lai. Chúng ta cùng vào **Bài 7: - Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của sản xuất kinh doanh

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.

b. Nội dung:

- GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp SGK tr.39, 40 đưa ra và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra được kết luận:

+ Khái niệm kinh doanh.

+ Khái niệm sản xuất kinh doanh.

+ Vai trò của sản xuất kinh doanh.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở vai trò của sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt HS: <i>Đối với nền kinh tế quốc dân, hiệu quả của nền kinh tế quốc dân phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nếu hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp được nâng cao sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, góp phần tạo sự tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống xã</i>	1. Tìm hiểu vai trò của sản xuất kinh doanh - Anh T đã cung cấp dịch vụ để phục vụ bà con với mục đích giúp đỡ bà con phát triển chăn nuôi. □ Hoạt động này khác với hoạt động sản xuất trước:

hội, giữ vững trật tự an ninh xã hội. Vậy sản xuất kinh doanh có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, hướng dẫn các nhóm đọc trường hợp SGK tr.39, 40 và trả lời câu hỏi: *Em hãy đọc câu truyện sau để trả lời câu hỏi:*

+ *Anh T đã cung cấp dịch vụ để phục vụ bà con địa phương với mục đích gì? Hoạt động này có điểm gì khác so với hoạt động sản xuất trước đây?*

+ *Hoạt động sản xuất kinh doanh của anh T đã mang lại lợi ích gì cho gia đình và xã hội?*

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ *Kinh doanh là gì?*

+ *Sản xuất kinh doanh là gì?*

+ *Sản xuất kinh doanh có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?*

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về sản xuất kinh doanh:



+ Hoạt động sản xuất trước đây chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của gia đình.

+ Hoạt động hiện tại có sự tham gia của máy móc hiện đại và quy mô chăn nuôi lớn hơn trước, có nhiều sản phẩm được bán ra thị trường.

- Hoạt động sản xuất của anh T đã mang lại thu nhập cho gia đình, giúp gia đình có cuộc sống ổn định, tạo ra hàng hóa cho xã hội để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, từ đó đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

- Kinh doanh: là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường.

☐ Thu được lợi nhuận.

- Sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.

+ Ví dụ: Các doanh nghiệp sản xuất như Toyota, Honda, Hyundai Thành Công, VinFast...

☐ Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, họ đã sản xuất lắp ráp cho ra đời các dòng xe ưa chuộng trên thị trường hiện nay.

- Vai trò của kinh doanh trong đời sống xã hội:

+ Là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội.

+ Tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh.

- GV lưu ý cho HS: + <i>Ở nghĩa phổ thông kinh doanh không chỉ là buôn bán mà bao gồm cả sản xuất. Hơn nữa, không phải tất cả các hoạt động sản xuất, buôn bán đều là kinh doanh mà chỉ có những hoạt động sản xuất, buôn bán nào có sinh lợi mới được coi là kinh doanh.</i> + <i>Ở Việt Nam, thuật ngữ kinh doanh được sử dụng trong Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990. Hoạt động kinh doanh được nhận biết thông qua các dấu hiệu:</i> • <i>Hoạt động phải mang tính nghề nghiệp, nghĩa là chúng được tiến hành một cách chuyên nghiệp, thường xuyên, liên tục và hoạt động này mang lại nguồn thu nhập chính cho người thực hiện chúng;</i> • <i>Hoạt động phải được thực hiện một cách độc lập. Các chủ thể nhân danh mình để tiến hành hoạt động kinh doanh. Họ tự quyết định mọi vấn đề có liên quan và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình;</i> • <i>Hoạt động được các chủ thể tiến hành với mục đích kiếm lời thường xuyên. Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì để thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể phải tiến hành đăng kí kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là cơ quan đăng kí kinh doanh.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp SGK tr.39, 40 đưa ra và trả lời câu hỏi. - HS rút ra được kết luận: + Khái niệm kinh doanh. + Khái niệm sản xuất kinh doanh. + Vai trò của sản xuất kinh doanh. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	=> <i>Đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.</i>
---	---

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1. - GV mời đại diện HS trình bày khái niệm kinh doanh, sản xuất kinh doanh và vai trò của sản xuất kinh doanh. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số mô hình sản xuất kinh doanh

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mô hình đó.

b. Nội dung:

+ *Mô hình sản xuất kinh doanh:* GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin về câu chuyện sản xuất kinh doanh của hộ gia đình anh T và trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận hộ sản xuất kinh doanh là gì.

+ *Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh:* GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của anh T để trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận hợp tác xã là gì, đặc điểm của hợp tác xã, liên hợp tác xã là gì, đặc điểm của liên hợp tác xã.

+ *Mô hình doanh nghiệp:* GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.42-46 để tìm hiểu về khái niệm, đặc điểm và một số mô hình doanh nghiệp.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở một số mô hình doanh nghiệp.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, các nhóm đọc câu chuyện sản xuất kinh doanh của gia đình anh T và trả lời câu hỏi: + <i>Việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình anh T do ai chịu trách nhiệm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm? Số lao động tham gia là bao nhiêu?</i> + <i>Em có nhận xét gì về quy mô kinh doanh, khả năng huy động vốn của hộ gia đình anh T?</i>	2. Tìm hiểu một số mô hình sản xuất kinh doanh a) Mô hình hộ sản xuất kinh doanh - Việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình anh T do anh T chịu trách nhiệm sản xuất và do người dân chịu trách nhiệm tiêu thụ. Số lượng lao động tham gia là gần mười người. ☐ Quy mô nhỏ và khó huy động vốn.

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về mô hình hộ sản xuất kinh doanh:



- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ Hộ sản xuất kinh doanh là gì?

+ Nêu đặc điểm của hộ sản xuất kinh doanh.

- GV mở rộng kiến thức:

Trong những năm qua kinh tế hộ sản xuất kinh doanh đã có chuyển biến tích cực cả về quy mô, tốc độ và cơ cấu. Nhiều hộ kinh doanh đã đứng vững trong nền kinh tế thị trường, có tác động tích cực đến công tác xóa đói giảm

- Hộ sản xuất kinh doanh là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

nghèo, chuyển mình từ kinh tế hộ gia đình sang kinh tế doanh nghiệp tư nhân. + Tuy nhiên, thực tế hoạt động hooh sản xuất kinh doanh của các cơ sở cá thể chỉ mang tính chất tự phát. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tuy đang được tiếp tục đầu tư và có những kết quả bước đầu nhưng nhìn chung vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ nên cũng gây hạn chế cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chung. Quy mô nhỏ, sản xuất manh mún cả về lao động, nguồn vốn, tài sản và sản phẩm, nhất là đối với cơ sở sản xuất thuộc ngành công nghiệp, thị trường tiêu thụ không ổn định dễ bị ảnh hưởng khi có biến động thị trường. - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, đọc tiếp câu chuyện của anh T và trả lời câu hỏi: + Hợp tác xã Đoàn Kết gồm mấy thành viên? Hoạt động của hợp tác xã dựa trên những nguyên tắc nào? + Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình sản xuất kinh doanh là gì? Theo em, tại sao anh T phải liên kết với các hộ gia đình khác?	- Đặc điểm của hộ sản xuất kinh doanh: + Chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh. + Có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lí gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn. b) Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh - Hợp tác xã Đoàn kết gồm có 9 thành viên. - Hoạt động của hợp tác xã dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí. - Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh là có sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau từ đó tăng năng suất và đảm bảo giá bán ổn định. - Anh T phải liên kết với các hộ gia đình khác vì anh T gặp khó khăn trong việc huy động vốn và năng suất chưa cao do quy mô sản xuất nhỏ, anh T khi tham gia Hợp tác xã Đoàn kết đã giải quyết hết các vấn đề này.
--	--

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:



- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi và rút ra kết luận:

- + Hợp tác xã là gì?
- + Nêu đặc điểm của hợp tác xã.
- + Liên hiệp hợp tác xã là gì?
- + Nêu đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã.

- Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt

động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

- Đặc điểm của hợp tác xã:

- + Có hình thức sở hữu tập thể.
- + Các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh.
- + Có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.

- Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp hợp tác xã.

- Đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã:

- + Có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu.
- + Có tư cách pháp nhân.

- GV mở rộng kiến thức, chia HS thành 4 nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ vào Phiếu học tập số 1: <i>Nêu ưu điểm, nhược điểm của hợp tác xã.</i> (Kết quả Phiếu học tập số đính kèm phía dưới hoạt động) - GV mở rộng kiến thức: + <i>Hợp tác xã là mô hình sản xuất đã tồn tại từ lâu. Đây là mô hình kinh tế có nhiều điểm riêng biệt nhưng lại không được thành lập nhiều như doanh nghiệp.</i> + <i>Hợp tác xã là một mô hình tổ chức kinh tế phổ biến và được khuyến khích phát triển ở Việt Nam, tồn tại song hành cùng với các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam. Đây là mô hình rất được khuyến khích vì tạo được nhiều việc làm cho người nông dân, góp phần vào việc ổn định xã hội.</i> - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin về doanh nghiệp X SGK tr.42 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu những biểu hiện tính hợp pháp và tính tổ chức của doanh nghiệp X.</i> - GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về doanh nghiệp:  - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: + <i>Doanh nghiệp là gì?</i> + <i>Doanh nghiệp có đặc điểm gì?</i> - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế: <i>Nêu tên một số doanh nghiệp lớn tại Việt Nam mà em biết.</i>	+ <i>Các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.</i> c) Mô hình doanh nghiệp - Tính hợp pháp của doanh nghiệp X được thể hiện qua việc Nhà nước đã cấp phép hoạt động và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm cho các hoạt động kinh doanh bằng tài sản riêng của mình trước pháp luật. - Tính tổ chức của doanh nghiệp X được thể hiện qua việc doanh nghiệp có trụ sở giao dịch, có cơ cấu nhân sự, có bộ máy điều hành. - <i>Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng kí thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.</i> - <i>Doanh nghiệp có đặc điểm:</i> + <i>Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ,....</i> + <i>Có tính hợp pháp: đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh.</i> + <i>Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).</i> <u><i>Doanh nghiệp tư nhân</i></u> - Quyền sở hữu, quản lí và thực hiện nghĩa vụ của ông Q: toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn trước toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp.
--	---

(Gợi ý: Công ty cổ phần vàng bạc đá quý DOJI, Ngân hàng thương mại Á Châu, Công ty cổ phần FPT,...). - GV dẫn dắt HS: Theo Luật doanh nghiệp 2020, có 6 loại hình doanh nghiệp chính. Mỗi loại hình doanh nghiệp lại có ưu nhược điểm khác nhau, phụ thuộc vào nhu cầu, khả năng của cá nhân, tổ chức để lựa chọn mô hình thành lập phù hợp. - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ sau vào Phiếu học tập số: + Nhóm 1: Tìm hiểu về doanh nghiệp tư nhân ● Đọc thông tin về doanh nghiệp X do ông Q làm chủ và trả lời câu hỏi: Ông Q có quyền sở hữu, quản lý và thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp X trước pháp luật như thế nào? ● Rút ra kết luận: Doanh nghiệp tư nhân là gì? Nêu đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân. + Nhóm 2: Tìm hiểu về công ty hợp danh ● Đọc đoạn thông tin về doanh nghiệp của ông Q và trả lời câu hỏi: Công ty hợp danh QT được thành lập bởi những ai? Các thành viên hợp danh có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?	□ Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. - Đặc điểm: + Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân. + Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền Quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp. <u>Công ty hợp danh</u> - Công ty hợp danh QT được thành lập bởi ông Q và anh trai của ông – ông T. Các thành viên hợp danh có quyền quản lý, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. □ Công ty hợp danh là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung. - Đặc điểm: + Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lý công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.
--	---

● Công ty hợp danh là gì ? Nêu đặc điểm của công ty hợp danh. + Nhóm 3: Tìm hiểu về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ● Đọc đoạn thông tin SGK tr43, 44 và trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về mục đích thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N. ● Rút ra kết luận: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là gì? Nêu đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	+ Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lí công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. + Tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lí công ty không quá phức tạp. <u>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</u> - Mục đích thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N giúp giảm thiểu rủi ro. Anh chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn, không lo ảnh hưởng tới tài sản khác của gia đình. □ Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. - Đặc điểm: + Vốn điều lệ tại thời điểm đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. + Ít rủi ro hơn doanh nghiệp tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty. <u>Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</u> - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi có 4 người bạn thân của anh N đầu tư thêm 4 tỉ đồng vốn điều lệ.
---	---

+ Nhóm 4: Tìm hiểu về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên • <i>Đọc đoạn thông tin về hoạt động kinh doanh của anh N và trả lời câu hỏi: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của anh N được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên như thế nào? Cơ chế tổ chức và hoạt động ra sao?</i> • <i>Rút ra kết luận: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là gì? Nêu đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</i>	- Cơ chế tổ chức và hoạt động là cả năm người hợp thành Hội đồng thành viên, duy trì hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm về khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp. □ <i>Công ty TNHH hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.</i> - Đặc điểm: + <i>Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.</i> + <i>Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.</i> + <i>Ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lý, điều hành công ty không quá phức tạp.</i> <u>Công ty cổ phần</u> - Công ty cổ phần A được hình thành bằng vốn đóng góp của hàng trăm cổ đông. - Phương thức hoạt động của công: hàng năm, công ty sẽ tổ chức Đại hội cổ đông để bầu ra Hội đồng quản trị, phát hành chứng khoán để huy động vốn. Các cổ đông được chia lợi tức cổ phần theo số cổ phần đóng góp cho công ty. □ <i>Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.</i> - Đặc điểm: + <i>Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác</i>
---	--

+ Nhóm 5: Tìm hiểu về công ty cổ phần • <i>Đọc thông tin về công ty A và trả lời câu hỏi: Công ty cổ phần A được hình thành như thế nào? Em hãy nêu phương thức hoạt động của công ty cổ phần.</i> • <i>Rút ra kết luận: Công ty cổ phần là gì? Nêu đặc điểm của công ty cổ phần.</i>	<i>của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.</i> + <i>Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán.</i> + <i>Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn linh hoạt, khả năng huy động vốn cao.</i> <u><i>Doanh nghiệp nhà nước</i></u> - <i>Trước khi cổ phần hóa, vốn của doanh nghiệp K là 100% của nhà nước.</i> - <i>Sau khi cổ phần hóa, vốn của doanh nghiệp K chỉ còn 54% là của nhà nước, 46% còn lại là của tư nhân đầu tư.</i> □ <i>Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lí hoặc tham gia quản lí với tư cách chủ sở hữu.</i> - <i>Doanh nghiệp nhà nước gồm có hai loại:</i> + <i>Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.</i> + <i>Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.</i>
--	---

+ Nhóm 6: Tìm hiểu về doanh nghiệp nhà nước

- *Đọc trường hợp của doanh nghiệp K và trả lời câu hỏi: Em hãy phân tích số vốn của doanh nghiệp K trước và sau khi cổ phần hóa.*
- *Rút ra kết luận: Doanh nghiệp nhà nước là gì? Doanh nghiệp nhà nước có mấy loại?*

- GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, đưa ra nhận xét, kết luận.

- GV lưu ý HS: *Nhìn chung khi thành lập công ty không nên chỉ quan tâm mô hình doanh nghiệp nào là tốt nhất, mà còn phải chọn ra loại hình phù hợp nhất với công ty của mình. Như vậy mới đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra thuận lợi. Hơn nữa, loại hình công ty có thể thay đổi sau khi thành lập công ty.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, thảo luận về các nội dung sau:

+ *Mô hình sản xuất kinh doanh:* HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin về câu chuyện sản xuất kinh doanh của hộ gia đình anh T và trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận hộ sản xuất kinh doanh là gì.

+ *Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh:* HS thảo luận theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của anh T để trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận hợp tác xã là gì, đặc điểm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là gì, đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã.

+ *Mô hình doanh nghiệp:* HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.42-46 để tìm hiểu về khái niệm, đặc điểm và một số mô hình doanh nghiệp.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 6 nhóm lần lượt trình bày về một số mô hình doanh nghiệp.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	
--	--

Kết quả Phiếu học tập số 1

HỢP TÁC XÃ	
ƯU ĐIỂM	NHUỢC ĐIỂM
- Hoạt động theo tiêu chí dân chủ và bình đẳng: Mỗi thành viên tham gia HTX đều có quyền lợi như nhau, bình đẳng trong mọi hoạt động không phụ thuộc vào vốn góp hay phần đóng góp vào HTX. - Có tư cách pháp nhân như có con dấu, điều lệ và có quyền tự do quyết định mọi hoạt động dưới sự quản lý của pháp luật Việt Nam. - Không giới hạn số lượng thành viên tối đa tham gia vào HTX.	- Các xã viên có phần vốn góp nhiều hơn sẽ có tâm lý so sánh và thua thiệt khi quyền biểu quyết và quyết định của người tham gia HTX là như nhau. - Là một loại hình không được đề cao ở khả năng huy động vốn vì quyền lợi của các thành viên là ngang nhau và chủ yếu huy động từ các thành viên góp vốn hoặc chính sách của Nhà nước. - Việc quản lý một tập thể hàng trăm, hàng nghìn con người là một vấn đề khó khăn của người quản lý và kiểm soát hoạt động của HTX.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện khả năng xử lý tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề có liên quan vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, thực hiện câu hỏi bài tập 1, 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.46, 47 ; HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến SGK đưa ra, nêu lí do.
- HS nhận biết được điểm khác nhau của các mô hình sản xuất kinh doanh.
- HS nêu được lời khuyên cho các nhân vật trong tình huống.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao ?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS thành 4 nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận một tình huống sau: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

- a. Sản xuất kinh doanh góp phần làm giảm tệ nạn xã hội.
- b. Kinh doanh phát triển làm hạn chế các nghề truyền thống ở địa phương.
- c. Kinh doanh trực tuyến không đòi hỏi phải đầu tư nhiều nhà xưởng và trí tuệ.
- d. Sản xuất kinh doanh góp phần quan trọng để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận tình huống của nhóm mình:
 - a. Đồng tình, vì phát triển sản xuất kinh doanh sẽ tạo được nhiều việc làm, thu nhập ổn định, giảm bớt đi nguyên nhân dẫn đến những tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc,...
 - b. Không đồng tình, vì phát triển sản xuất kinh doanh ở địa phương tạo cơ hội cho những ngành nghề truyền thống được phát huy vì có sẵn kinh nghiệm, thị trường,...
 - c. Ý kiến này có ý đúng, vì kinh doanh trực tuyến không cần nhiều nhà xưởng nhưng có ý chưa đúng, vì vẫn rất cần phải có trí tuệ, kinh doanh dưới hình thức nào cũng cần có trí tuệ.
 - d. Đồng tình, vì sản xuất kinh doanh có vai trò tạo ra của cải thoả mãn nhu cầu xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống xã hội.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm thảo luận để nhận biết điểm khác nhau của các mô hình sản xuất kinh doanh

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 5 nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận nêu điểm khác nhau giữa các mô hình sản xuất kinh doanh ở một ý trong bài tập: Em hãy cùng các bạn trong nhóm thảo luận để nhận biết điểm khác nhau của các mô hình sản xuất kinh doanh:
 - a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân.
 - b. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và hợp tác xã.
 - c. Doanh nghiệp tư nhân với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
 - d. Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh.
 - e. Công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận ý của nhóm mình:

a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân

- *Chủ thể thành lập:* Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có thể là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài còn hộ kinh doanh do cá nhân là công dân Việt Nam, một nhóm người, một hộ gia đình.

- *Quy mô:* Doanh nghiệp tư nhân không giới hạn quy mô, vốn, không giới hạn số lượng lao động còn hộ kinh doanh thì số lượng lao động không quá 10 người.

- *Địa điểm kinh doanh:* Doanh nghiệp tư nhân được mở nhiều địa điểm, chi nhánh còn hộ kinh doanh không được mở nhiều địa điểm kinh doanh.

- *Cơ quan có thẩm quyền đăng kí kinh doanh:* Doanh nghiệp tư nhân đăng kí kinh doanh cấp tỉnh (sở kế hoạch và đầu tư) còn hộ kinh doanh đăng kí kinh doanh cấp huyện (phòng kế hoạch và đầu tư).

- *Con dấu:* Doanh nghiệp tư nhân có con dấu riêng còn hộ kinh doanh không có con dấu.

b. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh và hợp tác xã

- *Đối tượng được đăng kí tham gia:* Hộ kinh doanh gồm cá nhân, hộ gia đình là công dân Việt Nam còn hợp tác xã có thêm tổ chức, người nước ngoài.

- *Quyền hạn đăng kí tham gia:* Hộ chỉ được đăng kí một hộ kinh doanh cá thể duy nhất trên lãnh thổ Việt Nam trong khi hợp tác xã có thể đăng kí trở thành thành viên của nhiều liên hiệp hợp tác xã.

- *Quyền hạn quyết định của thành viên:* do chủ hộ kinh doanh hoặc theo thoả thuận giữa các thành viên trong hộ gia đình còn hợp tác xã thì các thành viên có quyền bình đẳng trong mọi quyết định hoạt động của hợp tác xã.

- *Người đại diện theo pháp luật của hộ là Chủ hộ kinh doanh còn hợp tác xã là Chủ tịch hội đồng quản trị.*

- *Cơ cấu quản lí tổ chức:* Hộ thì do chủ hộ tự tổ chức còn hợp tác xã do đại hội thành viên, có hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát,...

- *Tư cách pháp nhân:* hộ không có tư cách pháp nhân nhưng hợp tác xã thì có.

- *Quyền và trách nhiệm tài sản:* Hộ phải chịu trách nhiệm vô hạn về tài sản còn hợp tác xã chịu trách nhiệm hữu hạn theo số tài sản đóng góp của các thành viên.

- *Con dấu:* Hộ không có con dấu, còn hợp tác xã có con dấu.

c. Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- *Quyền và trách nhiệm tài sản:* Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (trách nhiệm

hữu hạn) còn chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp (trách nhiệm vô hạn).

- Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu góp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chủ sở hữu công ty phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty còn vốn của doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự bỏ ra kinh doanh không cần phải chuyển quyền sở hữu vào tài sản của công ty.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân còn doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân.

d. Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh

- Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ sở hữu và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động của doanh nghiệp, còn công ty hợp danh do ít nhất hai cá nhân là đồng chủ sở hữu công ty và được gọi là thành viên hợp danh, cùng nhau chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về nghĩa vụ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty có thể có thành viên góp vốn. Thành viên góp vốn có thể là cá nhân, tổ chức và chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp.

- Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân trong khi công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp tư nhân không có sự tách bạch giữa tài sản của doanh nghiệp và tài sản của chủ sở hữu, chủ sở hữu có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong khi các thành viên hợp danh phải thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản vốn góp cho công ty.

e. Mô hình công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có số lượng thành viên từ 02 đến 50 người trong khi công ty cổ phần phải có tối thiểu 03 thành viên là chủ sở hữu và không giới hạn số lượng thành viên tối đa.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm: hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc và ban kiểm soát trong khi công ty cổ phần có cơ cấu tổ chức: đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát và giám đốc hoặc tổng giám đốc.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chỉ được phát hành trái phiếu trong khi công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu và trái phiếu.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 3: Em có lời khuyên gì cho các nhân vật trong những tình huống sau

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi và nêu yêu cầu cho HS: *Em có lời khuyên gì cho các nhân vật trong những tình huống sau?*

a. Những ngày nông nhàn, anh C cùng nhiều thanh niên trong xã lên thành phố làm thuê. Lao động vất vả, phải sống xa nhà, tốn thêm chi phí thuê nhà trọ, ăn uống, xe cộ,...nhưng thu nhập cũng không được bao nhiêu. Mới đây, có người bà con khuyên anh chọn một mô hình kinh doanh phù hợp để phát triển sự nghiệp ở quê, không lên thành phố làm thuê nữa.

Theo em, anh C có nên làm theo lời khuyên đó không? Vì sao?

b. N không chỉ học giỏi mà còn rất khéo tay, làm được nhiều loại bánh ngon. Nhà ở ngay gần chợ phố huyện, nhận thấy khả năng có thể kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình, N có ý định sau khi tốt nghiệp phổ thông sẽ học thêm kỹ thuật làm bánh để mở cửa hàng chuyên kinh doanh bánh tại nhà. Tuy nhiên, nhiều bạn trong lớp khuyên N nên học đại học để có cơ hội kiếm được công việc tốt hơn.

Em có lời khuyên gì cho bạn N?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các cặp đôi HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ Tình huống a là tình huống mở, có thể có ý kiến trái chiều, song gợi ý mong muốn là nên làm theo lời khuyên đó để thực hiện nguyên lý “li nông bất li hương” có thể không theo đuổi nghề nông nhưng không bỏ quê hương, vẫn có thể tìm được một mô hình kinh doanh phù hợp với bản thân và gia đình.

+ Tình huống b là tình huống mở, HS có nhiều ý kiến khác nhau, có thể là bạn theo học đại học ngành có liên quan để phát huy sở trường làm bánh, hoặc theo đuổi giấc mơ kinh doanh mở tiệm làm bánh không nhất thiết phải đi học đại học,...

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nhận biết vai trò của sản xuất kinh doanh và lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện câu hỏi bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.47 và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình.
- Bài viết chuẩn bị tham gia cuộc thi thuyết trình về sự đóng góp sản xuất kinh doanh đối với đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương.

d. Tổ chức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS:
 - + *Em hãy viết bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình và giới thiệu với các bạn.*
 - + *Em hãy viết bài và chuẩn bị tham gia cuộc thi thuyết trình về sự đóng góp của sản xuất kinh doanh đối với đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương.*
- GV hướng dẫn HS:
 - + *HS viết bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình, trong đó nêu rõ lí do vì sao em chọn mô hình đó và giới thiệu với các bạn trong lớp. Quy định dung lượng bài viết (trong hai trang), thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh họa.*
 - + *GV tổ chức cuộc thi thuyết trình về sự đóng góp của sản xuất kinh doanh đối với đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương. GV hướng dẫn HS viết bài và đăng kí tham gia cuộc thi.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân và sưu tầm tư liệu để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Trả lời câu hỏi 3 phần Luyện tập SGK tr.47.
- Làm bài tập Bài 7 – Sách bài tập Giáo dục kinh tế & pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống.*

Phiếu học tập

Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh.

Thời gian thảo luận: 5 phút

Nhóm:.....

Câu hỏi: Nêu ưu điểm, nhược điểm của hợp tác xã.

Ưu điểm	Nhược điểm

Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**CHỦ ĐỀ 5: TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG
CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG
BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.
- Nhận biết được vai trò tích cực của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình và xã hội.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tín dụng.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hoạt động tín dụng.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động tín dụng.
 - *Năng lực phát triển bản thân:* Nhận thức được vai trò và đặc điểm của tín dụng để chủ động tham gia hoạt động tín dụng thích hợp trong tương lai để phát triển bản thân.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động tín dụng phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.

- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về tín dụng.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Thuế*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân của HS về chủ đề tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề *“Hãy chia sẻ hiểu biết về lợi ích của việc gửi và vay tiền ở ngân hàng”*; HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm học tập: Trải nghiệm của HS về lợi ích của việc gửi và vay tiền ở ngân hàng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra chủ đề: *“Hãy chia sẻ hiểu biết về lợi ích của việc gửi và vay tiền ở ngân hàng”*.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:
 - + *Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng mang lại cho người gửi một khoản tiền lãi, đồng thời cung cấp vốn cho người đang cần tiền trong xã hội để sản xuất, kinh doanh, đầu tư hoặc tiêu dùng...*
 - + *Gửi và vay ở ngân hàng sẽ yên tâm vì ngân hàng là một tổ chức tín dụng có uy tín.*
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mối quan hệ vay mượn ấy chính là tín dụng. Bài học này giúp em hiểu rõ hơn đặc điểm và vai trò của tín dụng trong đời sống, nhận biết được vai trò của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình, xã hội để tham gia và sử dụng các dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả và trách*

nhiệm. Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của tín dụng

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm, đặc điểm của tín dụng.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp SGK tr.48 và trả lời câu hỏi; HS rút ra kết luận khái niệm tín dụng, đặc điểm của tín dụng.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm và đặc điểm của tín dụng.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Tín dụng xuất hiện cùng với sự xuất hiện của tiền tệ và quan hệ trao đổi hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu điều hòa vốn trong xã hội.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc trường hợp SGK tr.48 đưa ra và trả lời câu hỏi: + <i>Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là gì? Căn cứ vào những điều gì để ngân hàng quyết định cho anh A vay tiền?</i> + <i>Trong hợp đồng vay tiền, anh A cam kết phải hoàn trả lại ngân hàng với nội dung như thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?</i>	1. Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của tín dụng - Nội dung quan hệ vay mượn giữa anh A và ngân hàng là: ngân hàng cho anh A vay 100 triệu để thực hiện dự án trồng rau sạch trong 2 năm với lãi suất ưu đãi. + Ngân hàng chỉ cho vay sau khi xem xét và tin tưởng anh A vì chỉ có tin anh A là người có uy tín, có khả năng trả nợ đúng hạn ngân hàng mới giao tiền cho anh A vay, nếu không rủi ro mất tiền là rất lớn. ☐ Sự tin tưởng dựa trên lịch sử tín dụng tốt của anh A trước đây nếu có vay đều trả nợ đúng hạn, mục đích vay và hiệu quả sử dụng vốn cho dự án trồng rau sạch là tốt, anh A có thể trả nợ được khi đến hạn. Ngân hàng cho anh A vay tiền trong 2 năm. - Trong hợp đồng, anh A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng thêm phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thỏa thuận. Việc hoàn trả này là bắt buộc vì nếu không ngân hàng sẽ không thu hồi được tiền vay và bị thua lỗ.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: + <i>Tín dụng là gì ?</i> + <i>Nêu đặc điểm cơ bản của tín dụng.</i> - GV lưu ý: <i>Đặc trưng cơ bản của tín dụng là hoạt động trên cơ sở hoàn trả và có lợi tức. Vì vậy, hoạt động của tín dụng đã góp phần kích thích sử dụng vốn vay có hiệu quả.</i> - GV mở rộng kiến thức: <i>Trong quan hệ tín dụng, người nhận chuyển giao vốn sau một thời gian sử dụng vốn theo thỏa thuận phải hoàn trả lại cho người đã chuyển giao cho mình. Về bản chất pháp lí, quan hệ tín dụng là một dạng quan hệ vay tài sản nhưng khác với các quan hệ vay tài sản thông thường ở chỗ, đối tượng hoàn trả không phải là vật cùng loại mà là tiền.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp SGK tr.48 và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận khái niệm tín dụng, đặc điểm của tín dụng. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1. - GV mời đại diện HS trình bày khái niệm và đặc điểm tín dụng. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi. - Đặc điểm cơ bản của tín dụng: + Dựa trên sự tin tưởng. + Có tính tạm thời. + Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi.
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của tín dụng

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò của tín dụng.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận nhóm nhóm (4-6 HS), đọc thông tin 1, 2, 3 SGK tr.49 để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận vai trò quan trọng trọng của tín dụng đời sống xã hội.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở vai trò của tín dụng.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp học thành các nhóm từ 4 - 6 HS. <i>Phân công mỗi nhóm thảo luận một trong số ba thông tin ở SGK tr.49 và trả lời câu hỏi:</i> + <i>Thông tin 1 cho thấy tín dụng có vai trò tập trung, cung cấp nguồn vốn và đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho nền kinh tế như thế nào?</i> + <i>Thông tin 2 cho thấy tín dụng giúp Nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế - xã hội như thế nào?</i> + <i>Thông tin 3 cho thấy tín dụng thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng phát triển, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân như thế nào?</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: <i>Hãy nêu vai trò của tác dụng.</i> - GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về tín dụng:	2. Tìm hiểu vai trò của tín dụng - Trả lời câu hỏi: + Thông tin 1: cho thấy tín dụng góp phần tăng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư qua việc luân chuyển khoản tiền nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn. + Thông tin 2 cho thấy tín dụng đã giúp nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế - xã hội bằng cách ra các chính sách trợ vốn ngân hàng, giúp nhiều học sinh và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được đi học để có thêm cơ hội tìm việc làm và phát triển bản thân, có thu nhập để thực hiện nghĩa vụ hoàn vốn vay cho ngân hàng. + Thông tin 3 cho thấy nhờ chương trình cho vay vốn của Chính phủ mà các đội bắt cá đã có thêm những chiếc tàu công suất lớn, tạo nguồn lực cho ngư dân làm kinh tế, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo nước ta. - <i>Vai trò của tín dụng:</i> + <i>Tập trung các nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội rồi cung cấp vốn cho những người muốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đòi hỏi người vay phải sử dụng hiệu quả vốn vay.</i> ☐ <i>Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư vốn trong xã hội.</i>



- GV kết luận: Tín dụng đã và đang ngày một có những đóng góp đáng kể trong sự phát triển kinh tế xã hội.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm nhóm (4-6 HS), đọc thông tin 1, 2, 3 SGK tr.49 để trả lời câu hỏi.
- HS rút ra được kết luận vai trò quan trọng trọng của tín dụng đời sống xã hội.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 2.
- GV mời đại diện HS trình bày vai trò tín dụng.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

+ Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

+ Thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, thực hiện câu hỏi bài tập 1, 2, phần Luyện tập SGK tr.50, 51; HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến SGK đưa ra, nêu lí do.
- HS nhận định các nhân vật trong tình huống nhận thức về vai trò và đặc điểm của tín dụng là đúng hay sai.
- HS nêu tác động của các hoạt động tín dụng đến đời sống xã hội.
- HS xử lí các tình huống SGK đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao ?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, phát Phiếu học tập số 1 cho HS và hướng dẫn HS làm bài theo mẫu:
Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định.			
b. Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc, còn lãi thì trả thế nào cũng được.			
c. Trong quan hệ tín dụng, bên cho vay có thể dựa vào khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay tiền để tin tưởng, đưa ra quyết định cho vay.			
d. Không nên mang tiền cho vay vì dễ gặp rủi ro.			

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV thu Phiếu học tập của HS và mời đại HS trình bày trước lớp:

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định.		x	Đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định chứ không giao quyền sở hữu.
b. Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc, còn lãi thì trả thế nào cũng được.		x	Đặc điểm của tín dụng là người vay phải trả đủ cả tiền vay (tiền gốc) lẫn lãi như đã thoả thuận lúc cho vay.
c. Trong quan hệ tín dụng, bên cho vay có thể dựa vào khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay tiền để tin tưởng, đưa ra quyết định cho vay.		x	Khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay là một cơ sở để người cho vay tin tưởng người vay nhưng như thế chưa đủ để ra quyết định cho vay mà thường phải dựa vào tài sản thế chấp hoặc những cơ sở tin tưởng khác.
d. Không nên mang tiền cho vay vì dễ gặp rủi ro.		x	- Tuy khi cho vay có thể gặp rủi ro vì người vay có thể không trả nợ được đúng hạn nhưng cũng không nên giữ tiền mà không cho vay vì như vậy sẽ làm cho lượng tiền nhàn rỗi không vận động, trong khi rất nhiều người khác có nhu cầu cần tiền để sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Tuy nhiên, chỉ cho vay khi có cơ sở cho thấy người vay có khả năng chỉ trả đúng hạn.

- GV mời đại diện HS nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Em hãy cho biết các nhân vật trong các tình huống sau đây nhận thức về vai trò và đặc điểm của tín dụng đúng hay sai. Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS thành 3 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận một trường hợp trong SGK tr.50 và thực hiện nhiệm vụ: Em hãy cho biết các nhân vật trong các tình huống sau đây nhận thức về vai trò và đặc điểm của tín dụng đúng hay sai. Vì sao?

a. Được tư vấn vay vốn ngân hàng để phát triển chăn nuôi nhưng bác M đắn đo vì ngại phải lo nhiều thủ tục và nếu việc chăn nuôi không thuận lợi sẽ không có đủ tiền để trả nợ.

b. T đã tư vấn cho bạn đến vay tiền ở một quỹ tín dụng đen mình quen biết vì cho rằng đó là nơi vay tiền nhanh chóng, thủ tục vay đơn giản nhất, không phức tạp như vay ở ngân hàng.

c. Bà Q vay ngân hàng 50 triệu đồng để đầu tư sản xuất. Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn nên khi đến hạn phải trả nợ, bà đã đến ngân hàng, đề nghị gia hạn thêm 6 tháng nữa.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế để thực nhiệm vụ học tập.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm trước lớp:

a. Bác M thể hiện sự nhận biết về vai trò của tín dụng chưa thật đúng. Tín dụng tạo điều kiện cho người dân vay vốn để sản xuất kinh doanh. Các thủ tục vay vốn được hướng dẫn cụ thể để người vay thực hiện. Vì vậy, cần mạnh dạn sử dụng dịch vụ tín dụng của ngân hàng nhưng cũng cần chú ý sử dụng vốn hiệu quả để có thể trả nợ được ngân hàng và tăng thêm thu nhập cho bản thân.

b. Không ít sinh viên đã lựa chọn để vay tiền từ quỹ tín dụng đen nhưng việc vay từ các quỹ tín dụng đen này rất nguy hiểm, tuy thủ tục đơn giản, dễ vay nhưng lãi suất rất cao, kèm theo điều kiện gấn với tài sản, nếu không trả đúng hạn sẽ bị nhiều bất lợi.

c. Hành vi này không đúng vì người vay không được phép đề nghị gia hạn trả nợ mà phải thực hiện đúng như cam kết theo hợp đồng vay.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện câu hỏi bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.51 và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Bài về sự hỗ trợ của tín dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng trong đời sống xã hội và chia sẻ với các bạn.
- Đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định: "Tín dụng là quan hệ vay mượn dựa trên chữ tín".

d. Tổ chức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS:
 - + Em hãy tìm hiểu và viết bài về sự hỗ trợ của tín dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng trong đời sống xã hội và chia sẻ với các bạn.
 - + Em hãy viết một đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định: "Tín dụng là quan hệ vay mượn dựa trên chữ tín".
- GV hướng dẫn HS:
 - + HS chọn một ví dụ về việc hỗ trợ của tín dụng đối với sản xuất kinh doanh hoặc tiêu dùng để viết bài. Ví dụ: nhờ được vay vốn mà hộ gia đình có thể phát triển chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh dịch vụ nào đó hay nhờ vay vốn tín dụng mà mua được nhà, mua được xe...
 - + HS khai thác đặc điểm tín dụng dựa trên sự tin tưởng để phân tích câu nhận định trong SGK.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sưu tầm tư liệu, liên hệ bản thân để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Trả lời câu hỏi 3, 4 phần Luyện tập SGK tr.51.
- Làm bài tập Bài 8 – Sách bài tập Giáo dục kinh tế & pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 9: Dịch vụ tín dụng*.

BÀI 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng.
- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.
- Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các dịch vụ tín dụng.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sử dụng dịch vụ tín dụng.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dịch vụ tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành. đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các dịch vụ tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các dịch vụ tín dụng.
 - *Năng lực phát triển bản thân:* Lựa chọn được dịch vụ tín dụng phù hợp đối với bản thân và gia đình.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về dịch vụ tín dụng.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Dịch vụ tín dụng*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các dịch vụ tín dụng, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về việc phải có trách nhiệm khi vay tiền; HS vận dụng hiểu biết thực tế để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Trải nghiệm của HS về tín dụng, trách nhiệm khi vay tiền.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu vấn đề và yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi: Chia sẻ suy nghĩ về việc phải có trách nhiệm khi vay tiền.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân để chia sẻ trải nghiệm.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1-2 HS trình bày ý kiến trước lớp: *Nếu được người nào đó cho vay, em cần cảm ơn họ và chỉ tiêu số tiền vay đúng mục đích đồng thời phải tìm cách trả lại số tiền đó đúng như đã hẹn.*
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong cuộc sống không tránh khỏi có lúc cần một số tiền để chi cho một việc cần thiết mà bản thân không có hoặc không đủ tiền, do đó phải vay mượn người khác. Nếu được người nào đó cho vay, em cần cảm ơn họ và chỉ tiêu số tiền vay đúng mục đích đồng thời phải tìm cách trả lại số tiền đó đúng như đã hẹn. Trên thị trường có nhiều dịch vụ tín dụng khác nhau hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức,... giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền vốn. Bài học này giúp em trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sử dụng những dịch vụ tín dụng chính thức, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình mỗi khi tham gia các dịch vụ tín dụng. Chúng ta cùng vào **Bài 9: Dịch vụ tín dụng**.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tín dụng ngân hàng

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng ngân hàng.

b. Nội dung:

- *Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của tín dụng ngân hàng:* GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp của ngân hàng D SGK tr.52 và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận khái niệm và đặc điểm của tín dụng ngân hàng.

- *Tìm hiểu một số hình thức tín dụng ngân hàng:* GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp SGK tr.53. 54 đưa ra và trả lời câu hỏi; rút ra một số hình thức tín dụng của ngân hàng (cho vay tín chấp, cho vay thế chấp, cho vay trả góp).

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở:

- Khái niệm và đặc điểm của tín dụng ngân hàng.
- Một số hình thức tín dụng ngân hàng.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Có nhiều loại dịch vụ tín dụng khác nhau được cung cấp bởi các tổ chức tín dụng (được quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng) như: tín dụng ngân hàng, công ty tài chính, tín dụng nhà nước,đáp ứng nhu cầu lưu thông về vốn trong xã hội.</i> - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS đọc trường hợp của ngân hàng D SGK tr.52 và trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện như thế nào.</i> + <i>Trong trường hợp trên, dịch vụ tín dụng của ngân hàng D đang gặp khó khăn gì? Nếu nhiều người vay vốn nhưng không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng D?</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: + <i>Tín dụng ngân hàng là gì?</i> + <i>Nêu đặc điểm của tín dụng ngân hàng.</i>	1. Tìm hiểu tín dụng ngân hàng a) Đặc điểm của tín dụng ngân hàng - Hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện: là người đi vay khi nhận những khoản tiền nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, đồng thời là người cho vay khi cung cấp vốn cho người vay để sản xuất kinh doanh, đầu tư, tiêu dùng,... - Tín dụng ngân hàng D đang bị nhiều doanh nghiệp là đối tác sử dụng vốn vay không thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và lãi cho ngân hàng khi đến hạn nên ngân hàng D đã gia hạn trả nợ thêm 6 tháng. Nếu nhiều người vay không trả nợ, ngân hàng sẽ bị thua lỗ và phá sản. ☐ Như vậy: - <i>Theo nghĩa thông thường, tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách</i>

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về tín dụng ngân hàng:



- GV mở rộng kiến thức:

+ Tín dụng ngân hàng là mối quan hệ tín dụng giữa ngân hàng (NH), các tổ chức tín dụng (TCTD) với các doanh nghiệp hay các cá nhân (bên đi vay). Trong đó, NH hay TCTD sẽ chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một thời gian nhất định, khi đến hạn, bên đi vay phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi cho TCTD.

+ Ưu điểm nổi bật của tín dụng ngân hàng:

- Hình thức phổ biến của tín dụng ngân hàng là cho vay tiền tệ, rất linh hoạt và đáp ứng đúng nhu cầu của mọi đối tượng trong nền kinh tế.
- Thỏa mãn gần như tối đa về vốn trong nền kinh tế.
- Thời hạn vay phong phú, có thể là ngắn hạn, trung hạn hay dài hạn đều được.

- GV dẫn dắt: Căn cứ vào sự đảm bảo hoàn toàn trả nợ, người ta phân tín dụng ngân hàng thành các loại: cho vay tín chấp, cho vay thế chấp, cho vay trả góp.

hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

- Đặc điểm của tín dụng ngân hàng:

+ Dựa trên cơ sở lòng tin.

+ Có tính thời hạn.

+ Phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

b) Một số hình thức tín dụng ngân hàng
Nhóm 1

- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập sau: * Nhóm 1: Tìm hiểu hình thức tín dụng ngân hàng – Cho vay tín chấp. + Đọc trường hợp của anh S SGK tr.53 và trả lời câu hỏi: • Vì sao ngân hàng chấp nhận cho anh S vay tiền không cần tài sản bảo đảm? • Anh S có trách nhiệm gì khi vay tín chấp ở ngân hàng? + Rút ra kết luận: • Cho vay tín chấp là gì? • Nêu đặc điểm của cho vay tín chấp. • Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm gì? * Nhóm 2: Tìm hiểu hình thức tín dụng ngân hàng – Cho vay thế chấp + Đọc trường hợp của chị N và trả lời câu hỏi: • Ngân hàng yêu cầu chị N phải đáp ứng những điều kiện gì để được vay thế chấp? • Theo em, chị N có trách nhiệm gì khi thực hiện vay thế chấp của ngân hàng? + Rút ra kết luận: • Cho vay thế chấp là gì? • Nêu đặc điểm của cho vay thế chấp. • Người vay có trách nhiệm gì khi vay thế chấp?	- Ngân hàng cho anh S vay tiền không cần tài sản thế chấp vì anh là công chức nhà nước có thu nhập ổn định, có lịch sử tín dụng tốt, nhu cầu vốn vay nhỏ. - Khi vay tín chấp, anh S có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. □ Như vậy: - Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm. - Đặc điểm của cho vay tín chấp: + Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay. + Thủ tục vay đơn giản. + Số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao. - Trách nhiệm của người vay tín chấp: + Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng. + Phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Nhóm 2 - Ngân hàng yêu cầu chị N phải có tài sản thế chấp như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô,... có giá trị tương đương với lượng tiền cần vay để trong trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng chị sẽ phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đó để ngân hàng thanh lý thu hồi vốn. - Khi vay thế chấp, chị N có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá
--	--

* Nhóm 3: Tìm hiểu hình thức tín dụng ngân hàng - Cho vay trả góp + Đọc trường hợp của anh H và trả lời câu hỏi: • Ngân hàng đã tiến hành cho anh H vay trả góp như thế nào? • Theo em, anh H có trách nhiệm gì khi vay trả góp của ngân hàng?	nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, thu hồi vốn. □ Như vậy: - Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay. - Đặc điểm của cho vay thế chấp: + Người vay phải có tài sản đảm bảo. + Thủ tục vay phức tạp. + Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài. - Trách nhiệm của người vay thế chấp: + Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng. + Phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. + Trường hợp không thể trả nợ, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp. Nhóm 3 - Ngân hàng yêu cầu anh H sẽ trả dần theo các kì, thường sẽ là gốc cộng với lãi hằng tháng. Số tiền trả gốc mỗi tháng được thoả thuận sẽ chia đều theo số tháng vay, mức lãi 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. - Khi vay trả góp, anh H có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân
--	--

● <i>Hãy so sánh sự chênh lệch giữa thanh toán một lần và mua trả góp.</i> + Rút ra kết luận: ● <i>Cho vay trả góp của ngân hàng là gì?</i> ● <i>Nêu đặc điểm của cho vay trả góp.</i> ● <i>Người vay có trách nhiệm gì khi cho vay trả góp?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp của ngân hàng D SGK tr.52 và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận khái niệm và đặc điểm của tín dụng ngân hàng. - HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp SGK tr.53. 54 đưa ra và trả lời câu hỏi; rút ra một số hình thức tín dụng của ngân hàng (cho vay tín chấp, cho vay thế chấp, cho vay trả góp). - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày khái niệm và đặc điểm của tín dụng ngân hàng; một số hình thức tín dụng ngân hàng. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận. - So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch. □ Như vậy: + <i>Cho vay trả góp là: ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.</i> + <i>Đặc điểm của cho vay trả góp là:</i> ● <i>Hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc.</i> ● <i>Tùy trường hợp cụ thể ngân hàng sẽ cho vay trả góp dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.</i> + <i>Trách nhiệm của người vay trả góp:</i> ● <i>Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng.</i> ● <i>Phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.</i>
---	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu tín dụng thương mại

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng thương mại; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng thương mại.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ A và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận tín dụng thương mại là gì.

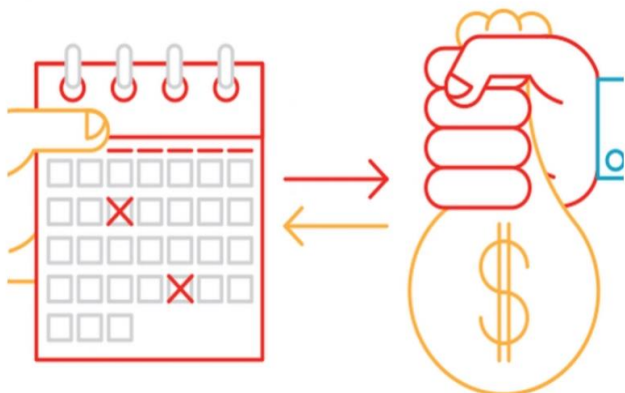
c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm tín dụng thương mại.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Tín dụng thương mại là thuật ngữ không hề xa lạ trong giới doanh nghiệp. Về bản chất, tín dụng phải được hiểu như thế nào? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua trường hợp dưới đây.</i> - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS đọc trường hợp của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ A SGK tr.55 và trả lời câu hỏi: + <i>Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại này là ai? Đối tượng giao dịch là gì? Cách sử dụng dịch vụ như thế nào?</i> + <i>Tiện ích tín dụng thương mại mang lại cho người sử dụng là gì?</i> - GV trình chiếu một số hình ảnh về tín dụng thương mại:	2. Tìm hiểu tín dụng thương mại - Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại là các doanh nghiệp có quan hệ hiểu biết lẫn nhau, đối tượng giao dịch là hàng hoá, dịch vụ. - Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thỏa thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ. ☐ Như vậy: <i>Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thỏa thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.</i>



- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: *Tín dụng thương mại*



là gì?

- GV mở rộng kiến thức:

+ Một số khái niệm khác về *tín dụng thương mại*:

- Là một hình thức nợ ngắn hạn. Phát sinh từ doanh thu tín dụng và được coi là một khoản phải thu của người bán và khoản phải trả của người mua. Thực chất nó là một nguồn tài trợ ngắn hạn không cho vay mượn. Là nguồn ngân quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Là do một nhà sản xuất cấp cho một hãng buôn, hãng phân phối hay bán lẻ. Hoặc do hãng bán

buôn cấp cho người bán lẻ hoặc do nhà sản xuất hay hãng phân phối cấp cho một hãng tiêu dùng công nghiệp.

+ *Ưu, nhược điểm của tín dụng thương mại:*

TÍN DỤNG THƯƠNG MẠI	
Ưu điểm	Nhược điểm
- Góp phần đẩy nhanh lưu thông hàng hóa và sản xuất. - Tham gia vào quá trình điều tiết vốn giữa các doanh nghiệp một cách trực tiếp. - Góp phần làm giảm khối lượng tiền mặt trong lưu thông, làm giảm chi phí lưu thông xã hội.	- Về quy mô: lượng giá trị cho vay bị hạn chế, chỉ giới hạn trong khả năng vốn hàng hoá mà họ có. - Về thời gian: ngắn thường là dưới 1 năm. - Về điều kiện kinh doanh, chu kỳ sản xuất: Thời gian doanh nghiệp muốn bán chịu không phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp cần mua chịu thì tín dụng thương mại cũng không xảy ra. - Về phạm vi: bị hạn chế chỉ xảy ra giữa các doanh nghiệp với nhau, và phải quen biết và tin tưởng nhau. - Về sự phù hợp: Được cấp dưới hình thức hàng hoá.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ A và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận tín dụng thương mại là gì.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi phần Hoạt động 2. - GV mời đại diện HS trình bày khái niệm tín dụng thương mại. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu tín dụng tiêu dùng

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng; nhận biết được sự chênh lệch chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

b. Nội dung:

- *Tìm hiểu đặc điểm của tín dụng tiêu dùng:* GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, đọc trường hợp của anh K SGK tr.55 và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận khái niệm và đặc điểm của tín dụng tiêu dùng.

- *Tìm hiểu một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng:* GV trình bày vấn đề, chia HS thành 2 nhóm và thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ *Nhóm 1: Tìm hiểu về dịch vụ tín dụng tiêu dùng – Cho vay trả góp của công ty tài chính.*

+ *Nhóm 2: Tìm hiểu về dịch vụ tín dụng tiêu dùng – Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.*

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm, đặc điểm và một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Tín dụng tiêu dùng ra đời cùng với sự phát triển của hệ thống ngân hàng. Đây là một hình thức khá phổ biến hiện nay đặc biệt là ở một số nước phát triển trên thế giới. Tuy nhiên hình thức này còn khá mới mẻ ở Việt Nam.</i> - GV chia HS thành các nhóm, đọc trường hợp của anh K SGK tr.55 và trả lời câu hỏi: <i>Hoạt động dịch vụ tín dụng tiêu dùng thể hiện thể nào?</i>	3. Tìm hiểu tín dụng tiêu dùng a) Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng - Hoạt động dịch vụ tín dụng được thể hiện qua việc : + Anh K có thể sử dụng dịch vụ tín dụng cho vay tiêu dùng của các tổ chức tín dụng như ngân hàng thương mại hay công ty tài chính. + Anh có thể chứng minh khoản thu nhập hàng tháng hoặc kí kết với tổ chức tín dụng một hợp đồng vay tài sản.

- GV cho HS quan sát một số hình ảnh về tín dụng tiêu dùng:



- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận :



+ Tín dụng tiêu dùng là gì?

+ Nêu đặc điểm của tín dụng tiêu dùng.

- GV dẫn dắt: Nhiều năm trước, khi có nhu cầu vay vốn, người dân thường tìm đến các ngân hàng để vay thế chấp, nghĩa là để vay tiền, khách hàng phải có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên, đối với các khoản nhỏ, khoảng 10 triệu đồng trở xuống, khách hàng ít đến ngân hàng vì tâm lý “ngại”

+ Anh K sẽ được vay một khoản tiền để mua xe và đăng kí quyền sở hữu, sau đó thế chấp chính chiếc xe đó để đảm bảo khoản vay, tổ chức tín dụng giữ giấy tờ xe và giao cho anh văn bản xác nhận việc giữ giấy tờ xe, đồng thời giao xe cho anh sử dụng.

□ Như vậy:

- Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá/dịch vụ).

- Đặc điểm:

+ Mục đích vay để tiêu dùng, nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, người vay là cá nhân, hộ gia đình.

+ Người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,...

+ Lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

b) Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

<i>thủ tục và thời gian xử lý lâu. Sự xuất hiện của các công ty tài chính như một giải pháp cứu cánh đối với người có thu nhập trung bình hoặc thấp, không ổn định, có nhu cầu vay với giá trị nhỏ, thời gian ngắn.</i> - GV chia HS thành 4 nhóm (2 nhóm thảo luận một dịch vụ tín dụng tiêu dùng) và thực hiện nhiệm vụ sau: * Nhóm 1 + Nhóm 2: Tìm hiểu dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính. + Đọc trường hợp của chị Y SGK tr.56 và trả lời câu hỏi: ● <i>Chị Y đã sử dụng dịch vụ tín dụng cho vay trả góp của công ty tài chính để mua xe máy như thế nào?</i> ● <i>Theo em, chị Y có trách nhiệm gì trong việc vay trả góp của công ty tài chính để mua xe?</i> ● <i>Hãy so sánh sự chênh lệch giữa việc mua xe máy thanh toán hết một lần với việc mua xe trả góp qua sử dụng dịch vụ tín dụng của công ty tài chính.</i> + Rút ra kết luận: ● <i>Cho vay trả góp là gì?</i> ● <i>Nêu đặc điểm của dịch</i> ● <i>Người vay có trách nhiệm gì khi cho vay trả góp?</i>	Nhóm 1 + 2: - Chị Y đã thương lượng với nhân viên tư vấn trả trước 40% số tiền mua xe, phần còn lại thông qua công ty tài chính liên kết với cửa hàng để trả góp. Dịch vụ cho vay trả góp là việc tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. - Khi vay trả góp, chị Y có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thỏa thuận. - So với hình thức thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng chưa kể chi phí phát sinh nếu không thực hiện đúng thời hạn thanh toán hay trả hết tiền vay trước thời hạn. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch. □ Như vậy: - Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. - Đặc điểm của cho vay trả góp là: + Hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc.
---	--

Nhóm 3 + Nhóm 4: Tìm hiểu dịch vụ cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng + Đọc trường hợp của chị C SGK tr.57 và trả lời câu hỏi: • Thẻ tín dụng ngân hàng là gì? • Ngân hàng đã tiến hành cho vay thông qua việc cấp thẻ tín dụng cho chị C như thế nào? • Nhờ thanh toán qua thẻ tín dụng, chị C được hưởng lợi ích gì so với việc sử dụng tiền mặt? • Chị C có trách nhiệm gì khi sử dụng thẻ ngân hàng? + Rút ra kết luận theo phần Ghi nhớ trong hoạt động.	+ Quy định về thời gian trả hằng tháng và mức phạt cao nếu không trả đúng hạn nên người vay cần cân nhắc. + Tùy trường hợp cụ thể, công ty tài chính sẽ cho vay dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp. - Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận. Nhóm 3 + 4 - Thẻ tín dụng ngân hàng (credit card) là thẻ chỉ tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành - Ngân hàng đã cung cấp thẻ tín dụng chỉ tiêu trước, trả sau cho chị C căn cứ vào mức lương hằng tháng của chị. - Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân và xã hội: + Với cá nhân chị C: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hoá đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn. + Với xã hội: việc nhiều cá nhân thực hiện thanh toán qua thẻ sẽ tiết kiệm được lượng tiền mặt cần phát hành trong lưu thông, tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử, thanh toán hoá đơn điện tử,... - Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chị C có trách nhiệm :
---	--

- GV cho HS quan sát thêm một số hình ảnh về dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính và dịch vụ cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng:



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS thảo luận theo nhóm, đọc trường hợp của anh K SGK tr.55 và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận khái niệm và đặc điểm của tín dụng tiêu dùng.

+ HS thành 2 nhóm và thực hiện nhiệm vụ học tập:

- *Nhóm 1: Tìm hiểu về dịch vụ tín dụng tiêu dùng – Cho vay trả góp của công ty tài chính.*
- *Nhóm 2: Tìm hiểu về dịch vụ tín dụng tiêu dùng – Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày khái niệm, đặc điểm và một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng.

+ Thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu tín dụng nhà nước

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết và mô tả được đặc điểm của tín dụng nhà nước; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng nhà nước.

b. Nội dung:

- *Tìm hiểu đặc điểm của tín dụng nhà nước:* GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin mục 4a SGK tr.58 đưa ra và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận khái niệm và đặc điểm của tín dụng nhà nước.

- *Một số hình thức tín dụng nhà nước:* GV trình bày vấn đề; GV chia HS thành 4 nhóm (hai nhóm thảo luận một hình thức tín dụng nhà nước)

+ *Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu hình thức tín dụng nhà nước Trái phiếu chính phủ.*

+ *Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu hình thức tín dụng nhà nước Cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội.*

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm, đặc điểm và một số hình thức tín dụng nhà nước.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: <i>Tín dụng nhà nước xuất hiện nhằm thỏa mãn những nhu cầu chi tiêu của ngân sách nhà nước trong điều kiện nguồn thu không đủ để đáp ứng; nó còn là công cụ để nhà nước hỗ trợ cho các ngành kinh tế yếu kém, ngành mũi nhọn và khu vực kinh tế kém phát triển, và là công cụ quan trọng để nhà nước quản lý, điều hành vĩ mô.</i> - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin SGK tr.58 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước được thể hiện trong thông tin trên.</i> - GV lưu ý HS: <i>Tín dụng nhà nước cũng hoạt động theo nguyên tắc vay trả và có sinh lợi tức như các loại hình tín dụng khác nhưng tín dụng nhà nước có những đặc điểm riêng, phân biệt nó với các hình thức tín dụng khác.</i> - GV mở rộng kiến thức:	4. Tìm hiểu tín dụng nhà nước a) Đặc điểm tín dụng nhà nước - Mục đích: + Huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước. + Mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng. + Hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững. - Đặc điểm: + Cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước.

Ưu điểm	Nhược điểm	
- Duy trì hoạt động thường ngày của nhà nước. - Góp phần xây dựng cơ sở vật chất hiện đại. - Góp phần vào nghĩa vụ quốc tế, vì quan hệ ngày càng phát triển, đôi khi nhà nước không thể từ chối nghĩa vụ cho vay đối với nước ngoài. - Tạo điều kiện phát triển tín dụng ngân hàng.	Rủi ro là vỡ nợ của nhà nước, do tính toán kỹ nhu cầu vay và sử dụng vốn vay không hiệu quả.	+ Lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.
- GV chia HS thành 4 nhóm (hai nhóm thảo luận một hình thức tín dụng nhà nước) * Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu hình thức tín dụng nhà nước Trái phiếu chính phủ. <i>Đọc thông tin SGK tr.58 và cho biết: Trong hoạt động tín dụng phát hành trái phiếu chính phủ, chủ thể vay và chủ thể cho vay là ai? Mục đích vay là gì? Quyền lợi của người mua trái phiếu chính phủ như thế nào?</i>		
* Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu hình thức tín dụng nhà nước Cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội. + <i>Đọc trường hợp của A và trả lời câu hỏi :</i> • Vì sao A có thể vay tiền ở ngân hàng chính sách xã hội?		
b) Một số hình thức tín dụng nhà nước Nhóm 1 + 2 : - Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ. - Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm. - Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn; bán lại trên thị trường chứng khoán. - Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại. Nhóm 3 + 4 - A là đối tượng được vay theo quy định của các chương trình ưu đãi của Nhà nước. - Để được ngân hàng cho vay tiền, A cần: + Có người đại diện trong gia đình đứng ra, chịu trách nhiệm trả nợ. + Có nơi cư trú rõ ràng.		

- Để được ngân hàng cho vay tiền, A cần phải đáp ứng những điều kiện gì?

+ Rút ra kết luận:

- Ngân hàng chính sách xã hội là gì?
- Nêu các phương thức cho vay của ngân hàng chính sách xã hội.

- GV cho HS quan sát hình ảnh một số hình thức tín dụng nhà nước:



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục 4a SGK tr.58 đưa ra và trả lời câu hỏi; rút ra kết luận khái niệm và đặc điểm của tín dụng nhà nước.

- HS chia thành 4 nhóm (hai nhóm thảo luận một hình thức tín dụng nhà nước)

+ Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu hình thức tín dụng nhà nước Trái phiếu chính phủ.

+ Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu hình thức tín dụng nhà nước Cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày khái niệm, đặc điểm và một số dịch vụ tín dụng nhà nước.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ Là thành viên của tổ tiết kiệm và được tổ chức này lập danh sách đề nghị vay vốn ở ngân hàng.

+ Có giấy báo nhập học của trường học...

□ Như vậy:

- Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Phương thức cho vay của ngân hàng chính sách xã hội: cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện khả năng xử lý tình huống; những vấn đề liên quan đến các dịch vụ tín dụng, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b. Nội dung:

- GV cho HS trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm; HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3, phần Luyện tập SGK tr.60; HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

- HS chọn được đáp án đúng cho mỗi câu hỏi trắc nghiệm.
- HS đưa ra được lời khuyên cho các nhân vật trong những trường hợp sử dụng dịch vụ tín dụng.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng ngân hàng?

- A. Có tính rủi ro.
- B. Có tính thời hạn.
- C. Phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.
- D. Cấp vốn cho bất kì ai có nhu cầu.

Câu 2. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng thương mại?

- A. Đối tượng cho vay là hàng hoá.
- B. Chủ thể đi vay là doanh nghiệp.
- C. Thanh toán khoản vay cũng bằng hàng hoá.
- D. Chủ thể cho vay là doanh nghiệp.

Câu 3. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng tiêu dùng?

- A. Người vay là cá nhân, hộ gia đình.
- B. Bao gồm cả tiêu dùng của doanh nghiệp.
- C. Mục đích vay để tiêu dùng.
- D. Số tiền được vay thường không lớn.

Câu 4. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng nhà nước?

- A. Chủ thể cung ứng vốn để cấp tín dụng là Nhà nước.
- B. Cho vay với lãi suất ưu đãi.
- C. Người được cấp vốn tín dụng nhà nước không phải hoàn trả.

D. Theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện HS chọn đáp án đúng:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	C	B	C

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những trường hợp sử dụng dịch vụ tín dụng sau

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận thể hiện ý kiến của mình, sắm vai thể hiện nội dung các tình huống trong SGK tr.60: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những trường hợp sử dụng dịch vụ tín dụng sau:

+ Nhóm 1:

a. Trên đường đến trường, N nhận thấy biển thông báo mức lãi suất tiền gửi ở các ngân hàng không giống nhau. N nghĩ: “Ai gửi tiền chẳng muốn thu được lãi cao. Nếu có tiền gửi tiết kiệm, mình sẽ tìm ngân hàng nào có lãi suất cao nhất để gửi”.

+ Nhóm 2:

b. Khi thỏa thuận với ngân hàng vay trả góp để mua nhà, vợ chồng chị Y muốn kéo dài thời gian trả góp để không có sức ép phải lo khoản tiền lớn để trả nợ hàng tháng.

+ Nhóm 3:

c. Mặc dù có đủ tiền để mua nhà nhưng vợ chồng chị Y vẫn chọn hình thức mua trả góp với mục đích dành ra một khoản tiền để kinh doanh.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế để trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

a. Hiện nay, trên thực tế các ngân hàng có mức lãi suất huy động tiết kiệm khác nhau nhưng ngân hàng có lãi suất thấp hơn vẫn có người mang tiền đến gửi xuất phát từ đặc điểm của tín dụng ngân hàng đó là sự tin tưởng, tín nhiệm, tiện lợi. Ngân hàng có lãi suất cao nhất không có nghĩa đây là nơi gửi tiền an toàn nhất so với các ngân hàng khác, vì vậy N cần cân nhắc.

b. Khi thoả thuận với ngân hàng vay trả góp để mua nhà, vợ chồng chị Y muốn kéo dài thời gian trả góp để không có sức ép phải lo khoản tiền lớn để trả nợ hằng tháng. Điều này là sai lầm, càng kéo dài thời gian trả góp càng bất lợi vì giai đoạn cuối ngân hàng thường quy định mức lãi suất cao.

c. Mặc dù có đủ tiền để mua nhà nhưng vợ chồng chị Y vẫn chọn hình thức mua trả góp để dành ra một khoản tiền để kinh doanh. Đây là tình huống mở. Nếu việc kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận cao hơn so với khoản tiền lãi phải trả góp thì có thể chọn phương án này.

- GV mời các nhóm nhận xét lẫn nhau, bổ sung ý kiến (nếu cần thiết).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tín dụng.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện làm bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.60; HS trải nghiệm thực tế, sưu tầm tư liệu hình ảnh, thông tin trên sách báo và internet để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Trải nghiệm thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó và nêu các thủ tục cần có để thực hiện thủ tục mua trả góp.

- Bài viết giới thiệu ý nghĩa của một loại công trái hoặc trái phiếu Chính phủ trong đời sống xã hội.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện sau giờ học:

+ Em hãy cùng các bạn tham gia trải nghiệm tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (ví dụ: điện thoại, xe máy, máy vi tính,...) và cho biết các thủ tục cần có để thực hiện mua trả góp mặt hàng đó.

+ Em hãy tìm hiểu, viết bài giới thiệu ý nghĩa của một loại công trái hoặc trái phiếu chính phủ mà em biết trong đời sống xã hội.

- GV hướng dẫn HS:

+ Với bài tập 1, HS thực hiện theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết để mua trả góp mặt hàng đó.

- + Với bài tập 2, HS có thể tìm hiểu từ người thân hoặc thông tin trên mạng xã hội về một loại công trái hoặc trái phiếu chính phủ, viết khoảng một trang giới thiệu (khuyến khích HS có hình ảnh minh họa) kết quả phát triển kinh tế - xã hội từ loại trái phiếu này.
- nuôi, trồng trọt, kinh doanh dịch vụ nào đó hay nhờ vay vốn tín dụng mà mua được nhà, mua được xe...
- + HS khai thác đặc điểm tín dụng dựa trên sự tin tưởng để phân tích câu nhận định trong SGK.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sưu tầm tư liệu, trải nghiệm thực tế của bản thân để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Trả lời câu hỏi 1, 2 phần Luyện tập SGK tr.60.
- Làm bài tập Bài 9 – Sách bài tập Giáo dục kinh tế & pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân*.

CHỦ ĐỀ 6: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

BÀI 10: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân; các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**
 - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch tài chính cá nhân.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- **Năng lực riêng:**
 - *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc quản lý tài chính cá nhân; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.
 - *Năng lực phát triển bản thân:* Lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân.
 - *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác thực hiện việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về kế hoạch tài chính cá nhân.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Lập kế hoạch tài chính cá nhân*.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu bài học, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân của HS về chủ đề lập kế hoạch tài chính cá nhân, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS chia sẻ suy nghĩ về việc chi tiêu có kế hoạch và không có kế hoạch.

c. Sản phẩm học tập: Suy nghĩ của HS về việc chi tiêu có kế hoạch và không có kế hoạch.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra chủ đề: *Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về việc chi tiêu có kế hoạch và chi tiêu không có kế hoạch.*
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1-2 HS chia sẻ ý kiến trước lớp:
 - + *Chi tiêu có kế hoạch là một việc làm thông minh. Việc này sẽ giúp chúng ta chi tiêu hợp lý, tiết kiệm chi phí và để dành được tiền cho các sự việc phát sinh ngoài ý muốn, đầu tư sinh lời,...*
 - + *Chi tiêu không hợp lý sẽ khiến tiền bạc cạn dần dù kiếm được nhiều đến bao nhiêu. Và dần đến một lúc nào đó, khi một việc phát sinh xảy ra mà yêu cầu cần tiền để giải quyết sẽ không thể làm được.*
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mỗi chúng ta ai cũng sẽ phải giải quyết những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm....phần đầu cho các mục tiêu tài chính khác nhau và đối mặt với những rủi ro trong cuộc sống. Để thực hiện tốt được những vấn đề đó, kiểm soát được tình hình tài chính của bản thân và gia đình, mỗi người cần biết lập kế hoạch tài chính cá nhân. Bài học này sẽ giúp em biết được những kiến thức cơ bản về kế hoạch tài chính cá nhân, tầm quan trọng phải lập kế hoạch tài chính cá nhân và các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. Chúng ta cùng vào **Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp của sinh viên H SGK tr.61, 62 và trả lời câu hỏi; rút ra khái niệm tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở khái niệm tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: + <i>Tại Việt Nam, vấn đề lập kế hoạch tài chính cá nhân chưa được đại đa số công chúng nhận thức và quan tâm đúng mức hay nói cách khác là “Được bữa nào xào bữa ấy”. Thực tại xã hội Việt Nam có rất nhiều cá nhân, gia đình thuộc dạng nghèo, mặc dù họ tự nhận thấy hiện tại có thể sống đủ. Tuy nhiên, đa số chỉ nhìn vào nhu cầu trước mắt chứ không phải là câu trả lời cho tương lai, thậm chí là tương lai gần.</i> + <i>Một kế hoạch tài chính cá nhân tốt cho phép chúng ta phát triển mà không có bất kỳ sự lãng phí và trì hoãn nào. Vậy tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân là gì?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp của sinh viên H SGK tr.61, 62 và trả lời câu hỏi: + <i>Những vấn đề tài chính cá nhân mà H phải giải quyết là gì?</i> + <i>H đã có kế hoạch tài chính cá nhân để giải quyết các vấn đề đó như thế nào?</i>	1. Tìm hiểu khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân - Những vấn đề tài chính cá nhân H phải quyết là: + Làm thế nào để cân đối thu chi với khoản tiền bố mẹ chu cấp. + Làm thế nào để có thể tiết kiệm được một số tiền để thực hiện những mục tiêu của cá nhân. - H đã có kế hoạch tài chính: + Học tốt để có học bổng. + Làm thêm. + Xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi không cần thiết. ☐ Như vậy: - <i>Tài chính cá nhân là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người.</i> - <i>Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lí tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.</i>

- GV trình chiếu cho HS quan sát bảng kế hoạch tài chính cá nhân:

QUẢN LÝ THU NHẬP - CHI TIÊU THÁNG 02

Thông kê trong tháng	Thông kê cả năm
Còn lại	8,385,000
Số dư ĐK	8,588,500
Tổng Thu	11,464,500
Tổng Chi	11,668,000
Chi phí	
Ăn chơi	184,000
Cá nhân	2,525,500
Gia Đình	-
Quan hệ	-
Chi tiết kiệm	4,500,000
Học tập	3,500,000
Kinh doanh	460,000
Chi trả nợ	-
Chi khác	498,500
Các loại quỹ	
Quỹ Đầu tư	1,000,000
Quỹ Dự phòng	1,000,000
Quỹ Học Tập	800,000
Quỹ Từ Thiện	1,000,000
Quỹ hưởng thụ	1,000,000

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ Tài chính cá nhân là gì?

+ Kế hoạch tài chính cá nhân là gì?

- GV lưu ý HS: Để có thể xây dựng được mục tiêu tài chính cho bản thân, trước hết em cần phải nắm rõ tình hình kinh tế hiện tại của mình.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm đôi về trường hợp của sinh viên H SGK tr.61, 62 và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra khái niệm tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi ở hoạt động 1.

- GV mời đại diện HS trình bày khái niệm tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các loại kế hoạch tài chính cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: GV chia HS thành 3 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ *Nhóm 1: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.*

+ *Nhóm 2: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.*

+ *Nhóm 3: Tìm hiểu kế hoạch cá dài hạn.*

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: Trong cuộc sống, có nhiều loại kế hoạch tài chính khác nhau. Xét về thời gian thực hiện, có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Độ dài thời gian của các loại kế hoạch này cũng khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể của mỗi người. Đối với lứa tuổi học sinh, thời gian phân định các loại kế hoạch này cũng ngắn hơn. - GV chia HS thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập sau: * Nhóm 1: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn. + <i>Đọc câu chuyện kế hoạch tài của M và trả lời câu hỏi:</i> ● <i>Kế hoạch tài chính cá nhân của M nhằm đạt mục tiêu gì?</i> ● <i>Thời gian thực hiện bao lâu?</i> ● <i>Cách thực hiện như thế nào?</i> + <i>Rút ra kết luận:</i> ● <i>Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là gì?</i> ● <i>Nêu đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.</i> * Nhóm 2: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn	2. Tìm hiểu các loại kế hoạch tài chính cá nhân a) Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn - Kế hoạch tài chính cá nhân của M nhằm mục tiêu tiết kiệm tiền để mua bộ vợt cầu lông làm món quà tặng em trai. - Thời gian M thực hiện là 20 ngày. - M thực hiện bằng cách tiết kiệm từ khoản tiền tiêu vặt mẹ cho và mỗi ngày phải tiết kiệm được 10.000 đồng. ☐ Như vậy: - Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn. - Đặc điểm: + <i>Mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ.</i> + <i>Thời gian thực hiện ngắn.</i>

+ <i>Đọc câu chuyện của H và trả lời câu hỏi:</i> • <i>Kế hoạch tài chính của H trong 5 tháng tới nhằm thực hiện mục tiêu tài chính gì?</i> • <i>Thời gian thực hiện có đặc điểm gì khác so với kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn?</i> • <i>Cách thực hiện như thế nào?</i> + <i>Rút ra kết luận:</i> • <i>Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là gì?</i> • <i>Nêu đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.</i> * Nhóm 3: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn + <i>Đọc câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:</i> • <i>Kế hoạch tài chính cá nhân của M trong suốt năm học lớp 9 nhằm mục tiêu gì?</i> • <i>Thời gian thực hiện so với kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn có điểm gì khác biệt?</i> • <i>Cách thực hiện như thế nào?</i> + <i>Rút ra kết luận:</i> • <i>Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là gì?</i> • <i>Nêu đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia thành 3 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập:	b) Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn - Kế hoạch tài chính của H trong 5 tháng tới nhằm thực hiện mục tiêu về thăm gia đình. - Thời gian thực hiện dài hơn so với kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn. - Cách thực hiện của H là ghi chép cẩn thận các khoản thu chi, xem xét cắt giảm những khoản chi tiêu không cần thiết đồng thời nhận thêm công việc làm thêm theo giờ. ☐ Như vậy: + <i>Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 đến 6 tháng.</i> + <i>Đặc điểm:</i> + <i>Thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ.</i> + <i>Thời gian thực hiện từ 3 đến 6 tháng.</i> c) Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn - Kế hoạch tài chính cá nhân của M: trong suốt năm học lớp tiết kiệm 1,5 triệu đồng để tham gia khóa học bồi dưỡng tiếng Anh trong dịp hè. - Thời gian thực hiện dài hơn so với kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn và gồm nhiều mục tiêu ngắn hạn và trung hạn. - M thực hiện bằng cách thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, tiết kiệm tiền từ các khoản mẹ cho hàng tháng. Ngoài ra M thực hiện mục tiêu trung hạn là nuôi 5 con gà xin được từ mẹ trong vòng 4 tháng. ☐ Như vậy:
--	--

+ Nhóm 1: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn. + Nhóm 2: Tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn. + Nhóm 3: Tìm hiểu kế hoạch cá dài hạn. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày các loại kế hoạch tài chính cá nhân. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn: bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên. - Đặc điểm: + Mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai. + Thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên.
--	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận nhóm đôi, đọc câu chuyện của H và trả lời câu hỏi; HS rút ra được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt vấn đề: + Hầu như không ai có thể dự đoán chính xác những gì sẽ xảy ra với mình trong tương lai. Tuy nhiên, chúng ta có thể chuẩn bị trước để đón đầu mọi thứ bằng mọi khả năng của bản thân. + Thông thường, những người có ý định lập kế hoạch tài chính sẽ vạch ra từng bước trong hàng chục năm tới với các mục tiêu tiết kiệm và đầu tư cụ thể. Số còn lại, không có kế hoạch chi tiết thường nghĩ rằng mọi thứ sẽ ổn nếu dành một ít tiền mỗi tháng cho việc nghỉ hưu. Tuy nhiên, nếu gặp phải những rủi ro bất ngờ, số tiền đó sẽ không thể nào đảm bảo cho chúng ta.	3. Tìm hiểu tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân - Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kỹ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống: chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không thâm hụt, nợ nần mà còn có tiền tiết kiệm. - H đã tự chủ trong cuộc sống: + Tự tính toán, cân nhắc chi phí thiết. + Nắm rõ tình hình tài chính cá nhân để điều chỉnh cho phù hợp. ☐ H đã được Q nhắc nhở và noi theo việc xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc câu chuyện của H SGK tr.và trả lời câu hỏi: + Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kỹ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống như thế nào? + H đã tự chủ trong cuộc sống ra sau và được bạn bè tôn trọng như thế nào? - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: <i>Nêu tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm đôi, đọc câu chuyện của H Và trả lời câu hỏi; HS rút ra được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	□ Như vậy: Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người: + Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập. + Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp. + Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống. + Được mọi người tôn trọng, quý mến.
--	--

Hoạt động 4: Tìm hiểu các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS biết các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo 4 nhóm, đọc câu chuyện của M để từng bước rút ra được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân:

+ *Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời gian thực hiện.*

+ *Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân.*

+ *Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân.*

+ *Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.*

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được vào vở các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV dẫn dắt: *Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch này, cần thực hiện 4 bước cơ bản.*

- GV chia HS thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận xuyên suốt các nội dung từ Bước 1 đến Bước 4.

- GV hướng dẫn các nhóm đọc câu chuyện của M trong SGK tr.64 và trả lời câu hỏi :

+ Trong một năm học phải xa nhà, M đã xác định các mục tiêu tài chính cần thực hiện là gì? Thời gian thực hiện các mục tiêu đó trong bao lâu?

+ Theo em, việc xác định mục tiêu tài chính đó có ý nghĩa như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ Mục tiêu tài chính là gì ?

+ Để xác định mục tiêu tài chính, chúng ta cần làm gì?

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

+ M đã làm thế nào để theo dõi và kiểm soát được thu chi tài chính của mình?

4. Tìm hiểu các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

Bước 1: Xác định mục đích tài chính và thời gian thực hiện

- Trong thời gian một năm học phải xa nhà, M đã xác định:

+ Cân đối thu chi từng tháng sao cho không vượt quá số tiền cho phép.

+ Tiết kiệm trong 3 tháng được 400.000 đồng để mừng tuổi ông bà, bố mẹ.

+ Tiết kiệm trong 9 tháng được 800.000 đồng để mua xe đạp mới khi kết thúc năm học.

☐ Việc xác định các mục tiêu tài chính giúp cho M có động lực và định hướng rõ ràng trong việc xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân.

□ Như vậy:

- Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Để xác định mục tiêu tài chính, cần:

+ *Đánh giá năng lực tài chính của cá nhân.*

+ Nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống.

+ *Xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được.*

Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

- M đã theo dõi và kiểm soát thu chi tài chính của mình bằng cách ghi chép lại đầy đủ các khoản thu chi và đặc biệt là các khoản chi tiêu. M đã tách ra những khoản chi thiết yếu và không thiết yếu.

+ Theo em, việc theo dõi và kiểm soát thu chi có vai trò thế nào trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận:

+ Theo dõi và kiểm soát thu chi là bước đi quan trọng để có căn cứ xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính, kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đã đề ra.

+ Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu và những khoản không thiết yếu để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép.

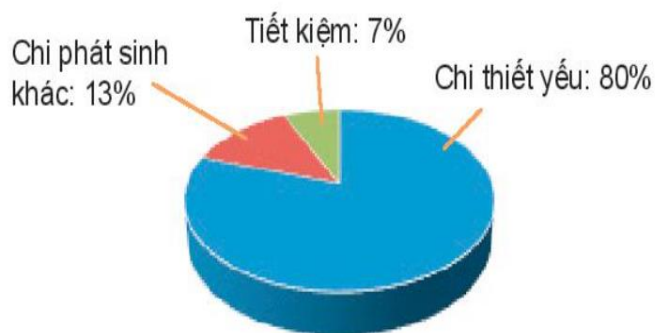
+ Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu.

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi:

+ M đã thiết lập quy tắc thu chi cá nhân như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

+ Theo em, việc thiết lập quy tắc thu chi cá nhân có ý nghĩa như thế nào trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- GV nhận xét: Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi



phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả kế hoạch.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: Nêu một số quy tắc thu chi cá nhân.

□ Đây là căn cứ để xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính đồng thời kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đề ra.

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

- M đã thiết lập quy tắc thu chi cá nhân là 80/13/7 thu nhập hàng tháng. Trong đó có quy tắc tiết kiệm chủ yếu dựa trên tiết giảm các khoản chi tiêu không thiết yếu, không cắt giảm các khoản chi tiêu thiết yếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe và kết quả học tập.

□ Giúp thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đề ra, có hướng đi chính xác và phù hợp nhất để đạt được mục tiêu.

□ Như vậy, một số quy tắc thu chi cá nhân:

+ Đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi.

+ Tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu.

+ Tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

- Để thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân, M đã:

+ Quyết tâm làm theo kế hoạch đề ra.

+ Cập nhập và điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp.

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc theo nhóm, đọc tiếp câu chuyện của M và trả lời câu hỏi: + <i>M đã thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào?</i> + <i>Theo em, việc tuân thủ thực hiện theo kế hoạch tài chính đã đề ra có ý nghĩa như thế nào?</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: <i>Em cần phải làm gì để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân?</i> => GV chốt lại: + <i>Với những người mới bắt đầu quản lý tài chính cá nhân sẽ còn khá ngỡ ngàng. Chúng ta sẽ phải làm quen với nhiều khoản, mục liên quan đến việc này.</i> + <i>Tuy nhiên, mỗi người cần lên kế hoạch tài chính ngay từ bây giờ để không gặp phải vấn đề thiếu hụt nguồn tiền, cân đối trong thu - chi và đạt được sự thịnh vượng về kinh tế.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo 4 nhóm, đọc câu chuyện của M để từng bước rút ra được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân: + <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời gian thực hiện.</i> + <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân.</i> + <i>Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân.</i> + <i>Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.</i> - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	□ Việc tuân thủ thực hiện theo kế hoạch tài chính đã đề ra có ý nghĩa: đạt được mục tiêu đề ra, trở thành người sống tiết kiệm và có nguyên tắc hơn,... □ Như vậy, để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân chúng ta cần: + <i>Thực hiện đúng các định mức chi tiêu đã đề ra trong kế hoạch.</i> + <i>Nếu có những khoản chi đột xuất, cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh.</i> + <i>Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.</i>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện khả năng xử lý tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1, 4 phần Luyện tập SGK tr.68, 69; HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- HS chọn được ý kiến đúng hoặc sai và giải thích.

- HS xử lý các tình huống SGK đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau: *Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?.*

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đúng	Sai	Giải thích
a. Lập kế hoạch tài chính cá nhân chủ yếu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm.			
b. Tăng thu nhập là nội dung quan trọng trong kế hoạch tài chính cá nhân.			
c. Lập kế hoạch tài chính cá nhân để có phương án dự phòng tốt cho tương lai.			
d. Lập kế hoạch tài chính cá nhân để có biện pháp bảo vệ tài chính của cá nhân.			

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế để trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV thu Phiếu học tập của HS và mời 1-2 HS trình bày đáp án trước lớp:

PHIẾU HỌC TẬP			
Nội dung ý kiến	Đúng	Sai	Giải thích

a. Lập kế hoạch tài chính cá nhân chủ yếu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm.		x	Mục tiêu lập kế hoạch tài chính cá nhân trước hết là cân đối thu chi, trên cơ sở đó thực hiện được mục tiêu tiết kiệm.
b. Tăng thu nhập là nội dung quan trọng trong kế hoạch tài chính cá nhân.		x	Lập kế hoạch tài chính cá nhân nhiều khi không đặt ra mục tiêu tăng thu nhập mà chủ yếu là cân đối thu chi và tiết kiệm.
c. Lập kế hoạch tài chính cá nhân để có phương án dự phòng tốt cho tương lai.	x		Nếu có thói quen lập kế hoạch tài chính cá nhân thì sẽ rèn luyện được thói quen chi tiêu đúng mức, có phương án tiết kiệm để dự phòng cho tương lai.
d. Lập kế hoạch tài chính cá nhân để có biện pháp bảo vệ tài chính của cá nhân.	x		Lập kế hoạch tài chính cá nhân nghĩa là luôn có phương án cân đối thu chi, kiểm soát chi tiêu và tiết kiệm, đó là những biện pháp bảo vệ tài chính của mỗi người.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu cần thiết).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Em hãy xử lý các tình huống sau

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS thảo luận 4 nhóm (2 nhóm 1 tình huống), tìm phương án xử lý mỗi tình huống:

a. X và V là đôi bạn thân. Thấy X hay quan tâm đến việc tính toán chi tiêu tiết kiệm để có tiền mua sách, quà sinh nhật cho em, đồng học phí lớp bồi dưỡng Tin học, V góp ý với bạn: “Sao cậu cứ bận tâm lo tiết kiệm vậy? Mình đang là học sinh nên tập trung vào việc học tập, không nên nghĩ đến chuyện tiền bạc”.

Nếu là X, em sẽ giải thích với V thế nào?

b. Bố đi làm xa, mẹ phải về quê chăm sóc bà đang bệnh nặng nên T được mẹ giao nhiệm vụ lo liệu việc nhà, chăm sóc em H đang học lớp 3. Được mẹ cho 700 000 đồng để chi tiêu trong một tuần, T nghĩ chắc lúc mẹ về cũng chưa tiêu hết. Ngày đầu, hai anh em không nấu cơm, ra ngoài ăn quán, còn mua thêm mấy món khoái khẩu nên tiêu hết 200 000 đồng. T chợt thấy lo lắng, nếu cứ chi tiêu thế này thì chỉ 3 - 4 ngày là hết tiền. Vậy những ngày còn lại sẽ ra sao nếu mẹ chưa về?

Nếu là T, em có kế hoạch chi tiêu thế nào trong những ngày tiếp theo?

- GV hướng dẫn HS: Để thêm sinh động, có thể cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và có cả biện pháp xử lý.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra biện pháp xử lý.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện các nhóm sắm vai và xử lý tình huống trước lớp:

a. Em sẽ nói với V về việc HS có kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch này sẽ không ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn giúp mình rèn luyện được thói quen chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, làm chủ được tài chính của mình, rất có lợi không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai. Với những bạn có hoàn cảnh khó khăn thì càng cần phải rèn luyện kỹ năng này để giảm bớt gánh nặng tài chính cho bố mẹ, người thân.

b. Ngay lập tức, em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cho 6 ngày tiếp theo với số tiền còn lại là 500 000 đồng. Như vậy mỗi ngày hai anh em chỉ được chi 84 000 đồng. Cần đưa ra các phương án chi tiêu khác nhau với số tiền này để duy trì mức sinh hoạt cần thiết cho cả hai anh em.

Ví dụ: mỗi anh em ăn sáng hết 10 000 đồng, đi chợ mua thức ăn về tự nấu cơm ở nhà mất 50 000 đồng.... còn lại 14 000 đồng để chi cho những khoản khác.

- GV mời HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu cần thiết).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện làm bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.69; HS liên hệ thực tế, liên hệ bản thân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập:

- Trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác về chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống.
- Kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện sau giờ học:

+ *Em hãy viết bài kể về một trường hợp chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống và bài học rút ra cho bản thân.*

+ *Giả định em có mục tiêu tài chính tiết kiệm được 200 000 đồng trong một tháng. Hãy lập kế hoạch tài chính cá nhân để thực hiện mục tiêu này và chia sẻ với các bạn.*

- GV hướng dẫn HS:

+ *HS viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống, giới hạn bài viết trong một trang.*

+ *HS đưa ra kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng:*

- *Xác định thời gian thực hiện trong bao lâu?*
- *Cách thực hiện tiết kiệm như thế nào?*
- *Chú ý không được cắt giảm những khoản chi thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sưu tầm tư liệu, trải nghiệm thực tế của bản thân, liên hệ bản thân để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Trả lời câu hỏi 2, 4 phần Luyện tập SGK tr.68, 69.
- Làm bài tập Bài 10 – Sách bài tập Giáo dục kinh tế & pháp luật 10.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật.*